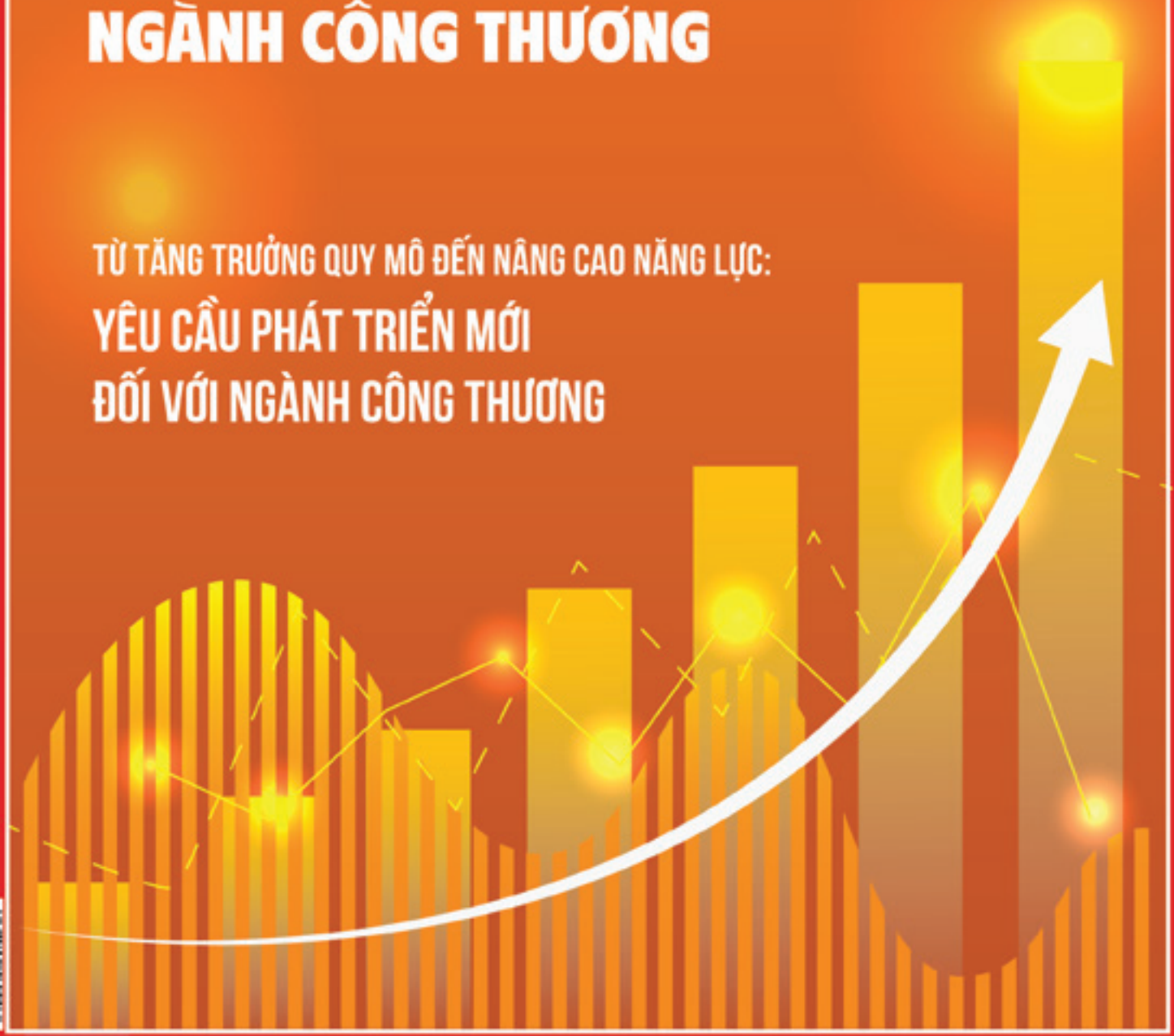
CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
VIETNAM INDUSTRY AND TRADE REVIEW p-ISSN: 3093-3811

TỪ NGHỊ TRƯỜNG QUỐC HỘI *đến thực tiễn* NGÀNH CÔNG THƯƠNG

TỪ TĂNG TRƯỞNG QUY MÔ ĐẾN NÂNG CAO NĂNG LỰC:
YÊU CẦU PHÁT TRIỂN MỚI ĐỐI VỚI NGÀNH CÔNG THƯƠNG



Số 11, tháng 11/2026 ● Website: tapchicongthuong.vn

Vietnam Value

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM TẠI TRIỂN LÃM FOODEXPO 2026

DÒNG CHẢY THƯƠNG HIỆU VIỆT



Đơn vị chủ trì

BỘ CÔNG THƯƠNG

Đơn vị thực hiện

CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

11 – 14 tháng 11 năm 2026

TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX

NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX
MÁC 40/50
ĐẠT TỐI THIỂU
PG70
THEO CHUẨN PHÂN LOẠI NHỰA ĐƯỜNG THEO PG (TCVN 13049:2020)

NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX
MÁC 40/50

GIẢI PHÁP MỚI CHO THI CÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ SÂN BAY

MÁC KIM LÚN
40/50

DO CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX SẢN XUẤT TẠI CÁC NHÀ MÁY:

- Nhà máy Nhựa đường Petrolimex Thượng Lý - Hải Phòng
- Nhà máy Nhựa đường Petrolimex Cửa Lò - Nghệ An
- Nhà máy Nhựa đường Petrolimex Thọ Quang - Đà Nẵng
- Nhà máy Nhựa đường Petrolimex Nhà Bè - TP HCM

ĐẶC TÍNH CƠ HỌC CHẤT LƯỢNG CAO
Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khắt khe cho các công trình đường bộ và sân bay.

KHẢ NĂNG CHỐNG HẰN LÚN VƯỢT TRỘI
Cải thiện hiệu suất, tăng độ bền mặt đường, kéo dài tuổi thọ công trình.

HIỆU QUẢ TỐI ƯU
Tối ưu hóa hiệu quả sử dụng, nâng cao chất lượng công trình.

CHI PHÍ HỢP LÝ
Hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với nhiều loại hình dự án.



THI CÔNG BTN SỬ DỤNG NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX 40/50 TẠI SÂN BAY PHÙ CÁT 2026

ỔN ĐỊNH NHIỆT TỐT
Ít lão hóa, duy trì tính năng lâu dài

CHỊU TẢI TRỌNG LỚN
Phù hợp điều kiện tải trọng lớn, lưu lượng giao thông cao

CHỐNG HẰN LÚN VƯỢT TRỘI
Tăng tuổi thọ mặt đường, giảm chi phí bảo trì

THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG
Giảm phát thải, hướng tới phát triển bền vững

Web: www.plc.petrolimex.com.vn | Điện thoại: 024 3851 3206



HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - EFTA:

KỲ VỌNG VÀ GIẢI PHÁP CHO DOANH NGHIỆP

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
GS.TS. Trần Thọ Đạt
GS.TS. Trần Văn Địch
GS.TS. Nguyễn Bách Khoa
GS.TSKH. Đỗ Ngọc Khuê
GS.TSKH. Bành Tiến Long
GS.TSKH. Nguyễn Xuân Quỳnh
GS.TS. Đinh Văn Sơn
GS.TSKH. Trần Văn Sung
PGS.TS. Lê Văn Tán
GS.TS. Phạm Minh Tuấn
GS.TSKH. Đào Trí Úc
GS.TSKH. Đăng Ứng Vận
GS.TS. Võ Khánh Vinh

Trình bày: Tại tòa soạn
In tại Công ty CP Phát triển In Việt Nam

Giá: 20.000đ

TỔNG BIÊN TẬP
Nhà báo Phạm Thị Lệ Nhung

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Nhà báo Ngô Thị Diệu Thúy

TÒA SOẠN
Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng,
phường Nghĩa Đô, Hà Nội.
ĐT: 0243. 2088856 - 0936.131861
Email: tapchicongthuong.moit@gmail.com

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN NAM
Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai,
P. Đa Kao, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
Số 7 đường Cách mạng tháng Tám,
phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng

Giấy phép hoạt động báo chí: Số 196/GP-BTTTT cấp ngày 5/6/2023
Tạp chí Công Thương - Kinh tế ngành: p-ISSN 3093-3811
Tạp chí Công Thương điện tử : e-ISSN 3093-3870
Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ: p-ISSN 0866-7756
Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ điện tử: e-ISSN 3093-3994

Website: www.tapchicongthuong.vn

MỤC LỤC

4

Rà soát, hoàn thành sớm chỉ tiêu 2026 - Bộ Công Thương chủ động kịch bản tăng trưởng 2027

8

Từ tăng trưởng quy mô đến nâng cao năng lực: Yêu cầu phát triển mới đối với ngành Công Thương

14

Từ nghị trường Quốc hội đến thực tiễn ngành Công Thương

20

Bộ Công Thương: Tháo gỡ điểm nghẽn pháp lý khơi thông nguồn lực tăng trưởng

25

Nỗ lực cải cách của Bộ Công Thương có ý nghĩa trực tiếp với năng lực sản xuất

28

Phát triển thị trường điện cạnh tranh: Định hướng xuyên suốt trong chính sách năng lượng

32

Tách bạch độc quyền tự nhiên và hóa giải bẫy thiếu tiền: Lộ trình xoắn ốc song hành trong cải cách thị trường điện Việt Nam

38

Bộ Công Thương: Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường, giữ nhịp tăng trưởng xuất nhập khẩu

40

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EFTA: Kỳ vọng và giải pháp cho doanh nghiệp

60

Công tác nữ công tại Công ty Thuốc lá Sài Gòn: Gắn kết, sẻ chia và lan tỏa yêu thương

62

EVN giữ dòng điện ổn định, tăng tốc các công trình trọng điểm

68

Hưng Yên tăng cường kiểm soát thị trường, quyết liệt chống buôn lậu và hàng giả

CONTENTS

(48-51) FEATURE

- Vietnam - EFTA Free Trade Agreement opens new opportunities for cooperation in trade, investment and sustainable development
- Vietnam and Japan strengthen cooperation in strategic minerals, energy, industry and trade

(52-54) FINANCE

- Ministry of Industry and Trade seeks feedback on three major industrial development initiatives

(55-57) INTEGRATION

- Deputy Minister Lương Hoàng Thái calls for stronger coordination to sustain industrial and trade growth

(48-49) MARKETS

- Vietnam and Finland seek stronger cooperation in trade, investment, technology and energy

RÀ SOÁT HOÀN THÀNH SỚM CHỈ TIÊU 2026 BỘ CÔNG THƯƠNG CHỦ ĐỘNG KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG 2027

ĐẾN HẾT 10 THÁNG NĂM 2026, BỨC TRANH TĂNG TRƯỞNG CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG CÓ NHIỀU ĐIỂM SÁNG, TRONG ĐÓ CÓ 7/8 CHỈ TIÊU ĐẠT, VƯỢT MỤC TIÊU, CÁN CÂN THƯƠNG MẠI CẢI THIỆN MẠNH MẼ ĐƯA NHẬP SIÊU LŨY KẾ GIẢM TỪ 4,5% XUỐNG 2,5% KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CHỈ SAU MỘT THÁNG. CÙNG VỚI VIỆC RÀ SOÁT, TẬP TRUNG HOÀN THÀNH SỚM CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM TẬP TRUNG GIẢI PHÁP CÓ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN TĂNG TRƯỞNG, BỘ CÔNG THƯƠNG TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BỘ CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH VÀ CƠ CHẾ CẢNH BÁO CHO KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG 2027.

● NGUYÊN HÀ

Theo báo cáo của Vụ Kế hoạch - Tài chính (Bộ Công Thương), đến hết tháng 10 năm 2026, hoạt động sản xuất, thương mại và năng lượng duy trì xu hướng tích cực, nhiều chỉ tiêu cải thiện so với 9 tháng năm 2026.

10 tháng 2026: Vượt, đạt 7/8 chỉ tiêu tăng trưởng

Sản xuất công nghiệp trong 10 tháng 2026 duy trì tăng trưởng hai con số và tăng tốc so với kỳ 9 tháng cụ thể IIP lũy kế 10 tháng tăng 12,4% so với mức 12,3% của 9 tháng theo số liệu đã cập nhật, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính.

Thị trường trong nước tiếp tục là điểm tựa quan trọng của tăng trưởng, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 12,9%, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 17,0%, doanh thu du lịch lữ hành tăng 18,1% và doanh thu dịch vụ khác tăng 13,6%, nằm trong dải mục tiêu năm 2026 là 13-15%, cao hơn kịch bản 10 tháng (12,8%) khoảng 0,8 điểm phần trăm.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10 đạt 64,67 tỷ USD, là mức cao nhất theo tháng từ đầu năm đến nay, tăng 8,7% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,94 tỷ USD, tăng 4,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 54,73 tỷ USD, tăng 9,5%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10 tăng 51,4%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 13,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 61,2%.

Quy mô xuất khẩu 10 tháng đã vượt tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2025 với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 499,24 tỷ USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 93,93 tỷ USD, tăng 8,2%, chiếm 18,8% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 405,31 tỷ USD, tăng 33,0%, chiếm 81,2%. Trong 10 tháng năm 2026 có 37 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 73,4%).

Trong tháng 10, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 122,03 tỷ USD, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 47,4% so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, cán cân thương mại hàng hóa tháng 10 xuất siêu 7,31 tỷ USD, sau khi xuất siêu 1,30 tỷ USD trong tháng



Chủ trì Hội nghị về phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia và công tác bảo đảm cung ứng điện năm 2027-2028, Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng nhấn mạnh, trong mọi trường hợp, phải cung ứng đủ năng lượng nói chung, đặc biệt là điện, cho nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống Nhân dân bằng các giải pháp cụ thể, khả thi.

Bộ trưởng yêu cầu cả hệ thống vào cuộc đồng bộ, tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách, xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, thời hạn thực hiện; ma trận công việc phải đi liền với ma trận trách nhiệm và ma trận rủi ro để quản trị, thực hiện bằng được mục tiêu đề ra. Các công trình nguồn, lưới đã xác định bắt buộc phải vào vận hành năm 2027 thì phải thực hiện bằng được, phải có mốc quyết định, mốc tiến độ cụ thể; việc thiết kế giải pháp là để phòng rủi ro tăng trưởng, không phải để tính phương án lùi.

9, đây là tháng thứ hai liên tiếp ghi nhận xuất siêu trong năm 2026.

Tính chung 10 tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 1.010,55 tỷ USD, tăng 32,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là lần đầu tiên tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam vượt mốc 1.000 tỷ USD, đạt mức cao nhất từ trước đến nay, cho thấy quy mô hoạt động thương mại quốc tế tiếp tục được mở rộng mạnh mẽ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tăng 27,5%; nhập khẩu tăng 37,4%.

Điện và năng lượng cơ bản được bảo đảm, nhưng tiến độ bổ sung công suất nguồn vẫn là điểm nghẽn. Điện năng sản xuất và nhập khẩu 10 tháng tăng 9,6%, đạt 84,8% kế hoạch năm; tổng công suất nguồn điện mới tăng khoảng 3,6% so với mục tiêu tối thiểu 6,6%. Thương mại điện tử tăng trưởng B2C lũy kế đạt 20,0% (9 tháng là 19,5%), tháng 10 tăng 23,75%; tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT duy trì 68%, vượt mục tiêu.

Đến hết 10 tháng năm 2026, Bộ Công Thương có 7/8 chỉ tiêu đạt hoặc vượt mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng thương mại điện tử B2C đã chuyển từ chưa đạt sang đạt, còn 1 chỉ tiêu chưa đạt là tăng tổng công suất nguồn điện. Các chỉ tiêu sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, tổng mức bán lẻ và thương mại điện tử cải thiện, trong khi công suất nguồn điện vẫn là chỉ tiêu cần tập trung xử lý

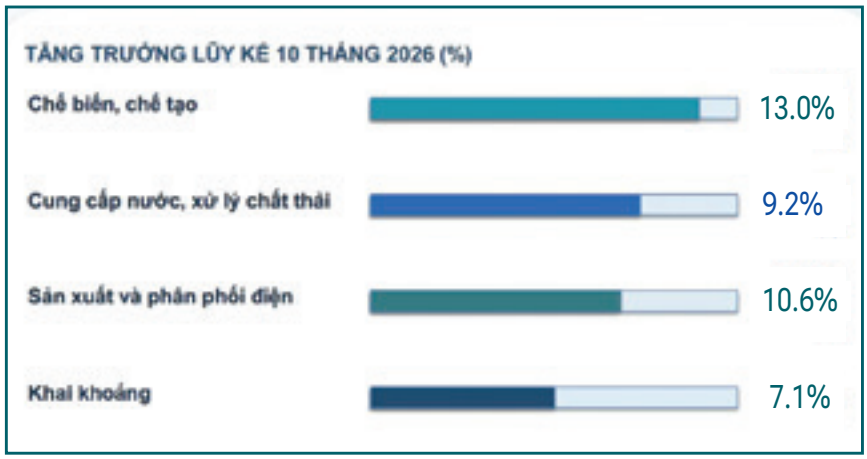
Nhìn chung, sau 10 tháng năm 2026, hoạt động sản xuất, thương mại và năng lượng nhìn chung duy trì xu hướng tích cực, nhiều chỉ tiêu cải thiện so với 9 tháng; song mức độ phục hồi và chất lượng tăng trưởng giữa các lĩnh vực còn phân hóa, đồng thời một số rủi ro cơ cấu cần được quản trị chủ động trong những tháng cuối năm.

Tổng hợp chỉ tiêu tăng trưởng của ngành Công Thương tháng 10/2026



Nguồn: Bộ Công Thương

Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp IPP so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Cục Thống kê

Nhận diện các rủi ro trọng yếu và yêu cầu điều hành cuối năm 2026, đầu năm 2027

Từ kết quả 10 tháng, Bộ Công Thương xác định cần tập trung theo dõi và chủ động ứng phó với 06 nhóm rủi ro trọng yếu trong những tháng cuối năm 2026 và đầu năm 2027 gồm:

(1) Rủi ro từ điều kiện tài chính quốc tế: chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn, nhất là Hoa Kỳ, còn theo hướng thận trọng, thắt chặt có thể tạo áp lực lên tỷ giá, dòng vốn và chi phí huy động vốn; tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu tính bằng USD và sức cầu tại các thị trường XK lớn cũng như tiêu dùng nội địa.

(2) Rủi ro đối với tăng trưởng sản xuất công nghiệp: nếu chế biến, chế tạo tại các địa bàn có quy mô lớn không duy trì được đà tăng, IIP cả năm khó đạt mức giữa và cận trên của dải mục tiêu 12-14%. Các điểm nghẽn về đơn hàng, nguyên liệu, điện và logistics cần được xử lý kịp thời.

(3) Rủi ro về điện và năng lượng: tiến độ bổ sung công suất nguồn còn chậm trong khi nhu cầu điện cho sản xuất tăng và chuẩn bị bước vào mùa khô năm 2027. Giá năng lượng thế giới biến động làm tăng trị giá nhập khẩu nhiên liệu (xăng dầu tăng 78,5%, khí đốt hóa lỏng tăng 54,2%), gây thêm sức ép lên chi phí sản xuất và cán cân thương mại.

(4) Rủi ro nhập siêu và phụ thuộc nguồn cung đầu vào: nhập khẩu tăng nhanh và tập trung lớn vào linh kiện, máy móc, nguyên liệu làm gia tăng mức độ nhạy cảm trước biến động giá, logistics và chính sách kiểm soát xuất khẩu của các đối tác; đồng thời đặt ra yêu cầu đẩy nhanh phát triển công nghiệp hỗ trợ và nâng tỷ lệ nội địa hóa.

(6) Rủi ro đối với thị trường trong nước và thương mại điện tử: bán lẻ hàng hóa chỉ tăng thấp hơn khu vực dịch vụ; cần duy trì đà tiêu dùng cuối năm và chuẩn bị nền tăng trưởng 14% năm 2027.

Để hoàn thành cao nhất các mục tiêu năm 2026, Bộ Công Thương đưa ra các nhiệm vụ trọng tâm:

Đối với sản xuất công nghiệp: Rà soát từng ngành và địa phương còn tăng thấp hơn kịch bản, lượng hóa phần thiếu hụt so với mục tiêu cả năm; ưu tiên tháo gỡ khó khăn cho chế biến, chế tạo, đơn hàng, nguyên liệu và các dự án có khả năng tạo thêm sản lượng ngay trong tháng 11, tháng 12.

Đối với điện và năng lượng: Đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn, lưới điện trọng điểm, phấn đấu đóng điện tối đa công suất nguồn mới trong năm 2026; khẩn trương hoàn thiện điều chỉnh Quy hoạch điện VIII và Phương thức vận hành hệ thống điện năm 2027-2028; bảo đảm nhiên liệu cho phát điện, xây dựng phương án điều hòa nguồn nước hợp lý, bảo đảm mục tiêu phát điện và sản xuất nông nghiệp

trước nguy cơ nắng nóng 2027. Đồng thời, thường xuyên cập nhật các kịch bản giá dầu, nguồn cung và tuyến vận chuyển quốc tế; phối hợp linh hoạt các công cụ về thuế, phí, giá và dự trữ khi cần thiết.

Đối với xuất nhập khẩu và cán cân thương mại: Tiếp tục theo dõi theo nhóm hàng, thị trường và khu vực doanh nghiệp; phân tách rõ nhập khẩu phục vụ đầu tư, sản xuất với nhập khẩu hàng tiêu dùng; theo dõi các doanh nghiệp FDI có chênh lệch xuất nhập khẩu lớn và thúc đẩy nội địa hóa. Đồng thời, phối hợp theo dõi diễn biến tỷ giá, lãi suất và chi phí vốn quốc tế để kịp thời đánh giá tác động đến doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, doanh nghiệp xuất khẩu và các ngành sử dụng nhiều năng lượng.

Đối với xuất khẩu: Tiếp tục khai thác hiệu quả các FTA, đa dạng hóa thị trường và tăng cường cảnh báo sớm về thuế quan, phòng vệ thương mại, xuất xứ, tiêu chuẩn xanh và truy xuất nguồn gốc.

Đối với thị trường trong nước: Tiếp tục triển khai các chương trình kích cầu, khuyến mại tập trung cuối năm, kết nối cung - cầu và bảo đảm nguồn hàng phục vụ Tết Nguyên đán 2027; theo dõi riêng tốc độ bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm tiêu dùng lớn và các địa phương còn tăng dưới mức mục tiêu.

Đối với thương mại điện tử: Duy trì tăng trưởng B2C cả năm tối thiểu 20% và phấn đấu gia tăng khoảng cách an toàn so với ngưỡng mục tiêu; đẩy mạnh giao dịch thực chất, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thương mại điện tử xuyên biên giới, xác thực người bán, kiểm soát hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng.

Tại Kết luận số 106-KL/TW ngày 15/10/2026 đã xác định mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2027 từ 10% trở lên, công nghiệp - xây dựng tăng 12,2% (trong đó chế biến, chế tạo tăng 12,3%) và các chỉ tiêu cụ thể. Vì vậy, Bộ Công Thương xác định cần sớm chuyển các mục tiêu dự kiến thành công việc chuẩn bị, phương án điều hành và công cụ giám sát cho kịch bản tăng trưởng năm 2027.

Theo đó, nhóm công nghiệp, thương mại năm 2027 được đặt trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên nhưng vẫn phải kiểm soát lạm phát (CPI khoảng 4,5%). Mức mục tiêu IIP và xuất khẩu năm 2027 không cao hơn dải 2026, song không đồng nghĩa sức ép thực hiện giảm, bởi quy mô sản xuất và xuất khẩu năm 2026 đã mở rộng mạnh, nhu cầu nguyên liệu, điện, logistics và yêu cầu tiêu chuẩn hàng hóa ngày càng lớn. Ngược lại, mục tiêu bán lẻ 14% đòi hỏi nâng sức mua hàng hóa so với tốc độ lũy kế 10 tháng 2026. Với nhóm chỉ tiêu mới về nhập khẩu, nội địa hóa, chế biến chế tạo, tổn thất điện năng, tiết kiệm năng lượng, sản xuất xanh và doanh số thương mại điện tử đòi hỏi sớm thống nhất nguồn dữ liệu, phương pháp thống kê và đầu mối chịu trách nhiệm■

Dự báo kịch bản cho mục tiêu tăng trưởng 2027

CHỈ TIÊU CHỦ ĐẠO	MỤC TIÊU 2026	MỤC TIÊU 2027 (KL 106-KT/TW)	YÊU CẦU
IIP	12–14%	**11,5 -12,5%**	Tăng sản lượng trên nền cao; bảo đảm đơn hàng, năng lượng, nội địa hóa
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	13–15%	**14%**	Cao hơn kết quả 10 tháng 0,5 điểm %; cần tạo nền sức mua từ cuối 2026
Kim ngạch xuất khẩu	15–16%	**15%**	Theo dõi cơ cấu mặt hàng, thị trường
Kim ngạch nhập khẩu		**12%**	Chỉ tiêu mới; gắn với nhu cầu sản xuất, đầu tư
Doanh số TMĐT	20 -22%	**15–17%**	

TỪ TĂNG TRƯỞNG QUY MÔ ĐẾN NÂNG CAO NĂNG LỰC:

YÊU CẦU PHÁT TRIỂN MỚI ĐỐI VỚI NGÀNH CÔNG THƯƠNG

KINH TẾ VIỆT NAM 10 THÁNG NĂM 2026 CHO THẤY NHỮNG THÀNH TỰU ĐÁNG GHI NHẬN. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG CAO, XUẤT NHẬP KHẨU LẦN ĐẦU TIÊN VƯỢT MỐC 1.000 TỶ USD, THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC TIẾP TỤC MỞ RỘNG, DÒNG VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI GIA TĂNG VÀ CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ CƠ BẢN ĐƯỢC BẢO ĐẢM. TRONG NHỮNG KẾT QUẢ ĐÓ, NGÀNH CÔNG THƯƠNG KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ LÀ MỘT TRONG NHỮNG TRỤ CỘT QUAN TRỌNG THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ. TUY NHIÊN, NHỮNG HẠN CHẾ VỀ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, NĂNG LỰC NỘI SINH, SỰ PHỤ THUỘC VÀO NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ NHẬP KHẨU, MỨC ĐỘ LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP FDI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC VÀ TÍNH TỰ CHỦ CỦA NỀN CÔNG NGHIỆP ĐẶT RA YÊU CẦU PHẢI THAY ĐỔI CÁCH TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN.

● TS. NGUYỄN BÍCH LÂM
Nguyên Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê

Mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên trong năm 2027 có ý nghĩa chiến lược, nhưng tăng trưởng cao phải đi cùng chất lượng và hiệu quả thực chất. Đối với ngành Công Thương, yêu cầu của giai đoạn phát triển mới là chuyển từ lợi thế chi phí sang lợi thế năng lực; từ gia công, lắp ráp sang làm chủ công nghệ và tham gia các công đoạn có giá trị cao; từ mở rộng quy mô xuất khẩu sang nâng cao giá trị gia tăng trong nước; từ thu hút FDI sang hấp thụ và lan tỏa năng lực công nghệ; từ phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài sang từng bước nâng cao tính tự chủ của nền sản xuất.

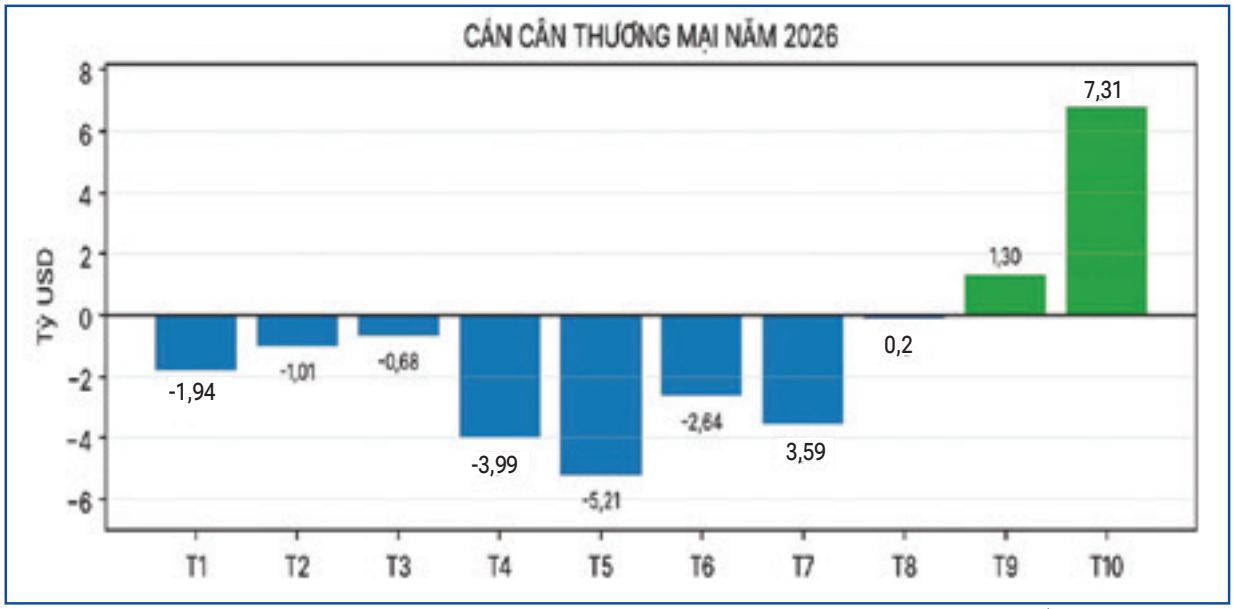
Đây không chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành Công Thương, mà là yêu cầu đối với toàn bộ mô hình tăng trưởng của nền kinh tế. Khi công nghiệp trong nước có năng lực công nghệ cao hơn, doanh nghiệp Việt tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, thị trường trong nước trở thành điểm tựa cho sản xuất và hệ thống năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn, tăng trưởng kinh tế sẽ có nền tảng vững chắc hơn.

NHỮNG ĐÓNG GÓP LỚN CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG VÀ ÁP LỰC VỀ CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG

10 tháng năm 2026, ngành Công Thương tiếp tục ghi nhận những kết quả nổi bật với sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao. Tuy nhiên, đằng sau những con số ấn tượng vẫn còn những hạn chế về giá trị gia tăng, mức độ phụ thuộc nguyên vật liệu nhập khẩu và năng lực tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp trong nước.

Quy mô công nghiệp mở rộng nhưng giá trị gia tăng cải thiện chậm

Công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo (CBCT), tiếp tục là động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Cơ cấu ngành từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo, điện tử, máy móc, thiết bị và những lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao hơn. Năng lực sản xuất được mở rộng, khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu từng bước được nâng lên.



Nguồn: Cục Thống kê

Công nghiệp CBCT cũng là lĩnh vực thu hút phần lớn dòng vốn FDI. Nguồn vốn này góp phần bổ sung nguồn lực đầu tư, mở rộng năng lực sản xuất, tạo việc làm, thúc đẩy xuất khẩu và đưa một số công nghệ, phương thức quản trị tiên tiến vào Việt Nam. Xu hướng đầu tư vào công nghệ cao, công nghệ xanh, kinh tế tuần hoàn mở ra cơ hội để Việt Nam tham gia những công đoạn có giá trị cao hơn trong chuỗi sản xuất toàn cầu.

Tuy nhiên, đằng sau những kết quả tích cực là những hạn chế cần được nhìn nhận thẳng thắn: quy mô sản xuất công nghiệp tăng nhanh nhưng tỷ trọng giá trị tăng thêm của công nghiệp CBCT trong GDP cải thiện chậm. Theo Niên giám thống kê, tỷ trọng này tăng từ 20,96% năm 2015 lên 24,53% năm 2025, tăng 3,57 điểm phần trăm sau 10 năm. Đáng chú ý, giai đoạn 2020 - 2025, tỷ trọng chỉ tăng 0,58 điểm phần trăm.

Ngành công nghiệp có quy mô lớn hơn không đồng nghĩa với việc nền kinh tế tạo ra nhiều giá trị hơn. Nếu sản xuất chủ yếu dựa vào nhập khẩu nguyên vật liệu, linh kiện, thiết bị và công nghệ, trong khi doanh nghiệp trong nước chỉ đảm nhiệm những công đoạn gia công, lắp ráp, thì phần giá trị được tạo ra và giữ lại trong nước sẽ còn hạn chế.

Thực tế, mức độ phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu chưa được cải thiện. Giai đoạn 2019-2024, tỷ lệ nguyên vật liệu nhập khẩu trong tổng chi phí trung gian của nền kinh tế tăng 1,026 điểm phần trăm. Tỷ lệ chi phí trung gian của công nghiệp CBCT ở mức trên 80%; tỷ lệ này của năm 2019 tăng 2,048 điểm phần trăm so với năm 2012 và năm 2024 cao hơn 0,021 điểm phần trăm so với năm 2019. Tỷ lệ chi phí trung gian cao chưa đủ để kết luận công nghệ của ngành công nghiệp lạc hậu, bởi đặc điểm ngành và cơ cấu đầu vào có ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, khi chỉ tiêu này đi cùng sự phụ thuộc lớn vào nguyên vật liệu, linh kiện nhập khẩu và vị trí chủ yếu ở các công đoạn gia công, lắp ráp, đó là dấu hiệu cho thấy năng lực cung ứng trong nước và khả năng làm chủ công nghệ cần được cải thiện mạnh mẽ hơn.

Một vấn đề khác là sự chênh lệch giữa khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước. Khu vực FDI giữ vai trò chủ lực trong nhiều ngành xuất khẩu công nghiệp, trong khi doanh nghiệp trong nước còn hạn chế về vốn, công nghệ, quản trị, quy mô sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của các tập đoàn đa quốc gia. Sự hiện diện của các tập đoàn lớn không tự động tạo ra sự lan tỏa công nghệ và nâng cấp năng lực của doanh nghiệp trong nước.

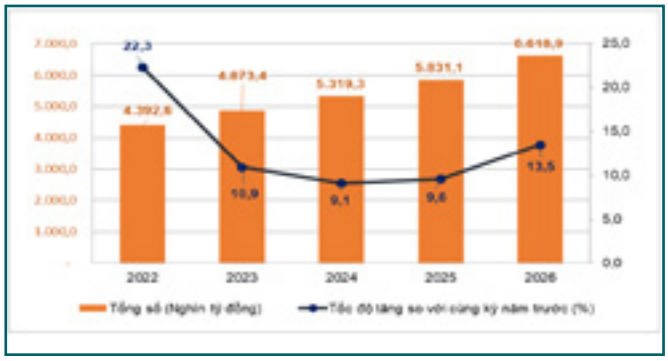
Thách thức của công nghiệp không chỉ là sản xuất nhiều hơn, mà là tạo ra nhiều giá trị hơn bằng năng lực và công nghệ của chính mình.

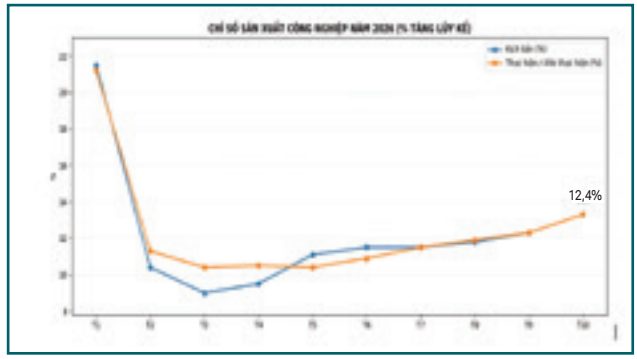
Kim ngạch xuất nhập khẩu vượt mốc 1.000 tỷ USD và bài toán giá trị

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vượt mốc 1.000 tỷ USD sau 10 tháng năm 2026 là thành tựu đáng ghi nhận. Từ một nền kinh tế có quy mô thương mại còn khiêm tốn, Việt Nam đã trở thành nền kinh tế có độ mở lớn, kết nối sâu rộng với thị trường thế giới.

Trong cơ cấu xuất khẩu, nhóm hàng công nghiệp chế

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành mười tháng giai đoạn 2022-2026





Nguồn: Cục Thống kê

biến đạt 452,74 tỷ USD, chiếm 90,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Các sản phẩm điện tử, máy tính, linh kiện, máy móc, thiết bị, điện thoại và phương tiện vận tải giữ vai trò quan trọng, phản ánh sự chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm công nghiệp.

Tuy nhiên, quy mô xuất khẩu lớn không đồng nghĩa với giá trị gia tăng trong nước cao. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu 499,24 tỷ USD, khu vực FDI đạt 405,31 tỷ USD, chiếm 81,2%; khu vực kinh tế trong nước đạt 93,93 tỷ USD, chỉ chiếm 18,8%. Khu vực FDI xuất siêu 25,76 tỷ USD, trong khi khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 37,83 tỷ USD. Những con số này phản ánh sự phân hóa về năng lực cạnh tranh, khả năng tham gia chuỗi cung ứng và năng lực xuất khẩu giữa hai khu vực doanh nghiệp.

Một bất cập khác là xuất khẩu tăng mạnh nhưng nhập khẩu còn tăng nhanh hơn. Trong 10 tháng, nhập khẩu tăng 37,4%, cao hơn mức tăng 27,5% của xuất khẩu. Nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu. Điều đó cho thấy phần lớn hàng nhập khẩu phục vụ sản xuất, đầu tư và xuất khẩu, nhưng cũng phản ánh mức độ phụ thuộc đáng kể của nền sản xuất vào đầu vào bên ngoài.

Xét trong kỳ hiện tại, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu làm giảm đóng góp của xuất khẩu ròng vào tăng trưởng GDP, đồng thời tạo áp lực lên cán cân thương mại và thị trường ngoại hối. Tuy nhiên, nếu máy móc, thiết bị, công nghệ và nguyên vật liệu nhập khẩu được chuyển hóa thành năng lực sản xuất mới, nâng cao năng suất và mở rộng xuất khẩu trong tương lai, thì đó là nguồn lực cần thiết cho tăng trưởng các kỳ tiếp theo.

Vấn đề cốt lõi không phải là hạn chế nhập khẩu bằng mọi giá, mà phải nâng cao hiệu quả chuyển hóa nhập khẩu thành năng lực sản xuất trong nước. Mỗi tỷ USD nhập khẩu tư liệu sản xuất cần được nhìn nhận không chỉ ở giá trị nhập khẩu, mà còn ở năng lực công nghệ, năng suất, sản phẩm và giá trị gia tăng được tạo ra sau khi đưa vào nền kinh tế. Thành công của xuất khẩu không chỉ đo bằng kim ngạch bán ra, mà phải bằng giá trị Việt Nam tạo ra và giữ lại.

Thị trường trong nước: Dư địa lớn, nhưng mức độ chuyển hóa thành giá trị gia tăng còn hạn chế

Với quy mô dân số trên 100 triệu người và lượng khách du lịch quốc tế ngày càng tăng, thị trường trong nước là động lực quan trọng đối với sản xuất và tăng trưởng. Tiêu dùng cuối cùng chiếm tỷ trọng trên 60% GDP, có vai trò lớn trong tổng cầu và tạo đầu ra cho nhiều ngành sản xuất, thương mại và dịch vụ.

10 tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá so sánh tăng 7,7%, cao hơn mức 7,4% của cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, mức cải thiện còn khiêm tốn nếu đặt trong yêu cầu tăng trưởng kinh tế hai con số; sức mua thực tế chưa phục hồi tương xứng với tiềm năng thị trường.

Xét từ cơ cấu giá trị tăng thêm, vai trò đóng góp của các ngành gắn với thương mại và dịch vụ tiêu dùng trong nước cũng chưa có sự cải thiện rõ nét. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của ngành bán buôn, bán lẻ và sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy tăng từ 9,14% GDP năm 2015 lên 9,59% năm 2020 và 9,72% năm 2025. Đáng chú ý, mức tăng trong giai đoạn 2020 - 2025 chỉ đạt 0,13 điểm phần trăm, thấp hơn nhiều so với 0,45 điểm phần trăm của giai đoạn 2015 - 2020. Đối với dịch vụ lưu trú và ăn uống, tỷ trọng năm 2025 đạt 2,62%, thấp hơn mức 2,9% của năm 2015.

Các số liệu này cho thấy, mặc dù thị trường trong nước tiếp tục mở rộng, hoạt động thương mại và dịch vụ tăng trưởng, nhưng mức độ chuyển hóa sự mở rộng

đó thành giá trị tăng thêm và đóng góp vào GDP còn hạn chế. Cần nhìn nhận thị trường không chỉ là nơi tiêu thụ sản phẩm, mà còn là không gian để phát triển doanh nghiệp Việt, xây dựng thương hiệu, đổi mới sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thị trường trong nước chỉ thực sự trở thành động lực tăng trưởng khi sức mua được chuyển hóa thành năng lực sản xuất và giá trị gia tăng của doanh nghiệp Việt.

An ninh năng lượng được đảm bảo nhưng cần xây dựng năng lực cung ứng dài hạn, bền vững

Ngành Công Thương đã có những đóng góp quan trọng trong bảo đảm cung ứng điện, xăng dầu và hàng hóa thiết yếu, duy trì lưu thông hàng hóa, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

Tuy nhiên, an ninh năng lượng vẫn là thách thức lớn. Nhu cầu điện, xăng dầu và năng lượng phục vụ sản xuất sẽ tăng nhanh khi nền kinh tế hướng tới mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên. Trong khi đó, tiến độ một số dự án nguồn và lưới điện, khả năng dự trữ năng lượng, sự phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu và biến động giá năng lượng quốc tế vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Vì vậy, bảo đảm an ninh năng lượng không chỉ là đáp ứng đủ nhu cầu trước mắt, mà phải xây dựng năng lực cung ứng dài hạn, đa dạng hóa nguồn năng lượng, phát triển hạ tầng dự trữ và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Không có an ninh năng lượng vững chắc thì khó có nền tảng cho tăng trưởng công nghiệp nhanh và bền vững.

DƯ ĐỊA PHÁT TRIỂN VÀ YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG

Từ thực tiễn 10 tháng năm 2026, có thể nhận diện ba điểm sáng quan trọng của ngành Công Thương. *Một là,* năng lực sản xuất công nghiệp được mở rộng, công nghiệp CBCT tiếp tục giữ vai trò động lực chủ yếu của tăng trưởng. *Hai là,* xuất nhập khẩu phát triển mạnh, quy mô thương mại vượt mốc 1.000 tỷ USD, vị thế của Việt Nam trong mạng lưới sản xuất và thương mại toàn cầu được nâng lên. *Ba là,* thị trường trong nước, hệ thống phân phối và cung ứng hàng hóa tiếp tục phát triển; công tác bảo đảm năng lượng, cân đối cung cầu và ổn định thị trường đóng góp tích cực vào ổn định kinh tế vĩ mô.

Tuy nhiên, những hạn chế về chất lượng tăng trưởng cũng bộc lộ ngày càng rõ: tỷ trọng giá trị tăng thêm của công nghiệp CBCT cải thiện chậm; chi phí trung gian cao; phụ thuộc vào nguyên vật liệu, linh kiện và công nghệ nhập khẩu; doanh nghiệp trong nước chưa tham gia sâu vào chuỗi cung ứng; xuất khẩu phụ thuộc lớn vào khu vực FDI; sức mua trong nước chưa phục hồi mạnh; an ninh năng lượng còn những điểm dễ tổn thương.

Những vấn đề này có mối liên hệ chặt chẽ: Năng lực cung ứng trong nước hạn chế dẫn đến phụ thuộc nhập khẩu; phụ thuộc nhập khẩu làm giảm khả năng giữ lại giá trị gia tăng; doanh nghiệp trong nước chưa đủ mạnh khiến hiệu ứng lan tỏa của FDI chưa tương xứng; giá trị gia tăng chưa cao lại hạn chế nguồn lực tích lũy để đầu tư công nghệ, nghiên cứu và phát triển.

Vì vậy, đánh giá chất lượng tăng trưởng ngành Công Thương không chỉ dựa vào tốc độ tăng IIP, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, vốn FDI đăng ký hay doanh thu bán lẻ mà cần quan tâm nhiều hơn đến năng suất lao động, tỷ lệ nội địa hóa, giá trị gia tăng trong nước của hàng xuất khẩu, tỷ trọng doanh nghiệp Việt tham gia chuỗi cung ứng, năng lực làm chủ công nghệ và hiệu quả sử dụng năng lượng.

Dư địa phát triển của ngành Công Thương còn rất lớn: Thị trường trong nước có quy mô lớn; các Hiệp định thương mại tự do mở ra cơ hội tiếp cận thị trường; Chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục dịch chuyển; đầu tư vào bán dẫn, điện tử, trí tuệ nhân tạo, thiết bị công nghệ cao và năng lượng sạch tạo ra những không gian phát triển mới. Bên cạnh đó, công nghiệp hỗ trợ, thương mại điện tử và các mô hình phân phối hiện đại cũng có nhiều tiềm năng.

Nhưng cơ hội không tự chuyển hóa thành năng lực phát triển. Điều quyết định là khả năng hấp thụ công nghệ, phát triển doanh nghiệp trong nước, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo dựng môi trường thể chế thuận lợi để nguồn lực được phân bổ vào những lĩnh vực có hiệu quả và giá trị gia tăng cao. Thước đo chất lượng tăng trưởng phải chuyển từ quy mô và tốc độ sang năng suất, giá trị gia tăng và năng lực tự chủ.

Những mục tiêu này thể hiện quyết tâm phát triển rất cao, đồng thời đặt ra yêu cầu lớn đối với ngành Công Thương. Ngành không chỉ phải duy trì tăng trưởng công nghiệp, mở rộng xuất khẩu và phát triển thị trường trong nước, mà còn phải tạo chuyển biến thực chất về năng lực sản xuất, công nghệ, năng suất

"Năm 2027 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030. Quốc hội đã thông qua mục tiêu phấn đấu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên, CPI khoảng 4,5%; tỷ trọng công nghiệp CBCT trong GDP đạt 25,4%; năng suất lao động tăng 8,6%; kinh tế số chiếm khoảng 23,5% GDP; xuất khẩu tăng 15%, nhập khẩu tăng 12% và đón 28 - 29 triệu lượt khách quốc tế."

và giá trị gia tăng trong nước. Để thực hiện yêu cầu đó, cần tập trung vào sáu nhóm giải pháp.

Một là, chuyển mô hình phát triển công nghiệp từ mở rộng quy mô sang nâng cao năng lực nội sinh và giá trị gia tăng. Việt Nam cần tiếp tục phát triển công nghiệp CBCT, nhưng không thể chỉ dựa vào mở rộng công suất, tăng lao động và nhập khẩu nguyên vật liệu để gia công, lắp ráp. Trọng tâm phải chuyển sang nâng cấp công nghệ, đổi mới phương thức sản xuất, phát triển nghiên cứu và phát triển (R&D), thiết kế sản phẩm, chế tạo linh kiện, vật liệu và thiết bị có hàm lượng công nghệ cao.

Cần xác định những ngành, lĩnh vực có khả năng tạo ra giá trị gia tăng lớn, có lợi thế phát triển và khả năng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu để tập trung nguồn lực. Ưu tiên phát triển điện tử, bán dẫn, cơ khí chính xác, thiết bị công nghiệp, vật liệu mới, công nghệ số, công nghiệp năng lượng và các ngành công nghiệp xanh. Đồng thời, cần có chương trình nâng cấp công nghệ đối với những ngành xuất khẩu chủ lực như điện tử, dệt may, da giày, chế biến gỗ, cơ khí và chế biến nông sản; từng bước làm chủ các công đoạn thiết kế, chế tạo, kiểm định, phát triển sản phẩm và xây dựng thương hiệu.

Mục tiêu tỷ trọng công nghiệp CBCT đạt 25,4% GDP năm 2027 cần được đặt trong mối quan hệ với chất lượng giá trị tăng thêm, không chỉ tăng tỷ trọng bằng mở rộng sản lượng mà phải nâng cao giá trị được tạo ra trong nước trên mỗi đơn vị sản phẩm công nghiệp.

Hai là, phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp cung ứng trong nước. Đây là khâu then chốt để giảm phụ thuộc vào nguyên vật liệu, linh kiện và phụ tùng nhập khẩu, đồng thời nâng cao khả năng tự chủ của nền công nghiệp. Cần triển khai hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035, tập trung phát triển doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng và thiết bị đầu vào cho các ngành công nghiệp chủ lực.

Việc hỗ trợ cần có trọng tâm, gắn với nhu cầu thực tế của các tập đoàn và doanh nghiệp đầu chuỗi. Nhà nước cần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn dài hạn, công nghệ, thiết bị, tư vấn quản trị, tiêu chuẩn chất lượng và đào tạo nhân lực kỹ thuật. Đặc biệt, cần xây dựng cơ sở dữ liệu về năng lực cung ứng của doanh nghiệp trong nước, kết nối với nhu cầu mua hàng và tiêu chuẩn kỹ thuật của các tập đoàn FDI.

Hỗ trợ doanh nghiệp không chỉ dừng ở tham gia hội chợ hay hội nghị kết nối giao thương, mà phải giúp doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu về chất lượng, quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc, tiến độ giao hàng và năng lực cải tiến liên tục. Cần có chỉ tiêu đo lường cụ thể về số doanh nghiệp trở thành nhà cung ứng mới, giá trị đơn hàng trong nước được ký kết và mức độ gia tăng giá trị trong nước.

Ba là, nâng cao chất lượng xuất nhập khẩu, chuyển từ tăng kim ngạch sang gia tăng giá trị xuất khẩu. Mốc 1.000 tỷ USD kim ngạch xuất nhập khẩu là thành tựu đáng tự hào, nhưng mục tiêu giai đoạn tới phải cao hơn: không chỉ xuất khẩu nhiều hơn mà phải tạo ra và giữ lại nhiều giá trị hơn trong nước.

Cần đa dạng hóa thị trường, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, giảm phụ thuộc vào một số thị trường và nhóm sản phẩm. Tăng cường năng lực cảnh báo sớm, phòng vệ thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các quy định về môi trường, phát thải carbon, lao động và truy xuất nguồn gốc của thị trường nhập khẩu.

Đặc biệt, cần thúc đẩy doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị xuất khẩu, phát triển thương hiệu Việt và nâng cao tỷ trọng sản phẩm có thiết kế, công nghệ, hàm lượng tri thức cao. Đối với nhập khẩu, cần phân biệt rõ hàng hóa phục vụ sản xuất, đầu tư phát triển với hàng tiêu dùng; nâng cao hiệu quả nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ và nguyên vật liệu. Đồng thời, phát triển các ngành sản xuất trong

nước có khả năng thay thế nhập khẩu trên cơ sở lợi thế kinh tế và sức cạnh tranh, không bảo hộ kéo dài những ngành kém hiệu quả.

Bốn là, phát triển thị trường trong nước, coi tiêu dùng là động lực và không gian phát triển của doanh nghiệp Việt. Với quy mô dân số trên 100 triệu người, thị trường trong nước có tiềm năng lớn. Cần triển khai chính sách kích cầu gắn với nâng cao thu nhập, việc làm và niềm tin của người dân; phát triển thương mại hiện đại, thương mại điện tử, kinh tế số và các mô hình phân phối mới.

Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" cần được thúc đẩy theo hướng nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh và niềm tin đối với sản phẩm trong nước, thay vì chỉ vận động bằng khẩu hiệu. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến mẫu mã, xây dựng thương hiệu và hệ thống phân phối. Đồng thời, phát triển hài hòa thương mại truyền thống và hiện đại, nâng cao hiệu quả logistics, kho vận, bảo quản và lưu thông hàng hóa; kết nối du lịch với thị trường hàng hóa, dịch vụ và sản phẩm đặc trưng vùng miền.

Thị trường trong nước phải trở thành nơi nuôi dưỡng doanh nghiệp Việt, tạo điều kiện để doanh nghiệp thử nghiệm sản phẩm, xây dựng thương hiệu, tích lũy năng lực và từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

Năm là, bảo đảm an ninh năng lượng, phát triển hạ tầng năng lượng đồng bộ, hiện đại và bền vững. Tăng trưởng kinh tế từ 10% trở lên sẽ kéo theo nhu cầu năng lượng tăng nhanh. Vì vậy, bảo đảm cung ứng đủ điện, xăng dầu và các nguồn năng lượng cho sản xuất, kinh doanh phải được xem là điều kiện tiên quyết để thực hiện mục tiêu tăng trưởng.

Cần đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn điện và lưới điện theo quy hoạch; tháo gỡ vướng mắc về đầu tư, giải phóng mặt bằng, cơ chế giá và huy động vốn. Đa dạng hóa nguồn cung, phát triển hợp lý năng lượng tái tạo, điện khí, điện gió ngoài khơi, hệ thống lưu trữ và các nguồn điện bảo đảm tính ổn định của hệ thống. Đặc biệt, cần xây dựng năng lực dự trữ năng lượng quốc gia, nâng cao khả năng chủ động về nguồn cung xăng dầu, khí và nhiên liệu chiến lược.

Cùng với mở rộng nguồn cung, cần thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong doanh nghiệp, nhất là các ngành tiêu thụ nhiều năng lượng. Công nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi năng lượng không chỉ là yêu cầu môi trường mà còn là điều kiện nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

Sáu là, đổi mới quản trị ngành, hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng thực thi chính sách. Các giải pháp phát triển công nghiệp, thương mại và năng lượng chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt trong môi trường thể chế minh bạch, ổn định và có khả năng dự báo. Cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về công nghiệp, thương mại, năng lượng, đầu tư và cạnh tranh; đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, vốn, quy hoạch và tiếp cận hạ tầng. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình, bảo đảm chính sách được thực thi thống nhất và thông suốt.

Đặc biệt, cần đổi mới phương thức xây dựng và đánh giá chính sách theo hướng lấy kết quả thực chất làm thước đo. Mỗi chương trình phát triển ngành công nghiệp cần có chỉ tiêu cụ thể về năng suất, giá trị gia tăng, tỷ lệ nội địa hóa, đổi mới công nghệ và năng lực doanh nghiệp. Chính sách hỗ trợ phải hướng đến nâng cao năng lực cạnh tranh, có thời hạn, có điều kiện và được đánh giá định kỳ.

Cần coi doanh nghiệp là chủ thể trung tâm của quá trình phát triển công nghiệp và thương mại. Nhà nước kiến tạo môi trường, xây dựng hạ tầng, hoàn thiện thể chế và hỗ trợ khắc phục những hạn chế của thị trường; doanh nghiệp chủ động đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và tham gia cạnh tranh quốc tế. Để đạt mục tiêu tăng trưởng cao, ngành Công Thương phải tạo được chuyển biến thực chất về năng lực sản xuất, công nghệ, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh■

Thước đo thành công của ngành Công Thương trong giai đoạn tới không chỉ là sản xuất và xuất khẩu được nhiều hơn, quan trọng hơn là nền kinh tế tạo ra được bao nhiêu năng lực mới, làm chủ được bao nhiêu công nghệ và giữ lại được bao nhiêu giá trị gia tăng cho đất nước. Đó chính là con đường để ngành Công Thương đóng góp nhiều hơn vào mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững, đưa Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045.

TỪ NGHỊ TRƯỜNG QUỐC HỘI ĐẾN THỰC TIỄN NGÀNH CÔNG THƯƠNG

DIỄN ĐÀN

Tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI, nhiều vấn đề quan trọng thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương đã được quan tâm, đưa ra thảo luận, đặc biệt là hai dự án luật do Bộ Công Thương chủ trì xây dựng, trình Quốc hội xem xét, thông qua. Từ những nội dung được đặt ra tại nghị trường, các chuyên gia, đại biểu đã có những đánh giá về nỗ lực của ngành Công Thương trong công tác chỉ đạo, điều hành, hoàn thiện thể chế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, bảo đảm an ninh năng lượng và phát triển thị trường; đồng thời phân tích những yêu cầu tiếp tục đổi mới nhằm khơi thông nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế.



Đại biểu Quốc hội
Trần Hoàng Ngân
(Đoàn ĐBQH TP. HCM)

Phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của 3 động lực tăng trưởng: đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu

Trước bối cảnh thế giới đang trải qua nhiều bất ổn, xung đột địa chính trị leo thang, khủng hoảng năng lượng, biến đổi khí hậu khắc nghiệt, giá dầu vẫn neo ở mức cao tác động lớn tới nền kinh tế, tài chính và đầu tư toàn cầu. Trong bối cảnh trên, những kết quả đạt được những tháng đầu năm 2026 của nước ta rất quan trọng và có nhiều ý nghĩa lớn.

Một trong những nguyên nhân quan trọng là Quốc hội đã đồng hành cùng với Chính phủ để thể chế hóa nhanh và hiệu quả các nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị, giúp khơi thông nguồn lực, kiến tạo phát triển, tháo gỡ các dự án tồn đọng lâu năm. Đặc biệt, chúng ta đã phát huy, đánh thức được tiềm năng, lợi thế của 34 địa phương trong cả nước. Các đầu tàu kinh tế, các thành phố trực thuộc Trung ương vẫn giữ đà tăng trưởng cao, đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung…

Để đạt được tăng trưởng 10% trong những năm tiếp theo còn rất nhiều khó khăn và thách thức, tôi có đề xuất thêm một vài điểm:

Thứ nhất, cần kiên trì thực hiện 3 đột phá chiến lược: thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ hai, phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của 3 động lực tăng trưởng truyền thống theo tổng cầu, đó là đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu. Một tín hiệu mới rất tích cực đó là sau 8 tháng nhập siêu liên tục thì 2 tháng gần đây chúng ta đã xuất siêu. Đó là nhờ chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ đã có những phiên họp chuyên đề quan trọng, rà soát nguyên nhân, tìm ra giải pháp thúc đẩy xuất khẩu tận dụng 18 FTA.

Thứ ba, Chính phủ, các địa phương cần có chương trình, kế hoạch triển khai các động lực tăng trưởng mới đã được Quốc hội thể chế hóa, như các khu kinh tế đặc biệt, trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do, khu phi thuế quan, trung tâm logistics tổng hợp, công nghiệp văn hóa.

Thứ tư, tập trung giải quyết bài toán phức tạp lâu nay là cấu trúc vốn của nền kinh tế, cân đối được thời hạn, tính chất nguồn vốn và sử dụng vốn để đảm bảo có một nguồn vốn đầu tư xã hội rất lớn cho tăng trưởng trong giai đoạn 2026-2030 là 38 triệu tỷ đồng, gấp 2 lần so với giai đoạn trước nhưng không làm tổn thương đến ổn định kinh tế vĩ mô...

(Phiên thảo luận về kinh tế - xã hội, ngày 31/10/2026)



Đại biểu Nguyễn Thị Việt Nga

Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách thành phố Hải Phòng

Đánh giá cao nỗ lực hoàn thiện thể chế, tháo gỡ vướng mắc từ thực tiễn của Bộ Công Thương

Từ góc độ đại biểu Quốc hội, tôi ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Bộ Công Thương trong việc rà soát, xây dựng, hoàn thiện pháp luật. Bộ Công Thương quản lý những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến năng lực sản xuất, lưu thông hàng hóa, an ninh năng lượng và hội nhập quốc tế. Vì vậy, chất lượng thể chế của Ngành có ảnh hưởng rộng đến hoạt động của doanh nghiệp và đời sống người dân.

Điều tôi quan tâm trước hết là cách tiếp cận công tác xây dựng pháp luật đã bám sát hơn yêu cầu tháo gỡ khó khăn trong thực tiễn. Bộ xác định hoàn thiện thể chế là nhiệm vụ ưu tiên, gắn với đơn giản hóa thủ tục và giải quyết những vướng mắc trong thực hiện công việc hành chính. Đây là hướng đi cần thiết khi nền kinh tế đang đặt ra yêu cầu tăng trưởng cao, đồng thời phải nâng chất lượng và sức cạnh tranh.

Qua hai dự án luật trình Quốc hội tại kỳ họp này, có thể thấy nỗ lực xử lý đồng thời nhiều vấn đề: phân định thẩm quyền, giảm những yêu cầu quản lý không còn phù hợp, hoàn thiện quy định cho hoạt động kinh doanh mới và tháo gỡ trở ngại trong phát triển điện lực. Tôi đánh giá cao việc đặt cải cách thủ tục trong mối quan hệ với bảo vệ cạnh tranh, quyền lợi người tiêu dùng và bảo đảm điều kiện cho sản xuất.

Theo tôi, ý nghĩa sâu hơn của những nỗ lực này là góp phần nâng tính minh bạch và khả năng dự báo của môi trường kinh doanh. Khi biết rõ được làm gì, phải đáp ứng yêu cầu nào, cơ quan nào giải quyết và trách nhiệm đến đâu, doanh nghiệp có thêm cơ sở để quyết định đầu tư dài hạn. Với địa phương, quy định rõ ràng cũng giúp cán bộ chủ động xử lý công việc, nâng trách nhiệm thực thi.

Bên cạnh đó, từ thực tiễn Hải Phòng, tôi thấy hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực Công Thương có ý nghĩa trực tiếp đối với khả năng chuyển tiềm năng thành nguồn lực phát triển. Thành phố có lợi thế về công nghiệp, cảng biển, logistics và kết nối thị trường quốc tế. Để phát huy các lợi thế ấy, doanh nghiệp cần hạ tầng thuận lợi, nguồn điện tin cậy và môi trường pháp lý minh bạch, đủ khả năng hỗ trợ những quyết định đầu tư dài hạn.

Nhu cầu đó thể hiện trong định hướng phát triển của địa phương. Hải Phòng đã ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035; danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 cũng dành dung lượng lớn cho hạ tầng khu công nghiệp và logistics. Điều này đặt ra yêu cầu phối hợp chặt chẽ giữa chính sách thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, năng lượng và thương mại.

Đối với sản xuất công nghiệp, tôi đặc biệt quan tâm sự đồng bộ giữa tiến độ phát triển các khu công nghiệp với nguồn và lưới điện. Nhà đầu tư cần cơ sở để tính toán khả năng cấp điện, chi phí vận hành và phương án sử dụng năng lượng phù hợp. Những định hướng hoàn thiện cơ chế đầu tư điện lực, mua bán điện trực tiếp và phát triển năng lượng tái tạo, nếu được thực thi hiệu quả, sẽ hỗ trợ địa phương nâng chất lượng thu hút đầu tư.

Với thương mại và xuất nhập khẩu, sự thuận tiện, minh bạch trong thực hiện thủ tục có thể tăng hiệu quả khai thác cảng biển, kho bãi và dịch vụ logistics. Từ góc độ địa phương, tôi kỳ vọng cải cách giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong tổ chức chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu thị trường. Đồng thời, cần tăng hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia mạng lưới cung ứng, để sức lan tỏa của đầu tư được mở rộng.

Tôi mong Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp với Hải Phòng và các địa phương, tiếp nhận vướng mắc ngay trong quá trình triển khai. Những vấn đề giao thoa giữa công thương với đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường cần có cơ chế xử lý rõ. Khi một dự án có thể đi liền mạch từ chuẩn bị đầu tư đến sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu, thể chế sẽ phát huy vai trò khơi thông nguồn lực và tạo động lực tăng trưởng.



Đại biểu Quốc hội
Phạm Hùng Thắng
(Đoàn ĐBQH tỉnh Ninh Bình)

Nâng cao năng lực doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, song 9 tháng đầu năm kinh tế - xã hội đã đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Năm 2027 dự báo nền kinh tế tiếp tục phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức bởi các yếu tố tác động cả bên ngoài và nội tại. Yêu cầu đặt ra không chỉ là duy trì tăng trưởng cao mà còn phải nâng cao chất lượng tăng trưởng, tính tự chủ và sức chịu đựng của nền kinh tế.

Từ góc độ đó, tôi kiến nghị với Chính phủ quan tâm một vấn đề, đó là nâng cao năng lực doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, tạo ra và giữ lại nhiều giá trị hơn cho nền kinh tế của đất nước. Các Nghị quyết số 68, 57 và Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã đặt ra các yêu cầu về nâng cao năng lực của doanh nghiệp trong nước, tăng cường liên kết và thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Điều quan trọng là làm sao cụ thể hóa chủ trương đó thành kết quả đo đếm được, số doanh nghiệp Việt Nam trở thành nhà cung ứng và tham gia chuỗi giá trị cung ứng phải được tăng lên, năng lực khoa học, công nghệ phải được cải thiện và giá trị gia tăng, sáng tạo phải được giữ lại nhiều hơn ở trong nước…

Cùng với các chương trình, đề án phát triển, tại kỳ họp này Quốc hội đang thảo luận, xem xét và dự kiến thông qua nhiều dự án, trong đó có Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhiều quy định mới về hỗ trợ nâng cao năng lực doanh nghiệp nội địa, hỗ trợ phát triển cung ứng, tham gia chuỗi giá trị cung ứng. Bước quan trọng tiếp theo là sớm cụ thể, kết nối các chính sách này với nhu cầu thực tiễn, tổ chức thực hiện thống nhất và có hiệu quả. Việc hỗ trợ cần bắt đầu từ nhu cầu mua hàng, tiêu chuẩn kỹ thuật và điều kiện lựa chọn nhà cung ứng của doanh nghiệp dẫn dắt, trong đó có doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở đánh giá năng lực doanh nghiệp Việt Nam, Nhà nước hỗ trợ đúng khâu còn thiếu và yếu như thử nghiệm, chứng nhận chất lượng, cải tiến quy trình đào tạo kỹ thuật và đổi mới thiết bị. Vai trò của Nhà nước là kết nối, hỗ trợ, giảm chi phí doanh nghiệp trong nước để tham gia chuỗi cung ứng, quyết định mua bán vẫn do doanh nghiệp lựa chọn, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng và phù hợp cam kết quốc tế.

Đồng thời, đề nghị Chính phủ tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 280 về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị gắn với Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ và Đề án thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030. Mục tiêu đến năm 2030 có khoảng 10.000 doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi cung ứng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó có 500 đến 1.000 nhà cung ứng cấp 1 cần phải được cụ thể hóa thành chỉ tiêu hằng năm.

Năm 2027 đề nghị lựa chọn một số ngành, nhóm sản phẩm có tiềm năng liên kết, xác định doanh nghiệp dẫn dắt nhu cầu mua hàng, doanh nghiệp Việt Nam có triển vọng để có lộ trình hỗ trợ doanh nghiệp từng bước tham gia chuỗi với vai trò là nhà cung ứng cấp 1 và cấp 2. Đề nghị Chính phủ giao cơ quan đầu mối định kỳ theo dõi, tổng hợp, công bố doanh nghiệp Việt Nam trở thành nhà cung ứng, giá trị hợp đồng, năng suất và kết quả đổi mới công nghệ…

(Phiên thảo luận về kinh tế - xã hội, ngày 30/10/2026)

Các đại biểu đều nhất trí trong năm vừa qua, mặc dù còn rất nhiều khó khăn nhưng kết quả kinh tế vĩ mô của chúng ta rất đáng trân trọng, rất đáng ghi nhận. Chúng ta vừa đạt được tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời vẫn giữ vững được ổn định kinh tế vĩ mô trong khả năng kiểm soát.

Trước hết, phải khẳng định giá xăng dầu của chúng ta có biến động, nhưng biến động ở mức thấp hơn nhiều so với mức biến động chung của thế giới.

Điều đó ghi nhận sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, sự cố gắng, nỗ lực của các doanh nghiệp và khả năng chống chịu của nền kinh tế Việt Nam.

Rõ ràng, sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, đặc biệt trong chính sách thuế, giúp cho ngành xăng dầu nói riêng và nền kinh tế nước ta nói chung có khả năng duy trì mức giá xăng dầu tương đối ổn định so với các nước trong khu vực.

Những lợi ích trước mắt có thể thấy ngay. Chi phí giảm, người dân được hưởng lợi, doanh nghiệp được hưởng lợi.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng những kết quả hiện nay vẫn mang tính ngắn hạn. Về mặt dài hạn, cần xem xét kỹ lưỡng hơn về năng lực cạnh tranh, năng lực kinh doanh, chi phí kinh doanh của ngành xăng dầu và tác động đến các ngành kinh tế khác.



GS.TS. Phạm Hồng Chương

Ủy viên Hội đồng Giáo sư Nhà nước,
Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành Kinh tế

Công tác điều hành linh hoạt giúp duy trì giá xăng dầu trong nước ổn định tương đối

Hiện nay, tôi nghĩ Chính phủ đã có những chủ trương để cắt giảm các khâu lưu thông, tái cấu trúc lại. Tất nhiên, chúng ta kỳ vọng sẽ có được một ngành kinh doanh xăng dầu có năng lực cạnh tranh tốt, có khả năng bảo đảm ổn định giá cả trong những điều kiện khó khăn. Tuy nhiên, những vấn đề này có lẽ sẽ cần thời gian để kiểm chứng.

Bên cạnh đó, chúng ta kỳ vọng những thay đổi hay điều chỉnh trong chính sách thuế sẽ không ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh dài hạn, không ảnh hưởng nhiều đến khả năng thu ngân sách trong tương lai. Bởi thu ngân sách trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến việc chúng ta xây dựng ngành năng lượng như thế nào, ngành xăng dầu của chúng ta ra sao.

Tôi nghĩ rằng câu chuyện vẫn là phải kết hợp hài hòa giữa dài hạn và ngắn hạn.

Chúng tôi cũng mong muốn việc sử dụng các công cụ thuế để điều chỉnh giá xăng dầu phải dần dần được chuyển hóa. Việc chúng ta có chi phí đầu vào thấp phải được chuyển hóa thành lợi thế, góp phần xây dựng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tốt hơn, cao hơn.

Cần tận dụng điều kiện thuận lợi hiện nay, trong lúc các đối thủ cạnh tranh còn đang khó khăn vì giá đầu vào của họ cao. Chúng ta có đầu vào thấp thì có thể tranh thủ những điều kiện thuận lợi này để xây dựng năng lực cạnh tranh tốt hơn.

Tôi nghĩ điều quan trọng là Chính phủ đồng hành cùng với doanh nghiệp để doanh nghiệp có khả năng xây dựng cho mình một năng lực cạnh tranh dài hạn tốt hơn.

Như vậy, kết quả mà chúng ta có được ngày hôm nay sẽ là nền tảng cho những thành tích trong tương lai.





PGS. TS. Luật sư Trần Văn Dũng
Viện Ngân hàng - Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân, Chủ tịch Hãng luật Vũ MacKenzie Việt Nam (VMK)

Sửa đổi 4 luật ngành Công Thương theo hướng phân cấp mạnh mẽ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp

Tôi cho rằng, việc Bộ Công Thương chủ động đề xuất dự án luật "một luật sửa bốn luật" trình Quốc hội khóa XVI tại Kỳ họp thứ 2 là bước đi cần thiết, mang tính thời sự và có thể tạo ra những tác động đột phá.

Thay vì sửa đổi kéo dài từng đạo luật riêng lẻ, cơ quan soạn thảo đã lựa chọn cách tiếp cận tập trung xử lý những quy định đang là "điểm nghẽn", giải quyết các mâu thuẫn nội tại và lấp đầy khoảng trống pháp lý trước yêu cầu phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế số và thương mại điện tử. Đây là cách tiếp cận phù hợp, vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa góp phần bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật.

Theo Tờ trình của Chính phủ, dự án Luật được thiết kế dựa trên ba định hướng: Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với năng lực thực thi; cắt giảm thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh; tháo gỡ vướng mắc thực tiễn để giải phóng sức sản xuất.

Dự thảo Luật gói gọn trong 6 điều nhưng có phạm vi tác động rộng lớn: Bãi bỏ 6 thủ tục hành chính và 3 điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa 11 thủ tục hành chính; phân cấp, phân quyền 11 nội dung quản lý cho chính quyền địa phương; đồng thời tháo gỡ 12 nhóm vướng mắc, điểm nghẽn pháp lý cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Đặc biệt, việc phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa thủ tục lần này có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp. Theo tôi, có ba khía cạnh cần quan tâm.

Thứ nhất, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại.

Khi phân cấp thẩm quyền cấp C/O từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian xử lý hồ sơ xuất khẩu có thể giảm từ vài ngày xuống vài giờ. Trong logistics xuất khẩu, tiết kiệm vài giờ có ý nghĩa lớn, bởi sự chậm trễ có thể khiến hàng hóa không kịp lịch vận chuyển, phát sinh chi phí hoặc ảnh hưởng đến hợp đồng với đối tác nước ngoài.

Việc thể chế hóa nguyên tắc tại Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP về thực hiện thủ tục không phụ thuộc địa giới hành chính và không yêu cầu nộp lại giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ tạo đột phá về dịch vụ công, giảm tình trạng doanh nghiệp phải cung cấp nhiều lần cùng một thông tin.

Thứ hai, định hình lại trách nhiệm quản trị địa phương theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

Phân cấp, phân quyền không đơn thuần là chuyển giao nhiệm vụ từ Trung ương xuống địa phương, mà phải gắn quyền quyết định với trách nhiệm giải trình và nguồn lực thực thi.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định về việc phân quyền phải được quy định cụ thể trong luật; địa phương tự chủ quyết định, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi được giao.

Tuy nhiên, tôi phải đưa ra một cảnh báo thẳng thắn: Phân cấp mà không đi kèm chuẩn hóa quy trình và hạ tầng dữ liệu sẽ tạo ra rủi ro "cát cứ thể chế". Nếu 34 tỉnh, thành phố có 34 cách hiểu khác nhau về hồ sơ C/O hay quy trình hậu kiểm, doanh nghiệp sẽ đối mặt với những rủi ro lớn.

Vì vậy, Bộ Công Thương phải giữ vai trò nhạc trưởng trong xây dựng quy trình nghiệp vụ điện tử chuẩn hóa toàn quốc, vận hành hệ thống dữ liệu dùng chung và thiết lập cơ chế giám sát rủi ro tập trung.

Thứ ba, đổi mới chỉ số KPI quản trị công từ "số lượng hồ sơ" sang "chất lượng phục vụ".

Theo tôi, muốn phân cấp thành công, cách thức đánh giá cán bộ công quyền cần thay đổi. Hiệu quả công vụ không nên chỉ dựa trên số lượng hồ sơ đã xử lý mà cần được đánh giá bằng các tiêu chí: thời gian giải quyết thực tế so với cam kết; tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung; mức độ hài lòng của doanh nghiệp và chi phí tuân thủ thực tế giảm được cho xã hội. Chỉ khi sự hài lòng của doanh nghiệp được đặt làm trung tâm, phân cấp mới thực sự phát huy hiệu quả.

Đặc biệt, tôi đánh giá việc Bộ Công Thương chủ động rà soát, nhận diện những quy định lỗi thời, cắt bỏ điều kiện kinh doanh không cần thiết và loại bỏ chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật là bước đi đúng đắn. Việc Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương và Nghị quyết số 141/NQ-CP về chính sách sửa đổi, bổ sung một số điều của bốn luật trong lĩnh vực Công Thương cho thấy tư duy cải cách đã được cụ thể hóa thành những công cụ pháp lý có địa chỉ áp dụng rõ ràng.



PGS.TS. Nguyễn Đức Tuyên

Trường Điện - Điện tử, Đại học Bách khoa Hà Nội, Chủ tịch Phân ban Việt Nam của Hiệp hội Điện lực và Năng lượng IEEE

Hoàn thiện Luật Điện lực, tạo nền tảng đổi mới công nghệ và phát triển bền vững ngành điện

Theo tôi, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ở thời điểm hiện nay là cần thiết, dù Luật Điện lực năm 2024 mới được ban hành chưa lâu. Điều này không có nghĩa những định hướng lớn của Luật không còn phù hợp, mà cho thấy quá trình triển khai thực tế cùng những diễn biến mới về công nghệ, thị trường, đầu tư đang đặt ra yêu cầu cần được xử lý kịp thời ở cấp luật.

Tôi đánh giá cao tinh thần tiếp thu và giải trình của Bộ Công Thương. Qua đó, có thể thấy cơ quan chủ trì soạn thảo đã nhận diện nhiều vấn đề cả về quy định pháp luật, tổ chức thực hiện và những khó khăn phát sinh trong triển khai các dự án điện.

Tôi cho rằng có năm nhóm nội dung đáng chú ý, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế quy hoạch và đầu tư phát triển nguồn, lưới điện. Dự thảo đề xuất giảm một số thủ tục đầu tư, bổ sung cơ chế đầu tư lưới điện truyền tải theo hình thức PPP và hoàn thiện quy định về các dự án điện cấp bách. Những nội dung này có thể giúp huy động thêm nguồn lực xã hội. Tuy nhiên, cần bảo đảm đồng bộ nguồn và lưới điện, tránh tình trạng nguồn điện hoàn thành nhưng chưa thể phát huy hiệu quả do thiếu hạ tầng truyền tải.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế thị trường điện và hợp đồng mua bán điện. Dự thảo đề cập mở rộng mua bán điện trực tiếp, hoàn thiện các cấp độ thị trường điện cạnh tranh và lấy giá điện trúng thầu làm cơ sở ký kết hợp đồng mua bán điện, hạn chế đàm phán lại giá sau đấu thầu. Đồng thời, cho phép đơn vị truyền tải thu hồi vốn đầu tư thông qua giá dịch vụ truyền tải và ký hợp đồng dịch vụ truyền tải với khách hàng. Các cơ chế này có thể thúc đẩy mua bán điện trực tiếp, bảo đảm lợi ích của đơn vị quản lý, điều độ lưới điện, nâng cao tính minh bạch và giảm rủi ro cho nhà đầu tư.

Thứ ba, hoàn thiện chính sách giá điện và cơ chế khuyến khích các loại hình nguồn điện mới. Dự thảo đề cập lộ trình giảm, tiến tới xóa bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng và hoàn thiện cơ chế giá đối với năng lượng tái tạo, hệ thống lưu trữ điện. Giá điện vừa phải phản ánh chi phí hợp lý, vừa bảo đảm khả năng chi trả của người dân và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ phù hợp cho các nhóm khách hàng dễ bị tổn thương.

Thứ tư, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho năng lượng tái tạo, lưu trữ điện và các loại hình năng lượng mới. Dự thảo đề cập thị trường chứng chỉ năng lượng tái tạo, hệ thống lưu trữ điện, điện gió ngoài khơi và cơ chế phát triển điện rác. Việc không áp dụng đấu thầu đối với các dự án điện gió ngoài khơi và nhiệt điện vì lý do an ninh, quốc phòng là tương đối hợp lý, nhưng cần có sự tham vấn phù hợp để bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế, đa dạng hóa nguồn cung, giảm phát thải và nâng cao tính linh hoạt của hệ thống điện.

Thứ năm, thúc đẩy phát triển lưới điện thông minh, đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực vận hành hệ thống điện. Dự thảo chú trọng phát triển lưới điện thông minh và quản lý nhu cầu điện, hai giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tính linh hoạt trong tiêu thụ và bảo đảm cân bằng cung cầu điện.

Đồng thời, dự thảo khuyến khích nghiên cứu, làm chủ khoa học công nghệ, phát triển nhân lực và chuyển giao công nghệ khi có sự tham gia của nhà thầu quốc tế. Các quy định về chia sẻ dữ liệu trong ngành điện lực, bảo đảm bí mật nhà nước và thông tin cá nhân có thể thúc đẩy hoạt động nghiên cứu. Dự thảo cũng khuyến khích phát triển các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và cho phép tính các khoản đầu tư này vào mức đầu tư dự án, chi phí sản xuất, kinh doanh hợp lệ của doanh nghiệp.

Từ góc độ kỹ thuật hệ thống điện, tôi cho rằng an ninh năng lượng không chỉ được đo bằng tổng công suất nguồn điện đã lắp đặt, mà còn phụ thuộc vào khả năng truyền tải, điều độ, dự phòng, lưu trữ và duy trì vận hành ổn định. Khi tỷ trọng năng lượng tái tạo tăng lên, hệ thống điện càng cần các giải pháp dự báo, điều khiển, lưu trữ và quản lý nhu cầu điện.

Vì vậy, các quy định về đầu tư và thị trường cần gắn với yêu cầu hiện đại hóa công nghệ vận hành hệ thống điện. Những điều chỉnh so với Luật Điện lực năm 2024 cũng góp phần làm rõ hơn định hướng đầu tư, quản lý và vận hành hệ thống điện hiệu quả trong tương lai.

● THY THẢO - VIỆT HẰNG *(tổng hợp)*

Xem thêm Chuyên đề điện tử Từ nghị trường Quốc hội đến thực tiễn ngành Công Thương

BỘ CÔNG THƯƠNG:
THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN PHÁP LÝ
KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC TĂNG TRƯỞNG

TRONG BỐI CẢNH YÊU CẦU ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA NỀN KINH TẾ NGÀY CÀNG CẤP THIẾT, HOÀN THIỆN THỂ CHẾ TIẾP TỤC ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG. VIỆC BỘ CÔNG THƯƠNG CHỦ TRÌ XÂY DỰNG, TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT HAI DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ THƯƠNG MẠI VÀ ĐIỆN LỰC TẠI KỲ HỌP THỨ 2, QUỐC HỘI KHÓA XVI CHO THẤY NHỮNG NỖ LỰC TIẾP TỤC THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN PHÁP LÝ, KIẾN TẠO CÁC ĐỘNG LỰC MỚI CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ.

● QUANG ĐẶNG

Chủ động tháo gỡ điểm nghẽn, đẩy mạnh phân cấp và cải cách thủ tục hành chính

Với phạm vi quản lý bao trùm nhiều lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, công tác hoàn thiện thể chế ngành Công Thương có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo lập môi trường pháp lý minh bạch, thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành của thị trường và khơi thông các nguồn lực cho tăng trưởng.

Những năm gần đây, Bộ Công Thương đã đẩy mạnh đổi mới công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật theo hướng lấy thực tiễn làm cơ sở hoạch định chính sách, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, từng bước chuyển đổi phương thức quản lý nhà nước từ tư duy quản lý sang quản trị và kiến tạo phát triển.

Tiếp nối định hướng này, tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI, Bộ Công Thương đã trình Quốc hội xem xét hai dự án luật do Bộ chủ trì xây dựng, gồm: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

Các đề xuất sửa đổi đã nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến của các cơ quan thẩm tra và đại biểu Quốc hội. Nhiều nội dung được ghi nhận về tính cần thiết, sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn và kỳ vọng góp phần tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Trong đó, phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính được xác định là những giải pháp quan trọng nhằm tháo gỡ rào cản pháp lý, nâng cao tính chủ động của các chủ thể tham gia thị trường.

Đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ Công Thương đề xuất bãi bỏ 6 thủ tục hành chính, đơn giản hóa 11 thủ tục hoặc nhóm thủ tục hành chính và bãi bỏ 3 điều kiện đầu tư kinh doanh; đồng thời điều chỉnh thẩm quyền quản lý, cấp phép theo hướng giảm khâu trung gian, tăng tính chủ động cho địa phương.

Đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, các đề xuất tập trung vào quy định về quy hoạch, đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà đầu tư và cấp phép hoạt động điện lực. Dự án luật đề xuất bãi bỏ 3 thủ tục hành chính, sửa đổi 19 thủ tục và bổ sung 1 thủ tục mới; đồng thời đơn giản hóa trình tự đầu tư đối với một số loại dự án nhằm rút ngắn thời gian triển khai và huy động nguồn lực phát triển hệ thống điện.

Những định hướng sửa đổi này nhận được sự đồng tình của các cơ quan thẩm tra của Quốc hội. Ủy ban Kinh tế và Tài chính cùng Ủy ban Khoa học, Công



Phó Chủ tịch Quốc hội NGUYỄN HỒNG DIÊN

Tại Phiên thảo luận Hội trường ngày 3/11/2026, Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Hồng Diên cho biết, hầu hết các ý kiến của đại biểu thống nhất về sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và tán thành với nhiều nội dung của dự thảo Luật. Đồng thời các đại biểu đề nghị tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự án Luật, tập trung vào một số nhóm vấn đề.

nghệ và Môi trường ghi nhận việc Bộ Công Thương đã bám sát, kịp thời thể chế hóa các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, Chính phủ; đồng thời tán thành cách tiếp cận sửa đổi có trọng tâm, tập trung vào những vấn đề đã được nhận diện rõ trong thực tiễn.

Đối với dự án sửa đổi bốn luật trong lĩnh vực thương mại, Ủy ban Kinh tế và Tài chính ghi nhận quá trình tiếp thu, hoàn thiện dự thảo trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và kết quả thẩm tra sơ bộ, hướng tới tạo môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số. Trong khi đó, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường cơ bản tán thành các đề xuất tháo gỡ vướng mắc về thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư trong lĩnh vực điện lực nhằm đẩy nhanh tiến độ các dự án, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại trong bối cảnh mới

Trong bối cảnh thương mại điện tử, kinh tế số và các phương thức kinh doanh mới phát triển nhanh chóng, việc hoàn thiện pháp luật về thương mại, cạnh tranh, quản lý ngoại thương và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đặt ra nhiều yêu cầu mới. Bên cạnh việc khắc phục những bất cập, chồng chéo trong các quy định hiện hành, dự án sửa đổi bốn luật hướng tới nâng cao tính minh bạch của thị trường, hoàn thiện cơ chế quản lý và bảo vệ tốt hơn quyền lợi của các chủ thể tham gia hoạt động thương mại.



Bộ trưởng Bộ Công Thương LÊ MẠNH HÙNG

Về quan điểm xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng nhấn mạnh:

"Dự án luật được xây dựng trên cơ sở thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất và khả thi của hệ thống pháp luật, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đồng thời, hướng tới cắt giảm tối đa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền".

Với cách tiếp cận sửa đổi có trọng tâm, tập trung vào những vấn đề đã được nhận diện rõ trong thực tiễn và có sự đồng thuận cao, dự án luật đã nhận được nhiều ý kiến ghi nhận của các đại biểu Quốc hội, đặc biệt đối với quá trình nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý các quy định nhằm nâng cao tính khả thi khi triển khai.

Đại biểu Trần Quốc Tuấn (Đoàn ĐBQH Vĩnh Long) đánh giá cơ quan soạn thảo "đã rất cầu thị để tiếp thu gần như hầu hết các ý kiến của đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ". Đại biểu Nguyễn Ngọc Sơn (Đoàn ĐBQH Hải Phòng) ghi nhận tinh thần nghiên cứu, tiếp thu của cơ quan chủ trì soạn thảo khi dự kiến chỉnh lý 142 trong tổng số 204 ý kiến tại phiên thảo luận tổ, đồng thời cho rằng các quy định đã được xây dựng theo hướng rõ ràng, dễ hiểu hơn.

Trong lĩnh vực quản lý ngoại thương, các đề xuất sửa đổi đáng chú ý liên quan đến cơ chế chứng nhận, tự chứng nhận và xác minh xuất xứ hàng hóa. Việc mở rộng cơ chế tự chứng nhận đối với doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện theo các điều ước quốc tế tạo thêm phương thức thực hiện thủ tục, đồng thời đặt ra yêu cầu kiểm soát tính xác thực của thông tin xuất xứ. Đại biểu Hoàng Minh Hiếu (Đoàn ĐBQH Nghệ An) đánh giá đề xuất này là "hướng đi đúng".

Đại biểu cũng đánh giá đề xuất bổ sung quy định về xác minh xuất xứ là hợp lý, bởi chỉ kiểm tra tính hợp lệ của chứng nhận chưa đủ để xác định chính xác nguồn gốc hàng hóa. Theo đó, việc hoàn thiện cơ chế xác minh có ý nghĩa trong bảo đảm độ tin cậy của thông tin xuất xứ và thực thi các cam kết thương mại quốc tế.

Đối với Luật Thương mại, dự thảo đề xuất làm rõ căn cứ pháp lý và yêu cầu công khai danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi độc quyền nhà nước, qua đó giúp doanh nghiệp xác định rõ hơn phạm vi hoạt động kinh doanh. Đại biểu Dương Khắc Mai (Đoàn ĐBQH Lâm Đồng) nhìn nhận đây là "bước tiến quan trọng" trong tư duy quản lý, góp phần minh bạch hơn ranh giới giữa hoạt động quản lý nhà nước và các quan hệ thị trường.

Liên quan đến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đại biểu Nguyễn Vũ Trung (Đoàn ĐBQH TP. Hồ Chí Minh) ghi nhận việc cơ quan soạn thảo điều chỉnh các quy định theo hướng trao quyền chủ động hơn cho người tiêu dùng trong quyết định mục đích, phạm vi thu thập và sử dụng thông tin cá nhân.

Từ góc độ thẩm tra, Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội cũng tán thành nhiều nội dung trong dự án luật, đặc biệt là việc tăng tính minh bạch trong hoạt động thương mại, phân quyền quản lý ngoại thương và nâng cao quyền chủ động của người tiêu dùng trong các giao dịch. Những nội dung này được xem xét trên cơ sở yêu cầu bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, phù hợp với sự phát triển của các phương thức kinh doanh mới và bảo vệ quyền lợi của các chủ thể tham gia thị trường.

Khơi thông nguồn lực đầu tư và phát triển thị trường điện

Với hơn 300 lượt phát biểu tại các phiên thảo luận, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực là một trong những nội dung nhận được nhiều ý kiến thảo luận của các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp lần này. Phần lớn ý kiến tán thành sự cần thiết sửa đổi và nhiều nội dung của dự thảo, đặc biệt là các đề xuất tháo gỡ vướng mắc trong đầu tư phát triển nguồn và lưới điện, hoàn thiện cơ chế giá điện, thúc đẩy thị trường điện cạnh tranh và huy động nguồn lực bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Khác với nhiều lĩnh vực kinh doanh thông thường, phát triển hệ thống điện đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn, thời gian triển khai dài và sự đồng bộ giữa quy hoạch, hạ tầng truyền tải, cơ chế giá và hợp đồng mua bán điện. Trước yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng và đáp ứng nhu cầu điện phục vụ tăng trưởng kinh tế, dự thảo luật tập trung tháo gỡ các rào cản về thủ tục đầu tư, đồng thời bổ sung cơ chế phát triển lưới điện truyền tải theo phương thức đối tác công tư (PPP), nhằm đẩy nhanh tiến độ các dự án và huy động hiệu quả nguồn lực xã hội cho phát triển hệ thống điện.

Đồng tình với định hướng huy động nguồn lực xã hội phát triển hệ thống điện, đại biểu Đào Chí Nghĩa (Đoàn ĐBQH TP. Cần Thơ) nhấn mạnh sự cần thiết của việc mở rộng sự tham gia của khu vực ngoài nhà nước vào đầu tư lưới điện truyền tải.

Liên quan đến cơ chế lựa chọn nhà đầu tư, dự thảo cũng đề xuất sử dụng kết quả đấu thầu, trong đó có giá điện trúng thầu, làm cơ sở ký kết hợp đồng mua bán điện nhằm hạn chế việc phải đàm phán lại sau đấu thầu. Đại biểu Đàng Thị Mỹ Hương (Đoàn ĐBQH Khánh Hòa) đồng tình với hướng sửa đổi này, cho rằng việc không đàm phán lại làm thay đổi kết quả lựa chọn nhà đầu tư sẽ góp phần tăng tính minh bạch và hạn chế kéo dài thời gian đàm phán.

Cùng với cơ chế đầu tư, chính sách giá điện là một trong những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của thị trường điện và khả năng huy động nguồn lực phát triển hệ thống. Việc xác định giá điện trên cơ sở chi phí hợp lý, hợp lệ, đồng thời từng bước tách bạch chính sách giá với chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, hướng tới làm rõ hơn cơ chế hình thành giá điện và trách nhiệm thực hiện chính sách đối với các nhóm đối tượng cần hỗ trợ.

Đại biểu Lê Thị Ngọc Linh (Đoàn ĐBQH Cà Mau) đồng tình với định hướng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước thay vì thực hiện bù chéo qua giá điện, đồng thời đề cập yêu cầu kiểm tra, thẩm tra chi phí thực tế và công khai kết quả trước khi xem xét đưa các khoản chi phí vào giá điện.

Không chỉ tập trung vào những vấn đề hiện hữu, dự thảo luật còn hướng tới hoàn thiện cơ chế vận hành thị trường điện và tạo khuôn khổ pháp lý cho các loại hình năng lượng mới. Các nội dung đáng chú ý gồm phát triển thị trường điện cạnh tranh, mở rộng cơ chế mua bán điện trực tiếp, bổ sung quy định liên quan đến điện gió ngoài khơi, hệ thống lưu trữ điện và chứng chỉ năng lượng tái tạo.

Những đề xuất này góp phần mở rộng phương thức giao dịch điện, tạo thêm lựa chọn cho doanh nghiệp trong tiếp cận nguồn điện, nhất là năng lượng tái tạo, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực năng lượng mới. Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường cơ bản tán thành định hướng

hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho các lĩnh vực này, phù hợp với yêu cầu phát triển hệ thống điện và xu hướng chuyển dịch năng lượng.

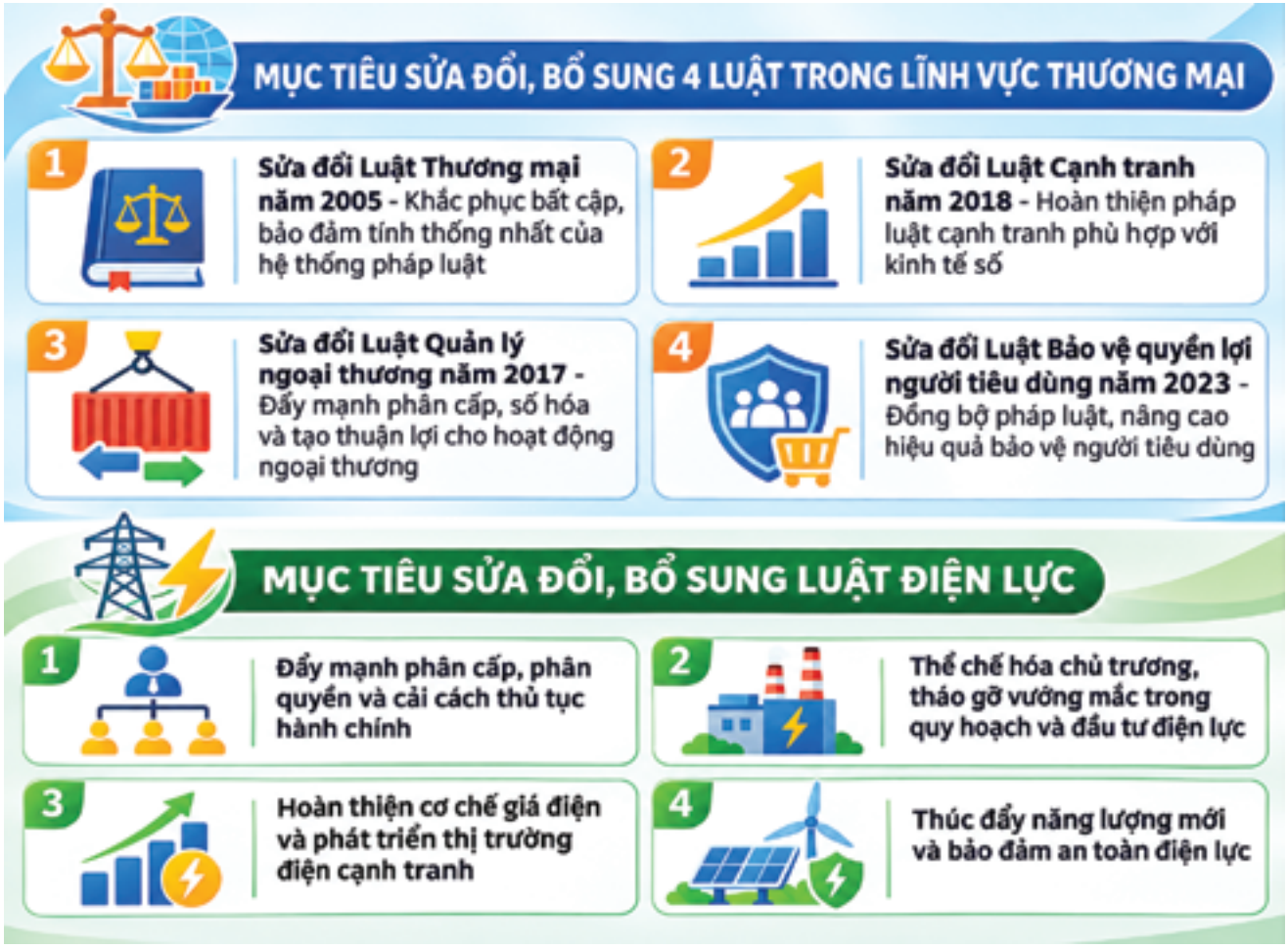
Bên cạnh những nội dung được tán thành, các đại biểu Quốc hội và cơ quan thẩm tra cũng đề nghị Bộ Công Thương tiếp tục rà soát, hoàn thiện một số quy định trong hai dự án luật nhằm nâng cao tính khả thi, bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật và hiệu quả khi triển khai thực hiện.

Trong đó, đối với dự án sửa đổi, bổ sung bốn luật trong lĩnh vực thương mại, các ý kiến tập trung vào việc làm rõ thẩm quyền chứng nhận, tự chứng nhận và điều kiện xác minh xuất xứ hàng hóa; hoàn thiện các quy định về khuyến mại, cạnh tranh trong môi trường số, bảo vệ thông tin cá nhân và giải quyết tranh chấp tiêu dùng, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, các đại biểu đề nghị làm rõ phạm vi, điều kiện áp dụng các cơ chế đặc thù trong đầu tư; hoàn thiện cơ chế xác định giá điện, lộ trình xóa bỏ bù chéo gắn với chính sách hỗ trợ các đối tượng cần thiết. Đồng thời, tiếp tục rà soát các quy định về mua bán điện trực tiếp và phát triển các loại hình năng lượng mới, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên, tạo thuận lợi cho đầu tư và duy trì vận hành an toàn, ổn định của hệ thống điện.

Những ý kiến đóng góp của đại biểu Quốc hội và các cơ quan thẩm tra tiếp tục là cơ sở quan trọng để Bộ Công Thương rà soát, hoàn thiện hai dự án luật. Có thể thấy, quá trình xây dựng, tiếp thu và chỉnh lý hai dự án luật đã thể hiện tinh thần chủ động, cầu thị của Bộ Công Thương trong việc rà soát những bất cập từ thực tiễn, lắng nghe ý kiến đóng góp và hoàn thiện các cơ chế, chính sách.

Không chỉ tập trung tháo gỡ những vướng mắc hiện hữu, các đề xuất sửa đổi còn hướng tới đổi mới phương thức quản lý, tạo lập khuôn khổ pháp lý phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đây cũng là cơ sở để tiếp tục khơi thông các nguồn lực, mở rộng không gian phát triển và tạo thêm động lực cho tăng trưởng bền vững của ngành Công Thương và nền kinh tế■



NỖ LỰC CẢI CÁCH CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG CÓ Ý NGHĨA TRỰC TIẾP VỚI NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Trao đổi với Tạp chí Công Thương, GS.TS. Trần Thọ Đạt - Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Đại học Kinh tế Quốc dân nhấn mạnh vai trò quan trọng của ngành Công Thương đối với tăng trưởng kinh tế năm 2026, đồng thời nhận định những nỗ lực cải cách thể chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính của Bộ Công Thương thời gian qua có ý nghĩa trực tiếp đối với năng lực sản xuất.

● THY THẢO (*thực hiện*)



GS.TS. Trần Thọ Đạt - Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Đại học Kinh tế Quốc dân

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP TIẾP TỤC LÀ LỰC KÉO CHỦ YẾU CỦA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

TCCT: *Thưa GS.TS. Trần Thọ Đạt, nhìn lại bức tranh kinh tế Việt Nam từ đầu năm 2026 đến nay, ông đánh giá thế nào về vai trò của các động lực tăng trưởng chủ yếu? Trong đó, những kết quả của sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu và thị trường trong nước đã phản ánh vai trò, đóng góp của ngành Công Thương đối với tăng trưởng kinh tế như thế nào?*

GS.TS. TRẦN THỌ ĐẠT: Nhìn tổng thể, kinh tế Việt Nam từ đầu năm 2026 đến nay duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong một môi trường quốc tế còn nhiều biến động. GDP 9 tháng tăng 9,01%. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,21%, đóng góp gần một nửa mức tăng của toàn nền kinh tế. Khu vực dịch vụ tăng 8,69%, đóng góp khoảng 45%. Riêng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,36% và đóng góp 33,85% vào tăng trưởng. Điều này cho thấy sản xuất công nghiệp tiếp tục là lực kéo chủ yếu.

Đà tăng được duy trì sang tháng 10. Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng tăng 12,4%, trong đó chế biến, chế tạo tăng 13% và đóng góp 10,2 điểm phần trăm vào mức tăng chung của toàn ngành. Một số ngành có mức tăng khá cao như sản xuất kim loại, điện tử, máy tính, ô tô, chế biến thực phẩm. Sản xuất công nghiệp tăng tại 33 trong số 34 địa phương. Đây là sự mở khá rộng về địa bàn và ngành sản xuất, dù mức tăng vẫn tập trung nhiều ở những trung tâm công nghiệp lớn.

Hoạt động thương mại cũng tạo ra lực đẩy đáng kể. Sau 10 tháng, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đã vượt 1.000 tỷ USD. Xuất khẩu đạt 499,24 tỷ USD, tăng 27,5%. Hàng công nghiệp chế biến chiếm 90,7% kim ngạch xuất khẩu. Quy mô này phản ánh năng lực sản xuất, khả năng tổ chức chuỗi cung ứng và mức độ hội nhập rất cao của nền kinh tế Việt Nam.

Thị trường trong nước tiếp tục là điểm tựa quan trọng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng đạt gần 6,62 triệu tỷ đồng, tăng 13,5% theo giá hiện hành và tăng 7,7% sau khi loại trừ yếu tố giá. Dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch tăng nhanh hơn bán lẻ hàng hóa, cho thấy nhu cầu dịch vụ đang phục hồi tương đối rõ.

Những kết quả trên phản ánh vai trò rất lớn của ngành Công Thương - ngành quản lý những mắt xích trực tiếp nối sản xuất với thị trường, từ điện, năng lượng, công nghiệp chế biến, logistics thương mại đến xuất nhập khẩu và phân phối trong nước. Khi đơn hàng xuất khẩu tăng, nguồn điện được bảo đảm và hàng hóa lưu

thông thuận lợi, tác động lan tỏa sang vận tải, tài chính, xây dựng và việc làm.

Tuy vậy, cần phân biệt giữa quy mô hoạt động và phần giá trị thực sự được giữ lại. Kim ngạch lớn là một kết quả đáng ghi nhận, nhưng đóng góp lâu dài còn phụ thuộc vào hàm lượng công nghệ, năng suất lao động, tỷ lệ linh kiện trong nước và khả năng tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào chuỗi cung ứng.

NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG NƯỚC, CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG

TCCT: *Bên cạnh những kết quả tích cực về quy mô và tốc độ tăng trưởng, theo ông, các chỉ số về sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu và tiêu dùng trong nước đang phản ánh những chuyển biến như thế nào về chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế? Đâu là những vấn đề cần đặc biệt quan tâm để duy trì đà tăng trưởng trong trung và dài hạn?*

GS.TS. TRẦN THỌ ĐẠT: Có một số dấu hiệu tích cực về chất lượng tăng trưởng. Trước hết, chế biến, chế tạo tiếp tục tăng nhanh hơn mức bình quân của toàn ngành công nghiệp. Một số sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật tương đối cao như máy tính xách tay, ô tô, xe máy và sản phẩm điện tử tăng khá. Nhóm tư liệu sản xuất chiếm 94,1% kim ngạch nhập khẩu. Phần nhập khẩu này chủ yếu là máy móc, linh kiện, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nên có thể tạo thêm năng lực sản xuất trong những năm tới.

FDI thực hiện trong 10 tháng đạt 24,08 tỷ USD, tăng 13,1%. Vốn đăng ký mới và điều chỉnh tiếp tục tập trung nhiều vào công nghiệp chế biến, chế tạo. Điều này cho thấy Việt Nam vẫn giữ được sức hấp dẫn đối với các dự án sản xuất trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang được sắp xếp lại.

Tuy nhiên, các số liệu cũng cho thấy chất lượng tăng trưởng chưa đồng đều. Khu vực kinh tế trong nước chỉ tạo ra 18,8% kim ngạch xuất khẩu, trong khi khu vực FDI chiếm 81,2%. Doanh nghiệp trong nước nhập siêu 37,83 tỷ USD; khu vực FDI xuất siêu 25,76 tỷ USD. Nhập khẩu điện tử, máy tính và linh kiện đạt hơn 215 tỷ USD, cao hơn đáng kể kim ngạch xuất khẩu của cùng nhóm hàng. Những con số này phản ánh mức độ tham gia rất sâu của Việt Nam vào chuỗi sản xuất quốc tế, đồng thời cho thấy phần thiết kế, linh kiện, công nghệ và thương hiệu do doanh nghiệp Việt Nam nắm giữ vẫn còn hạn chế.

Sức mua trong nước cũng cần được nhìn kỹ hơn. Doanh thu bán lẻ và dịch vụ tăng 13,5%, song mức tăng thực sau loại trừ giá là 7,7%, chỉ nhỉnh hơn mức 7,4% của cùng kỳ năm trước. CPI bình quân 10 tháng tăng 4,57%, cao nhất trong cùng kỳ giai đoạn 2021-2026. Giá nhà ở, điện, nước, giao thông và ăn uống ngoài gia đình tăng tương đối mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập thực của người dân.

Sức khỏe doanh nghiệp cũng chưa thật sự đồng đều. Tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay lại hoạt động trong 10 tháng giảm 4,8%. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tăng 109,8%. Một phần mức tăng này có thể liên quan đến việc xử lý các hồ sơ tồn đọng, nhưng đây vẫn là tín hiệu cần theo dõi về dòng tiền, đơn hàng và khả năng thích ứng của doanh nghiệp nhỏ.

Trong trung và dài hạn, tôi cho rằng cần theo dõi thêm những chỉ tiêu nằm phía sau tốc độ tăng GDP: giá trị gia tăng trong nước trên một đồng xuất khẩu; số doanh nghiệp Việt Nam trở thành nhà cung ứng cấp cao; năng suất và tiền lương có tăng cùng nhau hay không; mức tiêu hao năng lượng; chi phí logistics; tỷ lệ chi cho nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp.

Chất lượng tăng trưởng sẽ được cải thiện rõ hơn khi doanh nghiệp trong nước tham gia được vào các khâu thiết kế, sản xuất linh kiện, dịch vụ kỹ thuật, phân phối và xây dựng thương hiệu. Đây cũng là cách để một phần lớn hơn doanh thu xuất khẩu trở thành thu nhập của người lao động và doanh nghiệp Việt Nam.

CẢI CÁCH THỂ CHẾ HƯỚNG TỚI NÂNG CAO NĂNG LỰC NỘI SINH

TCCT: *Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất, những nỗ lực hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thúc đẩy phát triển công nghiệp của Bộ Công Thương có ý nghĩa như thế nào đối với việc nâng cao năng lực nội sinh và tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế trong dài hạn?*

GS.TS. TRẦN THỌ ĐẠT: Đối với doanh nghiệp, thể chế có tác động rất cụ thể. Một quy định rõ ràng giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án, giảm vốn nằm chờ và làm cho chi phí kinh doanh dễ dự báo hơn. Chính sách thiếu ổn định hoặc cách thực hiện khác nhau giữa các địa phương sẽ làm doanh nghiệp thận trọng, kể cả khi thị trường đang có cơ hội.

Những nỗ lực cải cách của Bộ Công Thương thời gian qua, vì vậy có ý nghĩa trực tiếp đối với năng lực sản xuất. Theo báo cáo của Bộ, đã có 233 trong tổng số 421 thủ tục hành chính được phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa; chi phí tuân thủ ước giảm khoảng 491 tỷ đồng và 43 trong số 45 thủ tục đã được phân cấp. Thông tư 26/2026/TT-BCT tiếp tục đơn giản hóa thủ tục trong 8 lĩnh vực, gồm xuất nhập khẩu, thương mại điện tử, xăng dầu, hóa chất và khoáng sản.

Tác động của cải cách cần được đánh giá bằng kết quả doanh nghiệp thực sự nhận được: thời gian xử lý hồ

sơ giảm bao nhiêu ngày, chi phí giảm bao nhiêu, một dự án điện hay một nhà máy mất bao lâu để đi vào hoạt động. Phân cấp cũng phải đi cùng năng lực cán bộ, dữ liệu dùng chung và trách nhiệm giải trình. Nếu thủ tục được chuyển từ Trung ương về địa phương nhưng quy trình vẫn phức tạp, lợi ích đối với doanh nghiệp sẽ chưa nhiều.

Về phát triển công nghiệp, hướng đi đáng chú ý là gắn nghiên cứu với sản phẩm đầu ra. Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành Công Thương giai đoạn 2026-2030 đã xác định một chuỗi tương đối đầy đủ: nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, chứng nhận, ứng dụng và thương mại hóa. Các lĩnh vực ưu tiên gồm năng lượng và lưu trữ điện, vật liệu tiên tiến, tự động hóa, sản xuất thông minh, logistics số và công nghệ phục vụ chuyển đổi xanh.

Theo tôi, đây là điểm quan trọng. Chúng ta có nhiều kết quả nghiên cứu, nhưng số sản phẩm đi được đến thị trường còn ít. Muốn nâng cao năng lực nội sinh, doanh nghiệp phải tham gia từ khi xác định bài toán nghiên cứu. Các tập đoàn lớn, doanh nghiệp nhà nước và dự án FDI có thể tạo thị trường ban đầu cho sản phẩm công nghệ trong nước thông qua đặt hàng, thử nghiệm và phát triển nhà cung ứng.

Chính sách công nghiệp cũng cần có tiêu chí rõ. Hỗ trợ nên gắn với tỷ lệ nội địa hóa thực chất, số kỹ sư được đào tạo, hoạt động nghiên cứu được thực hiện, kết quả xuất khẩu và khả năng hình thành mạng lưới nhà cung ứng trong nước. Các dự án công nghiệp trọng điểm và chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ sẽ có ý nghĩa lớn nếu tạo được cơ chế lựa chọn có trọng tâm và đánh giá được hiệu quả sau hỗ trợ.

NHỮNG ƯU TIÊN CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG NHẰM TẠO NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN

TCCT: *Trước những biến động của kinh tế thế giới và yêu cầu tăng trưởng cao của Việt Nam trong giai đoạn tới, Giáo sư dự báo những động lực nào sẽ có khả năng dẫn dắt tăng trưởng kinh tế năm 2027? Theo ông, ngành Công Thương cần tập trung vào những ưu tiên chiến lược nào để tận dụng các cơ hội mới, nâng cao sức cạnh tranh và đóng góp hiệu quả hơn vào tăng trưởng bền vững của nền kinh tế?*

GS.TS. 3TRẦN THỌ ĐẠT: Năm 2027 đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên. Đây là mục tiêu rất cao, đòi hỏi cần tạo thêm năng lực sản xuất thực, chứ khó có thể chỉ dựa vào mở rộng tín dụng hoặc tăng đầu tư trong ngắn hạn.

Tôi dự báo tăng trưởng năm 2027 sẽ được dẫn dắt bởi sản xuất chế biến, chế tạo; đầu tư hạ tầng; tiêu dùng và dịch vụ trong nước; cùng dòng vốn đầu tư vào điện tử, công nghệ số, năng lượng và các ngành phục vụ chuyển đổi xanh. Chu kỳ đầu tư toàn cầu vào trí tuệ nhân tạo, trung tâm dữ liệu và thiết bị điện tử có thể tiếp tục tạo thêm đơn hàng. Cơ hội này đi kèm với nhu cầu nhập khẩu lớn về máy móc, linh kiện và năng lượng.

Đầu tư công vẫn giữ vai trò quan trọng, nhất là các công trình giao thông, năng lượng và hạ tầng số. Hiệu quả sẽ cao hơn khi các dự án lớn kết nối được khu công nghiệp, cảng biển, trung tâm logistics và vùng nguyên liệu. Đầu tư công cần tạo điều kiện để vốn tư nhân đi theo, thay vì chỉ làm tăng khối lượng xây dựng trong ngắn hạn.

Với ngành Công Thương, ưu tiên đầu tiên là bảo đảm đủ điện với chi phí hợp lý. Mục tiêu tăng trưởng cao, cùng sự phát triển của xe điện, trung tâm dữ liệu và AI, sẽ làm nhu cầu điện tăng nhanh. Tiến độ các dự án nguồn điện, lưới truyền tải, hệ thống lưu trữ và cơ chế mua bán điện cần được xử lý sớm. Thiếu điện hoặc chất lượng điện không ổn định sẽ làm giảm sức hấp dẫn của những dự án công nghệ cao.

Ưu tiên tiếp theo là nâng chiều sâu của công nghiệp. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nên tập trung vào tiêu chuẩn kỹ thuật, năng lực quản trị, phòng thử nghiệm, vốn đổi mới thiết bị và kết nối với khách hàng lớn. Một doanh nghiệp nhỏ trở thành nhà cung ứng thường xuyên cho tập đoàn điện tử, ô tô hoặc năng lượng có giá trị thiết thực hơn nhiều chương trình hỗ trợ dàn trải.

Chính sách xuất khẩu cần chuyển mạnh sang quản trị rủi ro. Thị trường thế giới sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của bảo hộ thương mại, tiêu chuẩn carbon, truy xuất nguồn gốc và các yêu cầu mới về an ninh chuỗi cung ứng. Ngành Công Thương cần giúp doanh nghiệp cập nhật sớm các quy định, sử dụng tốt các FTA, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực phòng vệ thương mại. Việc đa dạng hóa cần diễn ra đồng thời ở thị trường, sản phẩm và nguồn cung đầu vào.

Thị trường trong nước cũng cần được coi là một thị trường chiến lược. Thương mại điện tử, hệ thống phân phối hiện đại và logistics có thể mở rộng cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ, nhưng cần bảo đảm cạnh tranh công bằng, chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng. Sức mua bền vững cuối cùng vẫn đến từ việc làm ổn định và thu nhập thực tăng.

Tôi cho rằng kết quả của năm 2027 nên được đánh giá qua một số câu hỏi rất cụ thể: giá trị gia tăng trong nước tăng bao nhiêu; doanh nghiệp trong nước chiếm thêm được khâu nào trong chuỗi sản xuất; năng suất và tiền lương thay đổi ra sao; và mỗi đồng vốn đầu tư tạo ra được bao nhiêu năng lực sản xuất mới. Những chuyển biến ấy mới tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng cao trong nhiều năm.

TCCT: *Xin trân trọng cảm ơn ông!*

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN CẠNH TRANH:

ĐỊNH HƯỚNG XUYÊN SUỐT TRONG CHÍNH SÁCH NĂNG LƯỢNG

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN CẠNH TRANH LÀ ĐỊNH HƯỚNG XUYÊN SUỐT TRONG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐIỆN LỰC, GẮN VỚI YÊU CẦU TỪNG BƯỚC MỞ RỘNG CẠNH TRANH VÀ TÁI CƠ CẤU NGÀNH ĐIỆN PHÙ HỢP VỚI TỪNG CẤP ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG, ĐỒNG THỜI BẢO ĐẢM VAI TRÒ ĐIỀU TIẾT CỦA NHÀ NƯỚC VÀ AN NINH CUNG ỨNG ĐIỆN.

● NGUYỄN PHONG

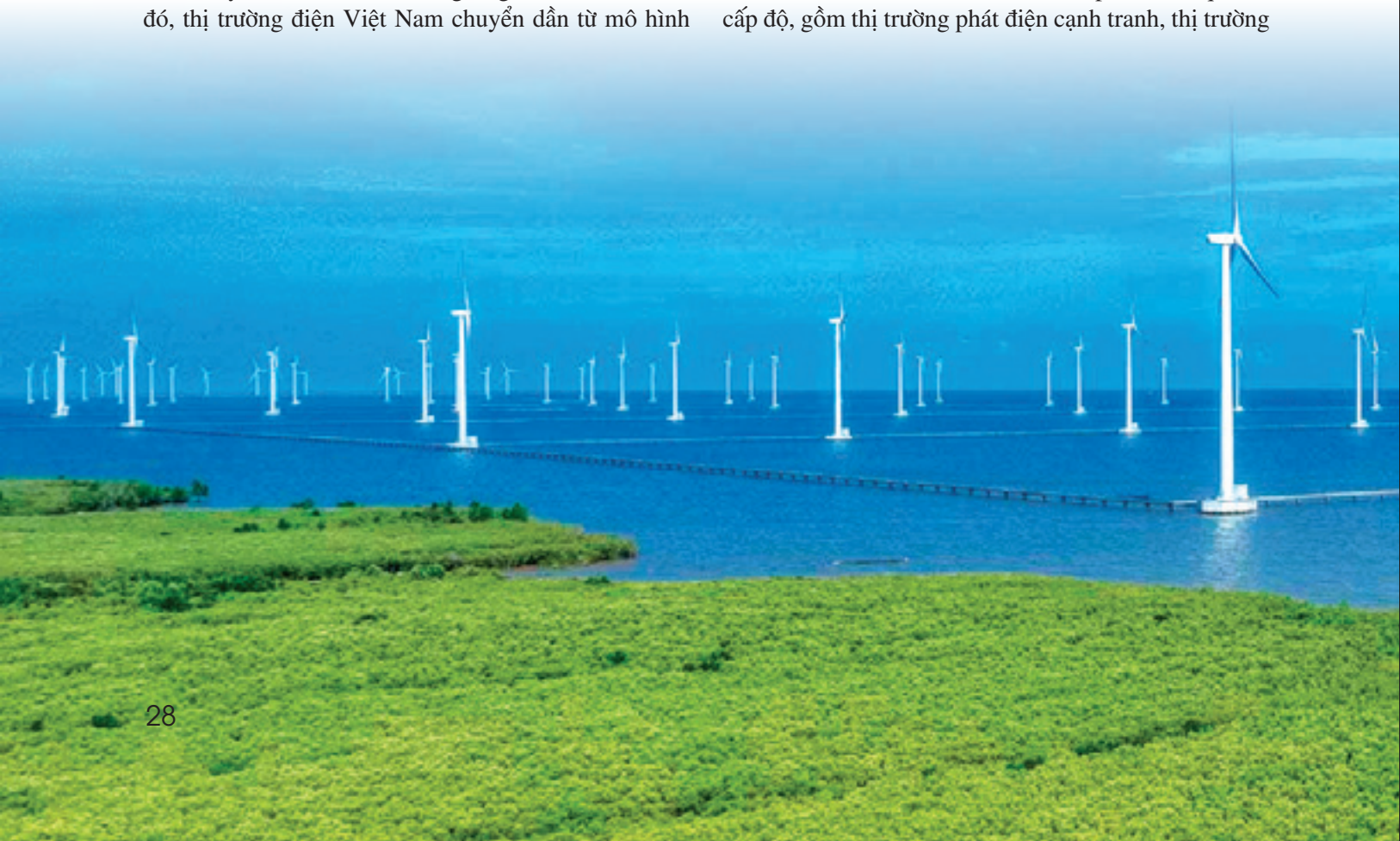
Từng bước mở rộng cạnh tranh trong ngành điện

Phát triển thị trường điện cạnh tranh là chủ trương đã được xác lập và từng bước hoàn thiện trong chính sách, pháp luật về điện lực của Việt Nam.

Từ Luật Điện lực năm 2004, định hướng xây dựng thị trường điện lực đã được luật hóa và triển khai theo lộ trình, phù hợp với điều kiện phát triển của hệ thống điện và yêu cầu bảo đảm cung ứng điện. Trên cơ sở đó, thị trường điện Việt Nam chuyển dần từ mô hình truyền thống sang các cấp độ cạnh tranh cao hơn, bắt đầu từ phát điện và mở rộng sang khâu mua bán điện.

Đến Luật Điện lực số 61/2024/QH15, khuôn khổ phát triển thị trường điện cạnh tranh tiếp tục được hoàn thiện với những quy định cụ thể hơn về nguyên tắc hoạt động, các cấp độ phát triển, điều kiện cần đáp ứng và các chủ thể tham gia thị trường.

Theo Điều 39 Luật Điện lực năm 2024, thị trường điện cạnh tranh được hình thành và phát triển qua ba cấp độ, gồm thị trường phát điện cạnh tranh, thị trường



bán buôn điện cạnh tranh và thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

Việc xác lập ba cấp độ cho thấy cạnh tranh trong ngành điện được mở rộng theo lộ trình, thay vì thực hiện đồng thời trên toàn bộ chuỗi điện năng. Từ cạnh tranh trong khâu phát điện, phạm vi thị trường từng bước mở rộng sang hoạt động mua bán buôn và ở cấp độ cao hơn là bán lẻ điện.

Cùng với việc xác định các cấp độ thị trường, Luật Điện lực cũng quy định cụ thể các đối tượng tham gia. Điều 40 xác định các đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh gồm đơn vị phát điện, đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện, đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện, đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia, đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện và khách hàng sử dụng điện. Việc tham gia của các đối tượng này được quy định phù hợp với từng cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh.

Quá trình phát triển từ cấp độ thị trường này sang cấp độ cao hơn không chỉ mở rộng phạm vi mua bán điện, mà còn gắn với sự tham gia của các chủ thể phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thị trường.

Song song với lộ trình và các chủ thể tham gia, Luật Điện lực đặt ra những nguyên tắc xuyên suốt đối với hoạt động của thị trường điện. Điều 38 yêu cầu bảo đảm "công khai, minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, không phân biệt đối xử" giữa các đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện. Luật đồng thời quy định tôn trọng, bảo đảm quyền tự do lựa chọn đối tác và hình thức giao dịch của các đối tượng mua bán điện phù hợp với cấp độ thị trường điện cạnh tranh.

Các quy định này cho thấy quá trình phát triển thị trường không chỉ đặt ra yêu cầu mở rộng phạm vi cạnh tranh, mà còn phải bảo đảm các chủ thể tham gia trong môi trường công khai, minh bạch, bình đẳng và không phân biệt đối xử, với quyền lựa chọn phù hợp với từng cấp độ thị trường.

Tuy nhiên, mở rộng cạnh tranh không đồng nghĩa với giảm vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước. Ngay tại Điều 38, cùng với các nguyên tắc về cạnh tranh và quyền lựa chọn, Luật Điện lực quy định Nhà nước điều tiết hoạt động của thị trường điện cạnh tranh nhằm bảo đảm phát triển hệ thống điện bền vững, đáp ứng yêu cầu cung cấp điện "an toàn, ổn định, tin cậy, hiệu quả".

Như vậy, khuôn khổ pháp lý về thị trường điện cạnh tranh được xây dựng trên hai yêu cầu song hành: từng bước mở rộng cạnh tranh, quyền tham gia và lựa chọn của các chủ thể; đồng thời duy trì sự điều tiết của Nhà nước nhằm bảo đảm phát triển bền vững và an toàn, ổn định của hệ thống điện.

Cơ cấu ngành điện gắn với cấp độ phát triển của thị trường

Cùng với việc xác lập nguyên tắc và các cấp độ phát triển thị trường, Luật Điện lực năm 2024 đặt ra



Nguồn năng lượng sạch - Tác giả: Phan Thanh Cường (Bạc Liêu)

những yêu cầu cụ thể đối với cơ cấu ngành điện.

Khoản 11 Điều 5 quy định chính sách của Nhà nước về xây dựng và phát triển thị trường điện cạnh tranh có sự điều tiết của Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động điện lực; đồng thời xác định việc tái cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực điện lực phải phù hợp với các cấp độ thị trường điện cạnh tranh.

Đáng chú ý, Luật xác định nguyên tắc "tách bạch chức năng sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ với chức năng quản lý nhà nước; tách bạch các hoạt động có tính độc quyền tự nhiên, độc quyền nhà nước với các hoạt động có tính cạnh tranh trong dây chuyền sản xuất điện năng".

Trên cơ sở đó, hướng tới hình thành các đơn vị cung cấp dịch vụ hoạt động độc lập, nhiều đơn vị phát điện, nhiều đơn vị bán buôn điện, bán lẻ điện nhằm gia tăng đối tượng tham gia và nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường điện.

Quy định này cho thấy, phát triển thị trường điện cạnh tranh không đồng nghĩa với việc đưa toàn bộ các hoạt động trong chuỗi điện năng vào cùng một cơ chế cạnh tranh. Vấn đề không chỉ là gia tăng số lượng chủ thể tham gia thị trường, mà còn phải xác lập ranh giới giữa hoạt động có tính độc quyền tự nhiên, độc quyền nhà nước với hoạt động có tính cạnh tranh; giữa chức năng sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ với chức năng quản lý nhà nước. Đây là cơ sở để hướng tới một cơ cấu phù hợp với các nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và không phân biệt đối xử của thị trường điện.

Đồng thời, Luật Điện lực cũng xác định định hướng đối với doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực điện lực. Khoản 11 Điều 5 yêu cầu doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực điện lực tập trung vào lĩnh vực cốt lõi và có thế mạnh, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực, gia tăng giá trị doanh nghiệp; cung cấp điện cho hải đảo, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Quy định pháp luật hiện hành xác lập đồng thời hai hướng: mở rộng không gian cạnh tranh, gia tăng số lượng chủ thể ở những hoạt động có khả năng cạnh tranh; đồng thời tiếp tục duy trì vai trò của Nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và cơ chế điều tiết đối với những hoạt động, nhiệm vụ cần thiết.

Định hướng này tiếp tục được thể hiện trong Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 30/6/2025.

Theo đó, tái cơ cấu ngành điện phải phù hợp với các cấp độ thị trường điện cạnh tranh; thực hiện tách bạch chức năng sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ với chức năng quản lý nhà nước; tách bạch hoạt động có tính độc quyền tự nhiên, độc quyền nhà nước với hoạt động có tính cạnh tranh; hướng tới hình thành các đơn vị cung cấp dịch vụ hoạt động độc lập, nhiều đơn vị phát điện, bán buôn, bán lẻ điện.

Mối quan hệ giữa cơ cấu ngành điện và các cấp độ thị trường được thể hiện trực tiếp hơn tại Điều 39 Luật Điện lực năm 2024. Theo khoản 2 Điều này, trước khi bắt đầu vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ, cần hoàn thành các điều kiện về xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tái cơ cấu ngành điện; xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng hệ thống điện và thị trường điện; cải cách cơ chế giá điện, giảm dần, tiến tới xóa bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng, miền.

Việc Luật đặt tái cơ cấu ngành điện cùng với hoàn thiện thể chế, hạ tầng hệ thống điện và thị trường điện, cải cách cơ chế giá cho thấy quá trình phát triển thị trường điện cạnh tranh được tiếp cận một cách đồng bộ. Tái cơ cấu không phải điều kiện duy nhất, mà là một bộ phận trong hệ thống các điều kiện cần được hoàn thiện trước khi vận hành từng cấp độ thị trường.

Trong đó, mối quan hệ giữa cơ cấu ngành và thị trường còn được thể hiện khi khoản 3 Điều 39 giao Thủ tướng Chính phủ quy định "điều kiện, cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện cạnh tranh", đồng thời quy định nguyên tắc hoạt động, lộ trình phát triển thị trường điện cạnh tranh.

Có thể thấy, cơ cấu ngành điện đã được đặt ngay trong hệ thống các điều kiện hình thành và phát triển thị trường điện cạnh tranh. Khi thị trường được mở rộng theo từng cấp độ, các điều kiện về thể chế, cơ cấu ngành, hạ tầng và cơ chế giá cũng phải được hoàn thiện tương ứng. Theo đó, tái cơ cấu ngành điện không chỉ gắn với yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp điện lực, mà còn là một trong những điều kiện phục vụ quá trình phát triển các cấp độ thị trường điện cạnh tranh.

Đặt cạnh tranh trong tổng thể bảo đảm an ninh năng lượng

Mối quan hệ giữa phát triển thị trường, cơ cấu ngành điện và yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng tiếp tục được xác định rõ trong Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết xác định yêu cầu xây dựng thị trường

năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch; đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng, không bù chéo giữa các nhóm khách hàng. Đồng thời, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế, nhất là khu vực tư nhân, tham gia phát triển năng lượng; bảo đảm kinh tế tư nhân cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác.

Đối với ngành điện, Nghị quyết đặt ra yêu cầu "đẩy mạnh cơ cấu lại ngành điện, tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch và bền vững", đồng thời tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò dẫn dắt, cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực năng lượng.

Cùng với yêu cầu cơ cấu lại ngành điện, Nghị quyết 70 xác định phát triển thị trường điện xác định phát triển thị trường điện theo hướng tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, "đồng bộ với bảo đảm an ninh năng lượng"; triển khai hiệu quả cơ chế mua bán điện trực tiếp, đồng thời tăng cường quyền lựa chọn của khách hàng sử dụng điện trong tiếp cận và lựa chọn đơn vị cung cấp điện phù hợp với nhu cầu.

Đây là điểm đáng chú ý trong cách tiếp cận đối với phát triển thị trường điện cạnh tranh. Nếu lộ trình thị trường điện xác định việc từng bước mở rộng phạm vi cạnh tranh, thì Nghị quyết 70 đặt quá trình này trong tổng thể các yêu cầu về cơ chế giá, sự tham gia và cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, quyền lựa chọn của khách hàng, cơ cấu ngành điện và bảo đảm an ninh năng lượng.

Ở góc độ khác, mở rộng thị trường và sự tham gia của các thành phần kinh tế không đồng nghĩa với việc Nhà nước rút khỏi những lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược. Nghị quyết yêu cầu "xác định danh mục hạ tầng năng lượng dùng chung; xác định rõ hạ tầng năng lượng chiến lược phải do Nhà nước kiểm soát"; đồng thời đầu tư hiện đại hóa ngành điện từ sản xuất, truyền tải đến phân phối, sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện.

Những định hướng này cho thấy thị trường, Nhà nước và an ninh năng lượng không được đặt thành những mục tiêu tách rời. Cạnh tranh được mở rộng ở những khâu có điều kiện cạnh tranh; trong khi Nhà nước tiếp tục thực hiện vai trò quản lý, điều tiết, kiểm soát hạ tầng chiến lược và bảo đảm an ninh cung ứng điện.

Cơ cấu ngành điện phải chuyển động cùng thị trường

Nhìn xuyên suốt quá trình hoàn thiện chính sách, pháp luật, có thể thấy phát triển thị trường điện cạnh tranh ở Việt Nam không chỉ là quá trình từng bước mở rộng phạm vi giao dịch theo cơ chế thị trường. Cùng với việc chuyển từ phát điện sang bán buôn và hướng tới bán lẻ cạnh tranh, các yêu cầu đối với cơ cấu ngành điện cũng ngày càng được xác định cụ thể hơn.

Luật Điện lực năm 2024 đã đặt tái cơ cấu ngành điện cùng với hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ sở hạ tầng hệ thống điện và thị trường điện, cải cách cơ chế giá điện trong nhóm các điều kiện cần hoàn thành trước khi bắt đầu vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ. Đồng thời, Luật xác định yêu cầu tách bạch hoạt động có tính độc quyền tự nhiên, độc quyền nhà nước với hoạt động có tính cạnh tranh; hướng tới hình thành các đơn vị cung cấp dịch vụ hoạt động độc lập, nhiều đơn vị phát điện, bán buôn và bán lẻ điện.

Nghị quyết 70 tiếp tục đặt yêu cầu cơ cấu lại ngành điện trong định hướng phát triển thị trường điện theo hướng tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, đồng bộ với bảo đảm an ninh năng lượng. Cùng với đó là yêu cầu áp dụng giá thị trường, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia, tăng cường quyền lựa chọn của khách hàng, đồng thời xác định rõ những hạ tầng năng lượng chiến lược phải do Nhà nước kiểm soát.

Từ các quy định và định hướng này, cơ cấu ngành điện không phải là vấn đề tổ chức tách rời khỏi quá trình phát triển thị trường. Khi thị trường chuyển từ cấp độ này sang cấp độ cao hơn, phạm vi cạnh tranh, số lượng và vai trò của các chủ thể tham gia thay đổi, thì những yêu cầu đối với cơ cấu ngành điện cũng được đặt ra tương ứng.

Điều này cũng lý giải vì sao tái cơ cấu ngành điện được pháp luật xác định là một trong những điều kiện cần hoàn thành trước khi vận hành các cấp độ thị trường điện cạnh tranh. Tái cơ cấu, theo đó, không chỉ gắn với yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp điện lực, mà còn phục vụ việc hình thành cơ cấu phù hợp với từng cấp độ phát triển của thị trường.

Phát triển thị trường điện cạnh tranh và tái cơ cấu ngành điện là hai quá trình có mối quan hệ chặt chẽ. Sự phát triển của thị trường đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành; ngược lại, cơ cấu ngành phù hợp là một trong những điều kiện để thị trường tiếp tục chuyển sang các cấp độ cạnh tranh cao hơn, trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử và an ninh cung ứng điện■



TÁCH BẠCH ĐỘC QUYỀN TỰ NHIÊN VÀ HÓA GIẢI BẪY THIẾU TIỀN:

LỘ TRÌNH XOẮN ỐC SONG HÀNH TRONG CẢI CÁCH THỊ TRƯỜNG ĐIỆN VIỆT NAM

Đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao theo Nghị quyết số 70 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 328 của Chính phủ đặt ngành điện trước bài toán kép là bảo đảm an ninh cung cấp điện với tỷ trọng năng lượng tái tạo tăng nhanh và hoàn thiện thị trường điện cạnh tranh. Hai luồng ý kiến khác biệt hiện nay phản ánh hai mặt của một mục tiêu: Tính trung lập của thị trường và An toàn tài chính hệ thống. Dưới lăng kính kinh tế học thể chế và khoa học hệ thống, bài viết đề xuất lộ trình "xoắn ốc song hành", trong đó tách bạch độc quyền tự nhiên đi cùng cơ chế thị trường công suất cạnh tranh được triển khai sớm, giá điện nhiều thành phần và giá truyền tải bù đắp chi phí. Sự phối hợp này hướng tới hóa giải "bẫy thiếu tiền" trong đầu tư nguồn điện, củng cố năng lực tài chính của lưới điện và tạo bệ phóng cho an ninh năng lượng quốc gia.

● TS. THÁI DOÃN HOÀNG CẦU
Chuyên gia độc lập về Kinh tế năng lượng và Thị trường điện

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ BẢN CHẤT THỂ CHẾ CỦA SỰ KHÁC BIỆT VỀ TƯ DUY QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Áp lực an ninh năng lượng và bài toán vốn xã hội hóa

An ninh cung cấp điện là tiền đề quyết định mục tiêu tăng trưởng kinh tế liên tục cao (có thể đến trên 10% mỗi năm) theo Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ. Với công suất phụ tải dự báo vượt 89 nghìn MW vào năm 2030 gắn với cam kết phát thải ròng bằng không vào năm 2050, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh ước tính nhu cầu vốn nguồn và lưới điện truyền tải giai đoạn 2026 đến 2030 lên tới 136,3 tỷ đô la Mỹ.

Khối lượng vốn này đặt ra yêu cầu huy động nguồn lực toàn xã hội, trong khi ngân sách và dư địa nợ công còn phải đáp ứng nhiều ưu tiên phát triển khác. Bảng

cân đối tài chính của EVN không thể là điểm tựa duy nhất cho dòng vốn phát triển ngành điện. Khu vực tư nhân, hiện nắm giữ khoảng 40,5% tổng công suất đặt theo số liệu của dự thảo Đề án tái cơ cấu ngành điện, là động lực tất yếu. Dòng vốn tư nhân chỉ chảy vào ngành điện khi chúng ta kiến tạo được sân chơi minh bạch, có tín hiệu kinh tế dài hạn và bảo đảm quyền tiếp cận lưới điện bình đẳng.

Mệnh lệnh tái cơ cấu tổ chức theo Luật Điện lực

Luật Điện lực số 61/2024/QH15 đánh dấu bước chuyển căn bản về thể chế. Điểm b khoản 2 Điều 39 của Luật xác lập nguyên tắc: Tái cơ cấu ngành điện là một trong các điều kiện cần hoàn thành trước khi bắt đầu vận hành thị trường điện cạnh tranh các cấp độ.

Theo cách tiếp cận của Douglass North, cần phân biệt rạch ròi giữa Thể chế ("luật chơi" gồm luật pháp, nghị quyết, quy tắc thị trường) và Định chế hay Tổ chức (những "người chơi" như EVN, các tổng công ty phát điện, đơn vị truyền tải, phân phối, bán lẻ và cơ quan quản lý). Tái cơ cấu tổ chức ngành điện thực chất là quá trình sắp xếp lại cấu trúc định chế và chuỗi giá trị nhằm xóa bỏ độc quyền tích hợp dọc, chứ không đồng nhất với bản thân thể chế.

Thượng tầng thể chế với Luật Điện lực năm 2024 và Nghị quyết số 70-NQ/TW đã xác lập luật chơi mới, nhưng các định chế thực thi vẫn mang cấu trúc và phương thức vận hành hình thành từ thời kỳ tích hợp dọc. Khoảng lệch pha giữa thể chế mới và cấu trúc định chế cũ, cùng độ trễ về năng lực tổ chức, chính là cội nguồn của sức ỳ và hiện tượng phòng thủ rủi ro hành chính. Tái cơ cấu tổ chức là đòi hỏi khách quan nhằm tạo lập các người chơi độc lập, tương thích với luật chơi thị trường mới.

Bản chất thể chế của sự khác biệt trong tư duy quản trị: Bài toán Đa ủy quyền

Trước hết, cả hai Bộ Công Thương và Bộ Tài chính có sự đồng thuận cao về chủ trương lớn, thống nhất mục tiêu tái cấu trúc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và ngành điện để phát triển thị trường điện cạnh tranh theo tinh thần Nghị quyết số 70-NQ/TW, Nghị quyết số 79-NQ/TW (về phát triển kinh tế nhà nước) của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 328/NQ-CP của Chính phủ. Hai Bộ cùng thống nhất giảm tỷ lệ vốn góp của EVN tại EVNGENCO 2 và 3 trong khi duy trì tỷ lệ chi phối trên 50% giai đoạn 2026 đến 2030. Đề án đang được báo cáo Đảng ủy Chính phủ để xin ý kiến định hướng của Bộ Chính trị trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trên nền tảng mục tiêu chung về tái cơ cấu, sự khác biệt tập trung vào phương án tổ chức, lộ trình và điều kiện thực hiện. Bộ Công Thương đề xuất đẩy nhanh tách Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) độc lập khỏi EVN, thành lập Tổng công ty Phát điện Chiến lược quốc gia trên cơ sở các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu và ấn định lộ trình 2029 đến 2030 tách dứt điểm pháp nhân bán lẻ. Trong khi đó, Bộ Tài chính đề xuất thận trọng, trước mắt giữ EVNNPT là công ty con do EVN nắm 100% vốn trong giai đoạn 2026 đến 2030, nhằm bảo đảm nhu cầu đầu tư thuần gần 45 nghìn tỷ đồng mỗi năm cho lưới truyền tải, tránh việc ngân sách phải cấp bổ sung khoảng 42,5 nghìn tỷ đồng vốn chủ sở hữu và hạn chế rủi ro phát sinh từ nghĩa vụ bảo đảm lưới điện trong các hợp đồng BOT quốc tế. Bộ Tài chính cũng đề xuất EVN tiếp tục nắm giữ 7 công ty thủy điện lớn hạch toán phụ thuộc.

Dưới góc nhìn thể chế, sự khác biệt này có thể được lý giải qua bài toán Đa ủy quyền (multi-principal problem) trong quản trị công, khi EVN cùng lúc là bên được ủy quyền của Bộ Tài chính với tư cách đại diện chủ sở hữu và chịu sự quản lý ngành của Bộ Công Thương. Cùng hướng tới lợi ích quốc gia, mỗi cơ quan đặt trọng tâm vào những yêu cầu khác nhau trong phạm vi trách nhiệm của mình. Bộ Công Thương nhấn mạnh tính trung lập của hạ tầng và hiệu quả thị trường. Bộ Tài chính nhấn mạnh an toàn tài chính và khả năng bảo toàn, phát triển vốn nhà nước. Cả hai mục tiêu đều chính đáng và phục vụ lợi ích quốc gia.

Tuy nhiên, lợi thế chi phí của các nguồn thủy điện hạch toán phụ thuộc không nên trở thành điểm tựa kéo dài cho việc trì hoãn tái cơ cấu và cải cách giá. Việc cân đối các nguồn điện có chi phí khác nhau chỉ bền vững khi chi phí, doanh thu và phân bổ lợi ích được minh bạch. Nếu cơ chế điều chuyển nội bộ che khuất chi phí thực và duy trì giá bán dưới mức bù đắp hợp lý, tín hiệu đầu tư và động lực nâng cao hiệu quả sẽ bị suy giảm. Giá điện thấp hơn chi phí thực tế không làm mất đi chi phí mà chuyển hóa thành sự suy kiệt tài chính của EVN, bóp méo tín hiệu giá và làm nản lòng dòng vốn đầu tư mới của xã hội. Lời giải khoa học là bắc nhịp cầu thể chế và tổ chức: Vận dụng các cơ chế thị trường và điều tiết phù hợp để xử lý những rủi ro tài chính được Bộ Tài chính lưu ý, đồng thời hiện thực hóa yêu cầu về tính trung lập và cạnh tranh mà Bộ Công Thương nhấn mạnh.

TÁCH BẠCH ĐỘC QUYỀN TỰ NHIÊN: LOGIC KHÁCH QUAN CỦA CHUỖI GIÁ TRỊ NĂNG LƯỢNG

Phân định ranh giới giữa hạ tầng độc quyền và khâu cạnh tranh

Kinh tế năng lượng và thực tiễn quốc tế chỉ rõ chuỗi giá trị điện lực gồm hai cấu phần đối lập. Lưới truyền tải và phân phối là độc quyền tự nhiên do tính kinh tế quy mô và phụ thuộc địa lý về nguồn cung cấp và trung tâm phụ tải. Việc xây dựng các mạng lưới trùng lặp thường không hiệu quả về kinh tế, do đó cần Nhà nước điều tiết về giá và tiêu chuẩn kỹ thuật. Ngược lại, phát điện và bán

lẻ mang bản chất cạnh tranh thương mại, nơi giá cả hình thành từ cung cầu sẽ tối ưu hóa chi phí sản xuất, lợi ích sử dụng và kích thích đổi mới, sáng tạo. Nguyên tắc này đã được luật hóa tại điểm a khoản 11 Điều 5 Luật Điện lực năm 2024, theo đó doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực điện được tái cơ cấu theo hướng tách bạch hoạt động có tính độc quyền tự nhiên với hoạt động có tính cạnh tranh.

Cấu trúc tích hợp dọc hiện nay khiến EVN đồng thời nắm giữ hạ tầng độc quyền lẫn các đơn vị phát điện và bán lẻ cạnh tranh. Việc tách đơn vị điều độ và vận hành thị trường điện ra khỏi EVN thành Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO) thuộc Bộ Công Thương đã tạo một bước tiến quan trọng về tính độc lập. Tuy nhiên, khi đơn vị sở hữu xa lộ độc quyền dùng chung vẫn có cùng lợi ích tài chính với một số đơn vị tham gia thị trường, nguy cơ xung đột lợi ích trong đầu tư lưới, đấu nối và tiếp cận thông tin vẫn cần được xử lý bằng cơ chế tách bạch và giám sát hữu hiệu. Tính trung lập của hạ tầng là linh hồn của thị trường cạnh tranh.

Khâu truyền tải: Hướng tới thực thể truyền tải trung lập và giải phóng nguồn lực cho EVN

Tách EVNNPT thành doanh nghiệp độc lập là bước đi tất yếu, phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Thông báo số 444/TB-VPCP ngày 20/8/2026 như báo chí đã đưa tin: Việc tách là cần thiết, đồng thời cần làm rõ lộ trình. Trong phương án này, Nhà nước tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ EVNNPT. Việc tách nhằm củng cố tính trung lập trong quản lý, đầu tư và cung cấp dịch vụ truyền tải, đồng thời bảo đảm vai trò của Nhà nước đối với hạ tầng chiến lược.

Mục tiêu cốt lõi của việc tách là định vị EVNNPT thành thực thể truyền tải trung lập, cung cấp dịch vụ lưới điện công bằng cho mọi chủ thể. Đồng thời, đây chính là giải pháp cởi trói tài chính chiến lược cho chính EVN. Nhu cầu đầu tư và nghĩa vụ nợ của EVNNPT tác động đến khả năng cân đối vốn của EVN trên phạm vi hợp nhất. Tách bạch tài sản, vốn và nghĩa vụ nợ theo một phương án tài chính phù hợp sẽ tạo điều kiện phân định rõ trách nhiệm huy động vốn và cơ cấu lại nguồn lực của EVN. Trên nền tảng đó, EVN có thể tập trung phát triển thành tập đoàn năng lượng quy mô lớn theo tinh thần Nghị quyết số 79, hướng tới vai trò dẫn dắt các dự án điện hạt nhân tương lai, thủy điện tích năng lớn và công nghệ năng lượng mới.

Khâu phân phối và bán lẻ: Bước chuyển tất yếu từ phân tách kế toán sang phân tách pháp nhân

Tại 5 Tổng công ty Điện lực trực thuộc EVN, lưới phân phối mang tính độc quyền tự nhiên, còn bán lẻ là thương mại cạnh tranh. Phân tách kế toán nội bộ là bước khởi đầu cần thiết, nhưng trước yêu cầu mở rộng cạnh tranh bán lẻ, chỉ riêng công cụ này chưa đủ để bảo đảm tính độc lập trong phân bổ chi phí và tiếp cận dữ liệu đo đếm. Bước chuyển tiếp theo cần là phân tách pháp nhân, đi cùng cơ chế quản trị và chia sẻ dữ liệu minh bạch.

Để chuẩn bị cho thị trường bán lẻ điện cạnh tranh theo Nghị quyết số 328/NQ-CP, ngành điện cần chuyển sang phân tách pháp nhân trong giai đoạn 2028 đến 2030, khi các điều kiện sẵn sàng được đáp ứng. Các Tổng công ty Điện lực sẽ chuyển thành các công ty phân phối độc lập vận hành mạng lưới theo biểu giá điều tiết. Hoạt động bán lẻ tách thành các công ty bán lẻ độc lập cạnh tranh sòng phẳng. Áp dụng cơ chế vườn ươm thử nghiệm (sandbox) cấp phép cho các đơn vị bán lẻ độc lập tại khu công nghiệp tập trung và đô thị thông minh sẽ tạo áp lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa gói năng lượng cho khách hàng.

HÓA GIẢI BẪY THIẾU TIỀN TRONG MÔI TRƯỜNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CAO: BỘ BA CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG VÀ ĐIỀU TIẾT ĐỒNG BỘ

Bẫy thiếu tiền và thách thức an ninh hệ thống khi năng lượng tái tạo tăng nhanh

Điện gió và điện mặt trời có chi phí biên nhiên liệu bằng không. Khi sản lượng phát điện lớn, thứ tự huy động theo chi phí biên (merit order) kéo giá điện trong thị trường bán buôn giao ngay sụt giảm sâu.

Hệ thống càng nhiều nguồn tái tạo bất định thì càng cần các nguồn linh hoạt giữ vững tần số, điện áp và các yêu cầu kỹ thuật khác khi thời tiết biến động, gồm tua bin khí, thủy điện tích năng và pin lưu trữ (BESS). Các nguồn linh hoạt đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu lớn nhưng số giờ vận hành thực tế thấp hơn đáng kể so với các nguồn chạy nền truyền thống. Khi doanh thu kỳ vọng từ điện năng, công suất và các dịch vụ hệ thống không đủ bù đắp chi phí của những nguồn lực cần thiết cho độ tin cậy, tín hiệu đầu tư sẽ suy yếu. Đây là bản chất của bẫy thiếu tiền (missing money problem), đặc biệt đáng quan tâm đối với các nguồn linh hoạt có số giờ vận hành thấp nhưng giá trị bảo đảm an ninh cung ứng cao. Đợt thiếu điện tại miền Bắc năm 2023, với phí tổn kinh tế của các đợt mất điện tháng 5 và tháng 6 được Ngân hàng Thế giới ước tính sơ bộ khoảng 1,4 tỷ đô la Mỹ, cho thấy cái giá lớn của việc không bảo đảm đủ điện. Bài học đó đặt ra yêu cầu đồng bộ nguồn và lưới, đồng thời củng cố tín hiệu đầu tư dài hạn cho các nguồn lực bảo đảm độ tin cậy của hệ thống.

Trụ cột thứ nhất: Khởi động sớm cơ chế thị trường công suất cạnh tranh trong giai đoạn 2026 đến 2027

Giải pháp căn cơ để phá vỡ bẫy thiếu tiền là khởi động thiết kế và thí điểm cơ chế thị trường công suất cạnh tranh ngay trong giai đoạn 2026 đến 2027, tạo nền tảng

mở rộng trong những năm tiếp theo, thay vì lùi lại sau năm 2030. Việc lùi triển khai cơ chế này đến sau năm 2030 có thể làm gia tăng nguy cơ thiếu hụt nguồn lực đúng vào giai đoạn tăng tốc phụ tải.

Thông qua hợp đồng điện dài hạn hoặc hợp đồng quyền chọn độ tin cậy (reliability options) được thiết kế phù hợp, nhà đầu tư nhận dòng thu ổn định để đổi lấy nghĩa vụ bảo đảm công suất sẵn sàng khi hệ thống cần. Với quyền chọn độ tin cậy, nghĩa vụ hoàn trả phần chênh lệch khi giá tham chiếu vượt mức giá thực hiện đã thỏa thuận góp phần bảo vệ bên mua trước biến động giá cao. Hợp đồng đủ dài và cơ chế thanh toán tin cậy sẽ tạo điểm tựa cho khả năng vay vốn ngân hàng (bankability).

Dòng tiền dự báo được, cùng tín nhiệm của bên thanh toán, tạo điều kiện để nhà đầu tư tiếp cận vốn vay thương mại và giảm phụ thuộc vào bảo lãnh Chính phủ hoặc cam kết bao tiêu sản lượng. Muốn xã hội hóa nguồn lực dự phòng một cách bền vững, cơ chế phải xác định rõ bên mua công suất, nguồn thanh toán, chế tài không đáp ứng và nguyên tắc tránh chi trả trùng với các hợp đồng hiện có. Đây là hướng phân bổ lại rủi ro và huy động vốn xã hội, từng bước giảm áp lực thu xếp vốn trực tiếp cho Nhà nước và EVN.

Trụ cột thứ hai: Định giá nhiều thành phần phản ánh chính xác cấu trúc chi phí kỹ thuật và cạnh tranh

Biểu giá chủ yếu dựa trên sản lượng tiêu thụ chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt về chi phí sẵn sàng phục vụ giữa các khách hàng và ẩn chứa bù chéo ngầm. Việc áp dụng cơ chế giá hai thành phần gồm giá công suất và giá điện năng cần mở rộng thành cấu trúc giá nhiều thành phần phản ánh đầy đủ cấu trúc chi phí kỹ thuật, cả cạnh tranh lẫn điều tiết, bao gồm:

Thứ nhất là giá điện năng, phản ánh chi phí cung ứng và điều kiện cung cầu theo thời gian sử dụng, từng bước tiến tới tín hiệu giá sát thời gian thực và theo vị trí (miền, vùng hay nút phụ tải chính) khi điều kiện thị trường, đo đếm cho phép.

Thứ hai là giá công suất, phản ánh chi phí sẵn sàng phục vụ, gắn với nhu cầu công suất của khách hàng và mức đóng góp vào phụ tải cực đại của hệ thống.

Thứ ba là giá dịch vụ phụ trợ hệ thống, bóc tách sòng phẳng các chi phí điều tần, dự phòng, hỗ trợ điện áp và các dịch vụ hệ thống khác.

*Thứ tư l*à giá dịch vụ lưới điện, gồm giá truyền tải và giá phân phối, phản ánh chi phí vận hành, khấu hao và chi phí vốn hợp lý, gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả đầu tư và chất lượng dịch vụ.

Cấu trúc giá nhiều thành phần phát tín hiệu kinh tế rõ ràng để người tiêu dùng tối ưu hóa biểu đồ phụ tải và tạo nền tảng thu hồi chi phí hợp lý cho đơn vị cung cấp điện. Kết hợp với cơ chế điều chỉnh giá, thanh toán và quản trị rủi ro phù hợp, đây là công cụ quan trọng để hạn chế mất cân đối tài chính do biến động giá nhiên liệu và thị trường.

Trụ cột thứ ba: Cơ chế giá truyền tải bù đắp chi phí theo tài sản cơ sở

Những lưu ý về năng lực tài chính của EVNNPT sau chia tách cần được giải quyết đồng thời trên ba phương diện: Doanh thu truyền tải, cơ cấu vốn và nghĩa vụ hợp đồng chuyển tiếp. Trong đó, cơ chế giá và dòng tiền truyền tải là một điểm tựa quan trọng mà cải cách có thể tác động trực tiếp. Vì vậy, phương án phân tách cần đi cùng phương án doanh thu và huy động vốn độc lập, đủ sức đáp ứng yêu cầu đầu tư dài hạn.

Trên nền tảng phương pháp giá truyền tải hiện hành, cơ quan quản lý cần khẩn trương hoàn thiện cơ chế điều tiết doanh thu theo mô hình tài sản cơ sở chịu sự điều tiết (RAB), với tính minh bạch và khả năng dự báo dài hạn phù hợp yêu cầu huy động vốn. Giá truyền tải RAB bảo đảm bù đắp chi phí vận hành hợp lý, chi phí khấu hao và tỷ suất sinh lời định mức trên giá trị tài sản lưới điện. Dòng tiền minh bạch và có khả năng dự báo từ cơ chế RAB sẽ tạo nền tảng để EVNNPT xây dựng tín nhiệm độc lập, mở rộng huy động vốn, kể cả qua phát hành trái phiếu, nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư gần 45 nghìn tỷ đồng mỗi năm. Trên cơ sở đó, cần tính toán lại nhu cầu bổ sung khoảng 42,5 nghìn tỷ đồng vốn chủ sở hữu được nêu trong các báo cáo gần đây và mức hỗ trợ chuyển tiếp cần thiết, với mục tiêu giảm dần phụ thuộc vào ngân sách và bảo lãnh của EVN. Đối với cam kết giải tỏa công suất trong các hợp đồng BOT quốc tế, cần rà soát và đàm phán cơ chế chuyển giao hoặc phân định nghĩa vụ với sự chấp thuận cần thiết của các bên liên quan. Trường hợp cần thiết, có thể xem xét cơ chế bảo lãnh chuyển tiếp có thời hạn của Chính phủ, trong phạm vi thẩm quyền và nghĩa vụ tài chính được xác định rõ.

Tách bạch chính sách an sinh xã hội khỏi biểu giá điện thị trường

Khi nhiệm vụ an sinh xã hội được thực hiện chủ yếu qua bù chéo giá bán lẻ, tín hiệu chi phí có thể bị che khuất và hiệu quả hỗ trợ khó được nhận diện đầy đủ. Theo định hướng của Nghị quyết số 70, khoản 12 Điều 5 và điểm d khoản 2 Điều 39 Luật Điện lực năm 2024, cần từng bước giảm, tiến tới xóa bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng và giữa các vùng, miền, đồng thời bảo đảm hỗ trợ đến đúng đối tượng trước khi điều chỉnh chính sách. Việc hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội đã được chi từ ngân sách nhà nước theo khoản 13 Điều 5 của Luật Điện lực. Hướng đi tiếp theo là mở rộng công cụ tài chính công hỗ trợ trực tiếp, có mục tiêu, theo định mức thiết yếu, thay cho phần hỗ trợ ngầm còn nằm trong cấu trúc biểu giá. Khi gánh nặng công ích được hoàn trả về ngân sách, giá điện thị

trường sẽ phản ánh đúng quy luật kinh tế, tạo điều kiện cho thị trường bán lẻ điện cạnh tranh vận hành minh bạch, hiệu quả.

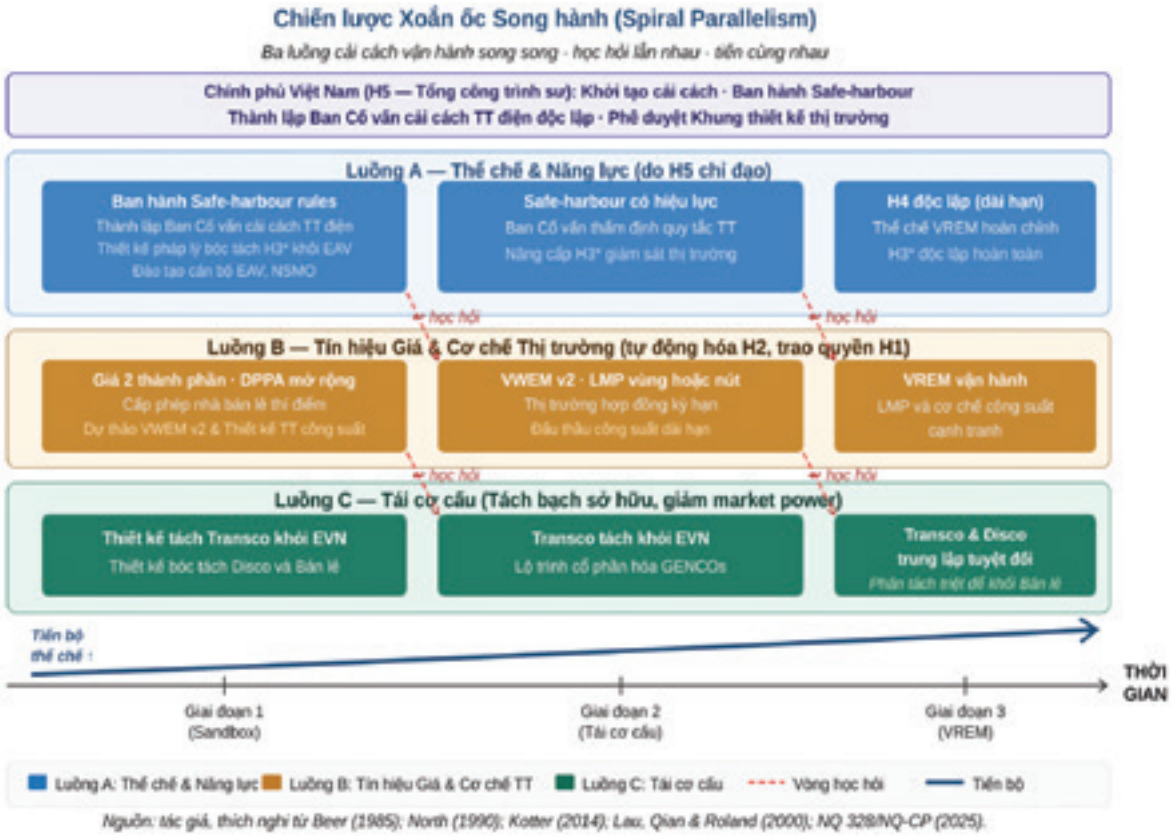
LỘ TRÌNH XOẮN ỐC SONG HÀNH VÀ HÀNH LANG AN TOÀN THỂ CHẾ

Chiến lược xoắn ốc song hành qua các cổng sẵn sàng

Phát triển từ nghiên cứu của mình về điểm nghẽn thể chế thị trường điện Việt Nam (2026), tác giả vận dụng Mô hình Hệ thống Khả thi (VSM) để đề xuất Chiến lược Xoắn ốc song hành: Ba luồng cải cách cùng tiến triển, được điều chỉnh qua phản hồi thực tiễn và các cổng sẵn sàng (readiness gates). Theo cách tiếp cận này, mốc tiến độ cần đi cùng điều kiện thực thi và trách nhiệm giải trình để cải cách vừa giữ được nhịp độ, vừa bảo đảm chất lượng chuyển đổi.

Chiến lược này tích hợp đồng bộ ba luồng cải cách: Thể chế và Năng lực, Tín hiệu giá và cơ chế thị trường, và Cấu trúc và Tái cơ cấu. Trong đó, Năng lực thể chế là trụ cột nền tảng thường ít được chú trọng. Năng lực thể chế trong thị trường điện không thuần túy là năng lực hành chính hay kỹ thuật truyền thống, mà là năng lực tổng hợp liên ngành gồm kinh tế vi mô, thiết kế cơ chế thị trường, quản lý rủi ro tài chính, giám sát cạnh tranh và điều tiết độc lập. Nếu thiếu năng lực thể chế này, bộ máy dễ rơi vào tâm lý phòng thủ rủi ro hành chính. Ở khâu thiết kế, một Ban Cố vấn cải cách thị trường điện độc lập trực thuộc Chính phủ có thể góp phần bù đắp khoảng trống này thông qua tư vấn và thẩm định độc lập các thiết kế cơ chế, quy tắc thị trường trước khi ban hành.

Theo tinh thần triển khai sớm tại Thông báo số 444/TB-VPCP, lộ trình tách EVNNPT nên được khởi động



Nguồn: tác giả, thích nghi từ Beer (1985); North (1990); Kotter (2014); Lau, Qian & Roland (2000); NQ 328/NQ-CP (2025).

Ghi chú: Ba luồng cải cách vận hành song song, kết nối bởi vòng học hỏi, cùng tiến về phía trước. Chính phủ Việt Nam là Tổng công trình sư khởi tạo toàn bộ quá trình. Ba giai đoạn trong hình mang tính khái niệm, phần thân bài cụ thể hóa thành các bước từ năm 2026 đến năm 2030. Ba luồng và lộ trình thể hiện đề xuất của tác giả, không phải lộ trình đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.

Chú giải ký hiệu: H1 đến H5 là các hệ thống chức năng trong Mô hình Hệ thống Khả thi (H1 vận hành, H2 điều phối, H3 kiểm soát, H3* kiểm toán và giám sát độc lập, H4 thích ứng và chiến lược, H5 chính sách). Safe-harbour là cơ chế bến đỗ an toàn. Sandbox là cơ chế vườn ươm thử nghiệm. DPPA là mua bán điện trực tiếp. LMP là giá biên theo vị trí. VWEM v2 là thiết kế thị trường bán buôn điện phiên bản đề xuất. VREM là thị trường bán lẻ điện cạnh tranh. Transco là đơn vị truyền tải, Disco là đơn vị phân phối, GENCO là tổng công ty phát điện. Market power là quyền lực thị trường. EAV là Cục Điện lực.

Nguồn: Thái Doãn Hoàng Cầu (2026), working paper bản v16, Hình 2, trang 25, https://doi.org/10.5281/zenodo.20747597 Tác giả vận dụng các nền tảng lý thuyết ghi tại chân hình.

ngay trong năm 2026 theo nguyên tắc khởi động sớm, hoàn tất theo điều kiện.

Giai đoạn đầu từ năm 2026 đến năm 2027 là Khởi động tách bạch và chuẩn bị điều kiện. Ngay trong năm 2026, cấp có thẩm quyền cần quyết định chủ trương và lộ trình tách EVNNPT, đồng thời triển khai tách bạch chức năng, quản trị, kế toán và dữ liệu giữa khâu truyền tải với các khâu cạnh tranh, công khai điều kiện đấu nối và công suất truyền tải khả dụng dưới sự giám sát độc lập. Song song, cần ban hành khung giá truyền tải RAB, biểu giá điện nhiều thành phần và thí điểm đấu thầu công suất cạnh tranh cho BESS và nguồn linh hoạt.

Để việc chuyển EVNNPT thành doanh nghiệp độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn có thể hoàn tất sớm, dự kiến trong giai đoạn 2027 đến 2028, năm cổng điều kiện cần được bảo đảm. *Thứ nhất* là cổng pháp lý, gồm ý kiến của Bộ Chính trị về Đề án, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg về lộ trình, điều kiện và cơ cấu ngành điện cho các cấp độ thị trường điện, cùng phương án xác định cơ quan đại diện chủ sở hữu. *Thứ hai* là cổng tài chính, gồm cơ chế doanh thu truyền tải dài hạn theo mô hình RAB, phương án phân chia tài sản, vốn và nghĩa vụ nợ, phương án bổ sung vốn chủ sở hữu và bảo lãnh chuyển tiếp có thời hạn. *Thứ ba* là cổng hợp đồng, gồm sự chấp thuận của chủ đầu tư và bên cho vay các dự án BOT, của đối tác nhập khẩu điện, cùng hợp đồng dịch vụ truyền tải giữa EVNNPT và các bên mua bán điện. *Thứ tư* là cổng vận hành, gồm quy chế phối hợp quy hoạch, đầu tư và xử lý sự cố giữa truyền tải, phân phối và NSMO, bảo đảm không gián đoạn cung ứng trong giai đoạn 2027 đến 2030 vốn được dự báo căng thẳng. *Thứ năm* là cổng thể chế, gồm cơ chế giám sát độc lập và cơ chế bảo vệ cán bộ thực thi khi ra quyết định đúng thẩm quyền, đúng quy trình, được trình bày ở mục tiếp theo. Mỗi cổng cần có cơ quan chịu trách nhiệm, mốc hoàn thành và kết quả đánh giá được công bố, gắn với trách nhiệm khắc phục. Khi một cổng chậm, giải pháp là tập trung tháo gỡ cổng đó thay vì lùi toàn bộ lộ trình, để các luồng cải cách cùng tiến mà không phải chờ nhau hoàn tất mọi điều kiện.

Giai đoạn tiếp theo từ năm 2028 đến năm 2030 là Hoàn thiện tách bạch tổ chức và mở rộng vận hành thị trường. EVNNPT vận hành như một thực thể truyền tải trung lập, độc lập khỏi EVN, với doanh thu điều tiết minh bạch và khả năng huy động vốn độc lập. Trên cơ sở đáp ứng các cổng sẵn sàng tương ứng, hoàn thiện phân tách pháp nhân bán lẻ khỏi 5 Tổng công ty Điện lực và mở rộng thị trường công suất cạnh tranh. Đối với bán lẻ, đây là bước phát triển tiếp nối việc triển khai thiết kế thị trường theo Nghị quyết số 328, hướng tới vận hành đầy đủ trên nền tảng tổ chức và hạ tầng đáp ứng yêu cầu.

Cơ chế bến đỗ an toàn: Giải tỏa áp lực phòng thủ rủi ro hành chính

Cổng thể chế nêu trên gắn với một rào cản lớn là tâm lý phòng thủ rủi ro hành chính của cán bộ quản lý và vận hành. Khi chuyển sang thị trường cạnh tranh, rủi ro thương mại và biến động giá là bản chất khách quan. Nếu cách xử lý trách nhiệm về thất thoát vốn chưa phân biệt rõ rủi ro thị trường khách quan với sai phạm, bộ máy thực thi sẽ buộc phải chọn giải pháp an toàn là trì hoãn đổi mới.

Bài viết kiến nghị bổ sung nguyên tắc Bến đỗ an toàn (safe harbour) vào khung khổ pháp lý quản lý vốn nhà nước và quản lý ngành điện lực, cụ thể hóa nguyên tắc đánh giá bảo toàn, phát triển vốn trên cơ sở hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp tại khoản 2 Điều 26 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15. Bến đỗ an toàn là cơ chế bảo vệ cán bộ khi đưa ra quyết định đổi mới thị trường đúng thẩm quyền, thiện chí, tuân thủ quy trình thẩm định rủi ro và không có xung đột lợi ích. Khi các điều kiện bảo vệ được đáp ứng, tổn thất do biến động thị trường khách quan không được mặc nhiên coi là sai phạm. Pháp luật cần quy định rõ phạm vi miễn trừ trách nhiệm, đồng thời loại trừ gian lận, cố ý vi phạm và thiếu thận trọng nghiêm trọng.

KẾT LUẬN VÀ THÔNG ĐIỆP CHÍNH SÁCH

Sự khác biệt giữa hai luồng ý kiến không phản ánh sự đối kháng, mà cho thấy trách nhiệm đối với hai yêu cầu bổ trợ nhau: Tính trung lập, cạnh tranh của thị trường và An toàn tài chính của hệ thống, cùng phục vụ mục tiêu an ninh cung cấp điện. Hai yêu cầu này gắn kết hữu cơ trong một chiến lược phát triển. Tách bạch độc quyền tự nhiên là quy luật tất yếu để cởi trói cho EVN và tạo dựng niềm tin cho khu vực tư nhân. Đồng thời, đưa cơ chế thị trường công suất cạnh tranh lên sớm, kết hợp giá nhiều thành phần và giá truyền tải bù đắp chi phí là bộ ba trụ cột để xử lý tận gốc những bất cập về tín hiệu doanh thu và phân bổ chi phí. Khi được thiết kế đồng bộ và thực thi có kỷ luật, bộ ba này tạo nền tảng hóa giải bẫy thiếu tiền trong đầu tư nguồn điện, củng cố năng lực tài chính của lưới điện và nâng cao an ninh cung ứng.

Cải cách cấu trúc ngành điện sẽ giúp EVN định vị đúng tầm vóc một tập đoàn năng lượng quốc gia hàng đầu, chuyên sâu vào các mũi nhọn công nghệ cốt lõi. Với lộ trình xoắn ốc song hành và hành lang an toàn thể chế vững chắc, ngành điện Việt Nam có thể khơi thông dòng vốn xã hội quy mô hàng triệu tỷ đồng, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và mục tiêu phát triển bền vững■

Xem thêm Chuyên đề điện tử
Tái cơ cấu ngành điện gắn với phát triển thị trường điện cạnh tranh

BỘ CÔNG THƯƠNG:

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, GIỮ NHỊP TĂNG TRƯỞNG XUẤT NHẬP KHẨU

BỘ CÔNG THƯƠNG TIẾP TỤC PHÁT HUY VAI TRÒ ĐẦU MỐI PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP, NÂNG SỨC CẠNH TRANH HÀNG VIỆT, GÓP PHẦN THÚC ĐẨY XUẤT NHẬP KHẨU TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG.

● VIỆT HẰNG

Theo số liệu của Cục Thống kê, trong 10 tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 1.010,6 tỷ USD, tăng 32,3%; trong đó xuất khẩu đạt khoảng 499 tỷ USD, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm 2025.

Trao đổi với phóng viên Tạp chí Công Thương, ông Nguyễn Anh Sơn - Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết, để đạt được kết quả đó, động lực đầu tiên là tăng trưởng sản xuất trong nước, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo - nhóm chiếm khoảng 87,4% tổng kim ngạch xuất khẩu 10 tháng. Năng lực sản xuất mở rộng giúp doanh nghiệp tăng sản lượng, đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng nhu cầu quốc tế.

Thứ hai, doanh nghiệp FDI đóng góp lớn trong các ngành điện tử, máy móc, thiết bị, dệt may, da giày, góp phần mở rộng sản xuất và kết nối Việt Nam với chuỗi cung ứng toàn cầu. Doanh nghiệp trong nước cũng từng bước phục hồi, mở rộng hoạt động và tìm kiếm thị trường.

Thứ ba, công tác khai thác FTA và đa dạng hóa thị trường tạo thêm dư địa nhờ ưu đãi thuế quan, điều kiện tiếp cận thuận lợi. Bên cạnh thị trường truyền thống, doanh nghiệp đã quan tâm hơn tới những thị trường mới, tiềm năng như: Trung Đông, Nam Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

Một động lực khác là sự chủ động của doanh nghiệp trong điều chỉnh sản xuất, tìm khách hàng, mở rộng thị trường, nâng chất lượng và đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, chuyển đổi xanh, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm chuỗi cung ứng.

Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác hiệu quả các FTA, đa dạng hóa thị trường

Theo ông Nguyễn Anh Sơn, kết quả đạt được của hoạt động xuất nhập khẩu thời gian qua có sự đóng góp của doanh nghiệp và các giải pháp đồng bộ của Chính phủ, bộ, ngành. Trong đó, Bộ Công Thương giữ vai trò trong phát triển thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp, nâng sức cạnh tranh hàng Việt.

Cụ thể, Bộ đã triển khai mạnh mẽ công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác các FTA đã ký kết; phổ biến cam kết, ưu đãi thuế quan, quy tắc xuất xứ, điều kiện tiếp cận thị trường và cơ hội kinh doanh.

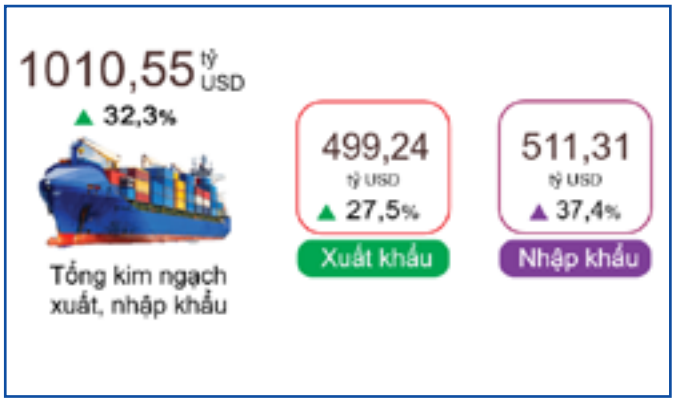
"FTA chỉ hiệu quả khi doanh nghiệp hiểu và chủ động tận dụng cam kết. Vì vậy, thời gian qua, Cục Xuất nhập khẩu đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo cung cấp thông tin, hướng dẫn về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định nhập khẩu, giúp doanh nghiệp hưởng ưu đãi và nâng năng lực tổ chức sản xuất, quản trị chuỗi cung ứng", ông Sơn cho biết.

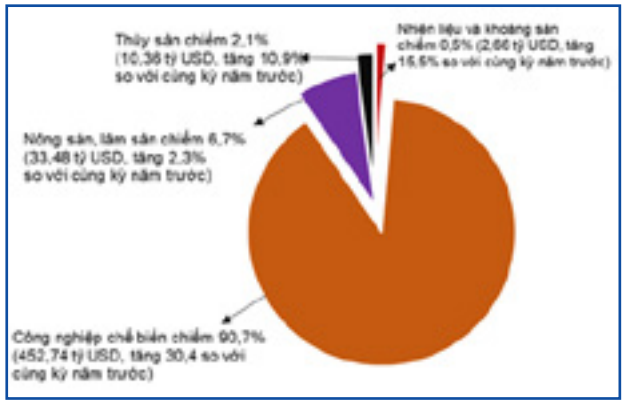
Công tác phát triển thị trường vừa chú trọng duy trì thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng các khu vực tiềm năng; tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hệ thống phân phối quốc tế theo từng ngành hàng, địa bàn.

Việc đa dạng hóa thị trường giúp giảm rủi ro khi đối tác thay đổi chính sách nhập khẩu, thuế quan hoặc gia tăng bảo hộ. Bên cạnh Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc và ASEAN, hàng hóa Việt Nam ngày càng mở rộng hiện diện tại các khu vực thị trường mới, tiềm năng, đặc biệt là những thị trường đối tác FTA mới.

Với quan điểm cơ quan quản lý không chỉ tháo gỡ khó khăn trước mắt mà còn phải tạo môi trường thuận lợi, cung cấp thông tin và nâng cao năng lực doanh nghiệp, Bộ chỉ đạo các đơn vị chức năng thường xuyên theo dõi sản xuất, xuất nhập khẩu, nắm bắt khó khăn để phối hợp xử lý; hệ thống Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài thường xuyên cập nhật, hướng dẫn doanh nghiệp về thị trường, tiêu chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu về chất lượng, môi trường, phát triển bền vững, phòng vệ thương mại, xuất xứ…, qua đó duy trì xuất khẩu và tiếp cận phân khúc giá trị cao.

Xuất, nhập khẩu hàng hóa, Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu mười tháng năm 2026





Nguồn: Cục Thống kê

Tăng trưởng xuất nhập khẩu gắn với phát triển bền vững

Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu nhận định, trong bối cảnh tình hình mới hiện nay, tăng trưởng xuất nhập khẩu phải gắn với phát triển bền vững, không chỉ mở rộng quy mô mà phải nâng chất lượng và hiệu quả thương mại.

Bộ Công Thương đang xây dựng Dự thảo Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030, tầm nhìn 2045, gắn phát triển xuất nhập khẩu với chất lượng tăng trưởng, năng lực sản xuất và khả năng thích ứng. Dự thảo Chiến lược định hướng duy trì tăng trưởng xuất khẩu, nâng vai trò doanh nghiệp trong nước, tăng hàm lượng chế biến, công nghệ và hướng tới thặng dư thương mại bền vững, trọng tâm là nâng cao năng lực nội sinh của doanh nghiệp, ngành hàng.

Theo đó, cần tập trung vào một số nhóm giải pháp trọng tâm.

Thứ nhất, đa dạng hóa thị trường. Song song với tiếp tục khai thác thị trường truyền thống, cần mở rộng sang các khu vực thị trường tiềm năng như: Trung Đông, Nam Á, châu Phi, Mỹ Latinh; gắn công tác xúc tiến thương mại với ngành hàng, phương thức tiếp cận và hệ thống phân phối để giảm rủi ro.

Thứ hai, khai thác chiều sâu mạng lưới FTA, không chỉ ưu đãi thuế quan mà cả cơ hội đầu tư, chuỗi cung ứng, hợp tác sản xuất. Cơ quan quản lý tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nắm cam kết, quy tắc xuất xứ, tăng tận dụng ưu đãi và phòng ngừa gian lận xuất xứ.

Thứ ba, nâng năng lực sản xuất trong nước, phát triển công nghiệp hỗ trợ và chủ động nguyên liệu để giảm phụ thuộc, tăng khả năng chống chịu và giá trị nội địa.

Thứ tư, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, chuyển đổi xanh, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm chuỗi cung ứng; tăng cảnh báo về phòng vệ thương mại, rào cản thuế quan và quy định nhập khẩu.

Để hiện thực hóa các định hướng trên, các bộ, ngành cần phối hợp hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục. Chính sách về công nghiệp hỗ trợ, logistics, khoa học công nghệ, tín dụng, đầu tư, nhân lực cần đồng bộ để nâng cao năng lực sản xuất, giảm chi phí; tháo gỡ vướng mắc về xuất nhập khẩu, kiểm tra chuyên ngành và yêu cầu thị trường.

Các địa phương cần gắn xúc tiến xuất khẩu với quy hoạch sản xuất, vùng nguyên liệu, lợi thế ngành hàng; đầu tư logistics, kho bãi, bảo quản, chế biến, nhất là nông, lâm, thủy sản. Chuẩn hóa vùng trồng, đóng gói, chất lượng, truy xuất nguồn gốc để thúc đẩy xuất khẩu chính ngạch.

Các Hiệp hội cần làm cầu nối hiệu quả giữa cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp; tăng cường cung cấp thông tin, cập nhật quy định, cảnh báo phòng vệ thương mại, thúc đẩy liên kết sản xuất và nâng sức cạnh tranh.

Các doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu cần chú trọng đủ mạnh cho đổi mới, nâng cấp năng lực nội tại: đầu tư công nghệ, quản trị, thương hiệu, nhân lực và tuân thủ xuất xứ. Đồng thời, xây dựng chiến lược dài hạn, tránh phụ thuộc một số khách hàng, thị trường; tìm nguồn cung thay thế và tăng liên kết trong nước, quốc tế. Đặc biệt, doanh nghiệp cần chuyển từ xuất khẩu từng đơn hàng sang tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị; đáp ứng yêu cầu về chất lượng, quy mô, giao hàng, ổn định và trách nhiệm để nâng vị thế với đối tác quốc tế■



HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - EFTA: KỲ VỌNG VÀ GIẢI PHÁP CHO DOANH NGHIỆP

● PGS. TS. ĐÀO NGỌC TIẾN
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EFTA (VEFTA) được ký ngày 18/10/2026 tại Hà Nội, sau gần 14 năm đàm phán, và là FTA thứ 18 của Việt Nam. Hiệp định toàn diện, gồm 14 lĩnh vực từ thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư đến sở hữu trí tuệ và phát triển bền vững. Phía EFTA duy trì xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu với hàng công nghiệp và thủy sản Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Mô hình GTAP cho thấy xuất khẩu của Việt Nam sang EFTA có thể tăng thêm khoảng 48% đến năm 2035 nhưng lợi ích này chỉ thành hiện thực nếu doanh nghiệp đáp ứng được quy tắc xuất xứ và tiêu chuẩn kỹ thuật cao của thị trường này. Quy mô thị trường EFTA không lớn, nhưng giá trị thực sự của Hiệp định nằm ở việc đáp ứng được chuẩn mực khắt khe của EFTA chính là con đường để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực và xây dựng thương hiệu, từ đó vươn tới các thị trường cao cấp, khó tính khác.

1. Quá trình và kết quả đàm phán Hiệp định

VEFTA với EFTA gồm 4 nước: Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein - những nền kinh tế nhỏ nhưng thu nhập cao, xuất khẩu chiếm khoảng 50-60% GDP. Hiệp định được khởi động năm 2012 nhưng sau 16 phiên đàm phán đã có giai đoạn đình trệ trong thời gian 2018-2025 và chỉ về đích sau khi được tái khởi động tháng 9/2025. Việc tái khởi động đàm phán ngày 8/9/2025 tại Geneva diễn ra trong bối cảnh căng thẳng thương mại toàn cầu liên quan đến chính sách thuế quan của Hoa Kỳ (Reuters, 2026). Hai bên thể hiện quyết tâm chính trị cao: tại phiên đàm phán thứ 19 (24-27/2/2026), Việt Nam và Thụy Sĩ thống nhất không đưa thêm vấn đề mới vào đàm phán và đặt mục tiêu kết thúc tại Hội nghị Bộ trưởng EFTA tháng 6/2026, dù khi đó vẫn còn các nội dung tồn đọng về hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, phát triển bền vững và mua sắm chính phủ (Tạp chí Công Thương, 2026). Kết quả là chỉ sau khoảng 10 tháng tái khởi động hai bên đã kết thúc đàm phán, và chưa đầy một năm rưỡi (khoảng 13 tháng) Hiệp định đã được ký kết. Tốc độ này cho thấy khi bối cảnh quốc tế thay đổi, nhu cầu đa dạng hóa thị trường và đối tác của cả hai phía đã trở thành động lực đủ mạnh để tháo gỡ những vướng mắc tồn tại suốt nhiều năm.

Hiệp định được ký trong bối cảnh quan hệ thương mại song phương tăng trưởng ổn định. Năm 2025, kim ngạch Việt Nam - EFTA đạt 4,8 tỷ EUR, trong đó Việt Nam xuất siêu 2,5 tỷ EUR, tăng mạnh so với mức 0,5 tỷ EUR một thập kỷ trước (số liệu của Thụy Sĩ không

gồm vàng). Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam gồm máy móc thiết bị điện, giày dép, dệt may và máy móc cơ khí, đều tăng bình quân trên 10% mỗi năm trong 10 năm qua; chiều ngược lại, EFTA chủ yếu xuất sang Việt Nam thiết bị điện, cá, dược phẩm và máy móc (EFTA Secretariat, 2026). Về đầu tư, đến cuối năm 2025 Thụy Sĩ có 234 dự án với hơn 2,4 tỷ USD vốn đăng ký, Na Uy có 62 dự án với hơn 201 triệu USD (VietnamPlus, 2026).

Dù tăng trưởng đều, quy mô hiện diện của Việt Nam tại EFTA vẫn rất nhỏ. Từ tổng kim ngạch và mức thặng dư nêu trên, có thể ước tính xuất khẩu của Việt Nam sang EFTA năm 2025 vào khoảng 3,65 tỷ EUR, chiếm dưới 1% tổng nhập khẩu của khối (Trường Đại học Ngoại thương, 2025). Ngay ở các ngành có thế mạnh, thị phần cũng khiêm tốn: dệt may Việt Nam chỉ chiếm gần 4% trong hơn 10 tỷ USD nhập khẩu dệt may hằng năm của Thụy Sĩ, trong khi Trung Quốc chiếm khoảng 24% nhập khẩu giày dép của nước này; thủy sản là ngoại lệ hiếm hoi với vị trí thứ tư và thị phần 8,4%; còn với dược phẩm, khối EFTA nhập khẩu gần 60 tỷ USD mỗi năm nhưng phần của Việt Nam gần như không đáng kể (Trường Đại học Ngoại thương, 2025). Thị phần nhỏ một mặt phản ánh các rào cản về khoảng cách địa lý, tiêu chuẩn và thương hiệu, mặt khác cho thấy dư địa tăng trưởng còn rất lớn khi Hiệp định có hiệu lực.

Những nội dung cam kết chính của hiệp định [1]

Hiệp định bao gồm 14 lĩnh vực: thương mại hàng hóa, quy tắc xuất xứ, thuận lợi hóa thương mại, phòng vệ thương mại, các biện pháp vệ sinh dịch tễ (SPS) và rào cản kỹ thuật (TBT), thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, mua sắm công, cạnh tranh, thương mại và phát triển bền vững, hợp tác và nâng cao năng lực, doanh nghiệp nhỏ và vừa, cùng các quy định pháp lý, thể chế và giải quyết tranh chấp. Hiệp định còn phải được các bên phê chuẩn trước khi có hiệu lực; thời điểm có hiệu lực chưa được công bố.

Về thương mại hàng hóa, ngay khi Hiệp định có hiệu lực, các nước EFTA cam kết duy trì việc xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu đối với hàng công nghiệp, cá và các sản phẩm thủy sản có xuất xứ Việt Nam. Phía Việt Nam sẽ xóa bỏ thuế đối với phần lớn hàng công nghiệp và thủy sản có xuất xứ EFTA trong vòng tối đa 11 năm, mở rộng cơ hội cho các mặt hàng như đồng hồ, cá và giáp xác, hóa chất, máy móc và thiết bị cơ khí. Với nông sản, từng nước EFTA và Việt Nam mở cửa dựa trên lợi ích thương mại và mức độ nhạy cảm riêng. Các mặt hàng xuất khẩu quan trọng của EFTA như phô mai, cà phê, sôcôla, thực phẩm cho trẻ em và thực phẩm bổ sung sẽ được hưởng thuế 0% vào Việt Nam trong tối đa 16 năm, còn nhượng bộ của EFTA dành cho nông sản Việt Nam được đánh giá là tương đương mức EFTA dành cho các đối tác FTA gần đây.

Quy tắc xuất xứ được xây dựng chủ yếu theo mô hình của EFTA. Hiệp định cho phép cộng gộp xuất xứ giữa các bên với mọi loại hàng hóa, và cộng gộp mở rộng đối với nguyên liệu phi nông nghiệp nhập từ EU hoặc từ các nước ASEAN có hiệp định thương mại ưu đãi đang có hiệu lực. Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng phổ biến dùng tiêu chí giá trị 70% làm phương án thay thế ở nhiều chương công nghiệp (60% với một số phân nhóm thuộc Chương 81 và 90, 50% với một số phân nhóm thuộc Chương 93 và 40% với đồng hồ thuộc Chương 91). Hiệp định cũng có quy định về hóa đơn bên thứ ba, tách biệt kế toán và gia công ngoài lãnh thổ. Về chứng từ, nhà xuất khẩu Việt Nam sử dụng giấy chứng nhận xuất xứ (C/O), còn nhà xuất khẩu EFTA dùng tờ khai xuất xứ.

Về thuận lợi hóa thương mại, các bên tái khẳng định cam kết theo Hiệp định Thuận lợi hóa thương mại của WTO và thúc đẩy áp dụng các chuẩn mực quốc tế của UN/CEFACT, ISO và WCO, trong đó có Công ước Kyoto sửa đổi. Về phòng vệ thương mại, các bên cam kết cố gắng không khởi xướng biện pháp chống bán phá giá với nhau và sẽ rà soát sau năm năm xem có cần giữ khả năng này hay không; hàng có xuất xứ từ một bên được loại trừ khỏi biện pháp tự vệ toàn cầu nếu không phải nguyên nhân chính gây thiệt hại, đồng thời Hiệp định có cơ chế tự vệ song phương. Về SPS và TBT, các bên hướng tới hội tụ dài hạn về quy chuẩn kỹ thuật, tăng cường cơ chế tham vấn và minh bạch,

---

[1]Nội dung mục này được tổng hợp từ bản tóm tắt nội dung Hiệp định theo từng chương của EFTA Secretariat (2026). Văn bản đầy đủ của Hiệp định và biểu cam kết thuế quan chi tiết chưa được công bố tại thời điểm ký kết.

nhấn mạnh đánh giá rủi ro dựa trên khoa học và tiêu chuẩn quốc tế.

Về dịch vụ, các bên đưa ra cam kết mở cửa cao hơn GATS trong tài chính, vận tải, dịch vụ kinh doanh và di chuyển thể nhân, kèm các phụ lục về tài chính, viễn thông và vận tải biển. Về đầu tư, các bên dành đối xử quốc gia cho việc thành lập hiện diện thương mại trong các ngành ngoài dịch vụ theo danh mục chọn cho, gồm nông nghiệp, thủy sản, khai khoáng và chế tạo, có bảo lưu về đất đai và thẩm tra đầu tư. Các cam kết về sở hữu trí tuệ, mua sắm công, cạnh tranh, phát triển bền vững, SME, hợp tác và thể chế được phân tích ở mục 2.2. Về thể chế, Hiệp định lập Ủy ban hỗn hợp họp hai năm một lần để giám sát thực thi, và cơ chế giải quyết tranh chấp bằng hội đồng trọng tài ba thành viên.

2. Dự báo tác động của Hiệp định

Tác động vĩ mô trực tiếp của VEFTA là tích cực nhưng không lớn, còn tác động tới xuất khẩu sang EFTA lớn: kim ngạch có thể tăng thêm khoảng 47,8% đến năm 2035, với hơn 90% lợi ích xuất hiện trong 5 năm đầu. Các số liệu dưới đây lấy từ mô phỏng CGE/ GTAP của Trường Đại học Ngoại thương (2025)[2].

2.1. Tác động trực tiếp từ cắt giảm thuế quan

Tác động rõ nét nhất của việc cắt giảm thuế là lên thương mại song phương. So với trường hợp không có Hiệp định, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước EFTA được dự báo tăng thêm 44,7% lũy kế đến năm 2030 và 47,8% đến năm 2035, tương ứng tốc độ tăng thêm bình quân khoảng 7,5% mỗi năm trong năm năm đầu và chỉ còn khoảng 0,6% mỗi năm trong giai đoạn sau. Tuy nhiên, do quy mô thị trường EFTA nhỏ so với tổng xuất khẩu của Việt Nam, tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ tăng thêm 0,9% đến năm 2030 và 1,0% đến năm 2035. Tổng kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh hơn một chút, lần lượt 1,05% và 1,13%, chủ yếu là máy móc, phương tiện vận tải và dịch vụ đầu vào cho sản xuất, xuất khẩu.

Tác động tới tăng trưởng và thu nhập dương nhưng khiêm tốn. Hiệp định được dự báo đóng góp thêm 0,24 điểm phần trăm tăng trưởng GDP lũy kế đến năm 2030 và 0,31 điểm phần trăm đến năm 2035. Tiêu dùng tư nhân tăng thêm 0,37% và 0,39%, còn tiền lương bình quân của người lao động tăng thêm 0,39% và 0,42% trong hai mốc tương ứng, không có khác biệt đáng kể giữa lao động nam và nữ. Dòng vốn FDI vào Việt Nam có thể tăng thêm khoảng 230,8 triệu USD lũy kế đến năm 2035, nhờ cả nhà đầu tư EFTA lẫn nhà đầu tư từ nước thứ ba đặt cơ sở tại Việt Nam để xuất khẩu sang EFTA. Về ngân sách, nguồn thu thuế nhập khẩu giảm nhưng được bù đắp bởi thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân, khiến tổng thu thuế tăng thêm khoảng 0,17% đến năm 2035.

Xét theo ngành, da giày và dệt may hưởng lợi nhiều nhất từ việc cắt giảm thuế: sản lượng tăng 4,1% và 3,5%, xuất khẩu tăng khoảng 5%. Phương tiện vận tải, phụ tùng và dịch vụ truyền thông chịu áp lực cạnh tranh lớn nhất do nhập khẩu từ EFTA tăng mạnh (nhập khẩu phương tiện vận tải +17%, dịch vụ truyền thông +42%).

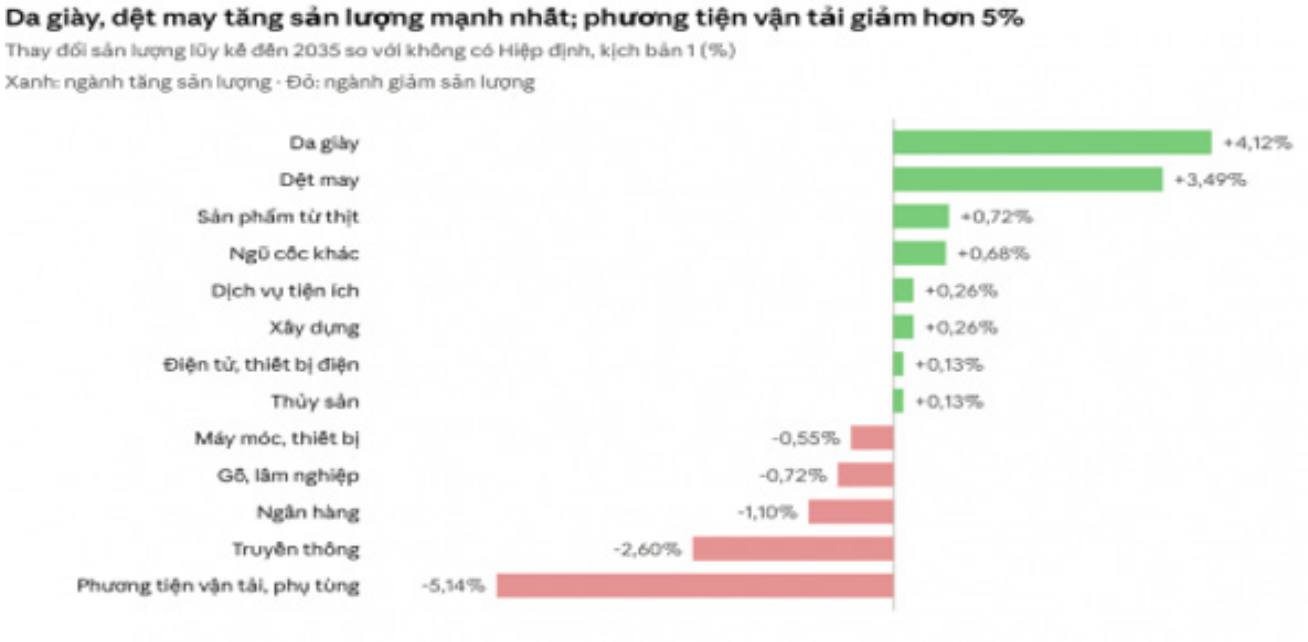
2.2. Tác động từ các cam kết khác ngoài thuế quan

Phần lớn giá trị dài hạn của VEFTA nằm ở các chương phi thuế quan, vốn không được mô hình GTAP đo lường. Các chương này chủ yếu đặt ra khuôn khổ thể chế, nguyên tắc và cơ chế hợp tác, nên tác động của chúng phụ thuộc nhiều vào cách Việt Nam và doanh nghiệp thực thi.

Sở hữu trí tuệ

Chương sở hữu trí tuệ của VEFTA có phạm vi toàn diện, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan, nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thông tin

[2] Mô hình thực hiện theo giả định cắt giảm thuế quan và phi thuế quan có mức độ và lộ trình tương tự EVFTA (85,6% dòng thuế được xóa bỏ ngay khi có hiệu lực, 99,2% sau 7 năm), với năm có hiệu lực giả định là 2025. Cam kết đã ký khác giả định của kịch bản 1 ở bốn điểm, nên các con số trên cần được hiểu là mức tham chiếu chứ không phải dự báo chính xác. Thứ nhất, với chiều xuất khẩu của Việt Nam, cam kết thực tế rộng hơn giả định: EFTA áp dụng 0% thuế cho toàn bộ hàng công nghiệp và thủy sản ngay khi có hiệu lực, thay vì 85,6% dòng thuế như EVFTA. Thứ hai, ngược lại, biên ưu đãi thực tế có thể thấp hơn mô hình, vì Thụy Sĩ đã đơn phương xóa thuế hàng công nghiệp từ 1/1/2024 và nông sản vẫn được EFTA bảo hộ theo mức nhạy cảm của từng nước; vì vậy mức tăng xuất khẩu khoảng 48% nên được xem là cận trên, nhất là với dệt may, da giày vào Thụy Sĩ. Thứ ba, với chiều nhập khẩu, lộ trình mở cửa của Việt Nam dài hơn giả định 7 năm: tối đa 11 năm với hàng công nghiệp và 16 năm với nông sản, nên mức tăng nhập khẩu và sức ép lên các ngành trong nước sẽ dàn trải hơn theo thời gian. Thứ tư, mô hình giả định Hiệp định có hiệu lực từ năm 2025, trong khi Hiệp định mới được ký ngày 18/10/2026 và còn chờ phê chuẩn, nên các mốc 2030 và 2035 trên thực tế sẽ lùi lại ít nhất hai năm.



bí mật, chỉ dẫn địa lý và chỉ dẫn nguồn gốc, kể cả tên gọi, quốc huy và quốc kỳ. Hiệp định cũng quy định cả việc thực thi quyền, trong đó có biện pháp kiểm soát tại biên giới. Các bên tái khẳng định nghĩa vụ theo Hiệp định TRIPS và cam kết nỗ lực hợp lý để phê chuẩn hoặc xem xét gia nhập thêm các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ. Đáng chú ý, Hiệp định có các điều khoản riêng về sở hữu trí tuệ và y tế công cộng, cũng như về nguồn gen và tri thức truyền thống. Điều khoản thứ nhất giúp Việt Nam giữ được không gian chính sách để bảo đảm tiếp cận thuốc, trong bối cảnh Thụy Sĩ là một trong những trung tâm dược phẩm lớn nhất thế giới. Điều khoản thứ hai có ý nghĩa với một quốc gia giàu đa dạng sinh học và dược liệu như Việt Nam, tạo cơ sở để bảo vệ lợi ích khi nguồn gen được khai thác thương mại.

Đối với doanh nghiệp Việt Nam, chương này vừa là cơ hội vừa là ràng buộc. Về cơ hội, môi trường bảo hộ tốt hơn sẽ khuyến khích các tập đoàn Thụy Sĩ, Na Uy đầu tư và chuyển giao công nghệ, đồng thời giúp doanh nghiệp Việt Nam bảo vệ nhãn hiệu, kiểu dáng và chỉ dẫn địa lý của mình khi xây dựng thương hiệu tại châu Âu. Về ràng buộc, việc bảo hộ chỉ dẫn nguồn gốc và biện pháp kiểm soát biên giới đòi hỏi doanh nghiệp tuyệt đối không sử dụng tên gọi, biểu tượng gây nhầm lẫn về xuất xứ và phải kiểm tra kỹ quyền sở hữu trí tuệ trong các đơn hàng gia công. Với Nhà nước, kinh nghiệm thực thi EVFTA cho thấy cam kết sở hữu trí tuệ cao thường kéo theo việc sửa luật và gia nhập điều ước: giai đoạn 2020-2023 Việt Nam đã sửa Luật Sở hữu trí tuệ (2022), ban hành Nghị định 17/2023/NĐ-CP và gia nhập WCT, WPPT, Thỏa ước La Hay. Do khung pháp lý này đã được nâng cấp, áp lực sửa đổi thêm từ VEFTA dự kiến không lớn; trọng tâm sẽ là năng lực thực thi.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương SME là chương mang tính hợp tác, không tạo ra ưu đãi riêng về thuế hay thủ tục. Nghĩa vụ cốt lõi là minh bạch thông tin: mỗi bên phải công bố trên trang web công khai, miễn phí và ở mức tối đa có thể bằng tiếng Anh một loạt thông tin thương mại và kinh doanh hữu ích cho SME. Các bên cũng cam kết hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm chính sách về SME; chương này bổ sung cho những quy định có lợi cho SME nằm rải rác ở các chương khác, như thuận lợi hóa thương mại hay mua sắm công.

Những cam kết này sẽ có tác động tích cực, giúp giảm chi phí tìm hiểu thị trường, vốn là rào cản lớn nhất của SME Việt Nam. Kinh nghiệm từ CPTPP cho thấy tới 75% doanh nghiệp từng xuất khẩu sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương không được hưởng ưu đãi vì thiếu thông tin (Trường Đại học Ngoại thương, 2025). Tuy nhiên, do cam kết chủ yếu mang tính nỗ lực, giá trị của chương SME phụ thuộc vào việc Việt Nam xây dựng được cổng thông tin VEFTA đầy đủ, dễ dùng bằng tiếng Việt, và vào vai trò của hiệp hội

ngành hàng trong việc chuyển thông tin thành hướng dẫn cụ thể theo từng mặt hàng. SME cũng là nhóm hưởng lợi chính từ chương hợp tác và nâng cao năng lực, nếu các chương trình hỗ trợ kỹ thuật được hướng vào tiêu chuẩn, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc.

Thương mại và phát triển bền vững

Chương phát triển bền vững ràng buộc các bên thực thi hiệu quả các công ước ILO đã phê chuẩn, các thỏa thuận đa phương về môi trường, trong đó có UNFCCC và Thỏa thuận Paris, cùng các điều ước về bình đẳng giới. Các bên cam kết không hạ thấp mức bảo vệ lao động và môi trường, nhưng vẫn giữ quyền tự xác định mức bảo vệ của mình. Hiệp định đặc biệt nhấn mạnh quản lý bền vững rừng, đa dạng sinh học, thủy sản và nuôi trồng thủy sản - các lĩnh vực gắn trực tiếp với mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như thủy sản và đồ gỗ.

Cơ chế bảo đảm thực thi của chương này tương đối "mềm": việc thực hiện được theo dõi định kỳ trước các kỳ họp Ủy ban hỗn hợp, và tranh chấp được xử lý bằng ban chuyên gia có quyền đưa ra khuyến nghị, không dẫn tới biện pháp trừng phạt thương mại. Do Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách theo EVFTA và CPTPP (Bộ luật Lao động 2019, gia nhập 9/10 công ước cơ bản của ILO, Luật Bảo vệ môi trường 2020), áp lực thể chế bổ sung từ VEFTA không lớn. Áp lực thực sự đến từ thị trường: nhà nhập khẩu và người tiêu dùng EFTA sẽ dùng các chuẩn mực này làm tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp.

Dịch vụ và đầu tư

Cam kết dịch vụ cao hơn mức GATS trong tài chính, vận tải, dịch vụ kinh doanh và di chuyển thể nhân, kèm các phụ lục riêng về tài chính, viễn thông và vận tải biển. Về đầu tư ngoài dịch vụ, các bên dành đối xử quốc gia cho việc thành lập hiện diện thương mại theo phương thức danh mục chọn cho, bao gồm nông nghiệp, thủy sản, khai khoáng và chế tạo, với các bảo lưu về đất đai và thẩm tra đầu tư. Phương thức danh mục chọn cho giúp Việt Nam kiểm soát được mức độ mở cửa, còn việc khẳng định quyền điều tiết vì mục tiêu y tế, môi trường và biến đổi khí hậu giảm rủi ro bị khiếu kiện khi Nhà nước siết chính sách xanh. Theo thông lệ của EFTA, bảo hộ đầu tư không nằm trong FTA mà trong các hiệp định đầu tư song phương riêng của từng nước. Với doanh nghiệp, đây là cơ hội kêu gọi liên doanh, chuyển giao công nghệ trong nuôi trồng, chế biến thủy sản, dược phẩm và cơ khí chính xác, đồng thời là sức ép cạnh tranh với các ngành dịch vụ tài chính, truyền thông trong nước.

Hợp tác, nâng cao năng lực và thể chế

Chương hợp tác và nâng cao năng lực thiết lập khuôn khổ hỗ trợ kỹ thuật nhằm giúp các bên tận dụng cơ hội từ Hiệp định, với đầu mối liên hệ và việc rà soát tiến độ tại Ủy ban hỗn hợp. Đây là kênh Việt Nam có thể chủ động đề xuất các chương trình về tiêu chuẩn, SPS, quy tắc xuất xứ và sở hữu trí tuệ. Ủy ban hỗn hợp họp hai năm một lần và có thể sửa đổi phụ lục, tức Hiệp định có cơ chế tự cập nhật; cơ chế trọng tài ba thành viên, cùng các kênh trung gian, hòa giải, bảo đảm các cam kết có hiệu lực ràng buộc.

3. Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam

Từ các tác động dự báo ở Phần 2, có thể thấy VEFTA mang lại cơ hội lớn về thị trường, đầu tư và nâng cấp năng lực, đồng thời đặt doanh nghiệp trước yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn và áp lực cạnh tranh ngay trên sân nhà.

3.1. Cơ hội

Cơ hội đầu tiên là một thị trường có sức mua cao với mức thuế 0% được ràng buộc pháp lý: toàn bộ hàng công nghiệp và thủy sản có xuất xứ Việt Nam được miễn thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Việt Nam đã có chỗ đứng tại đây, là nhà cung cấp thủy sản lớn thứ tư cho Thụy Sĩ với thị phần 8,4% năm 2023, trong khi xuất khẩu dệt may sang Thụy Sĩ đạt khoảng 430 triệu USD và tăng 10% mỗi năm (Trường Đại học Ngoại thương, 2025).

Bên cạnh đó, EFTA là một trong những thị trường ổn định nhất thế giới. Bốn nước thành viên đều là nền kinh tế phát triển với tổng GDP khoảng 1.300 tỷ EUR, thu nhập bình quân đầu người thuộc nhóm cao nhất thế giới và xuất khẩu chiếm khoảng 50-60% GDP (Trường Đại học Ngoại thương, 2025). Thị trường này có cơ chế điều hành ổn định, môi trường kinh doanh minh bạch và nhu cầu lớn đối với sản phẩm chất lượng (Đại biểu Nhân dân, 2026; VietnamFinance, 2025), nên ít nhạy cảm với biến động giá và chu kỳ kinh tế hơn các thị trường đại trà. Trong bối cảnh chính sách thuế quan tại một số thị trường lớn khó lường, việc VEFTA biến mức thuế 0% mà EFTA đang áp dụng đơn phương thành cam kết ràng buộc pháp lý giúp doanh nghiệp yên tâm đầu tư dài hạn, coi EFTA là một "vùng đệm" để đa dạng hóa và giảm phụ thuộc vào một vài thị trường lớn.

Bên cạnh đó, với thị phần hiện còn dưới 1% cũng có nghĩa là dư địa tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường này là rất lớn. Chẳng hạn, chỉ cần giành thêm một điểm

phần trăm thị phần dệt may tại Thụy Sĩ, xuất khẩu của Việt Nam có thể tăng thêm hơn 100 triệu USD mỗi năm. Mức tăng này không đến từ cạnh tranh về giá, mà từ việc đáp ứng tiêu chuẩn, định vị ở phân khúc chất lượng cao và xây dựng kênh phân phối trực tiếp.

Quy tắc xuất xứ của Hiệp định khá linh hoạt, cho phép cộng gộp nguyên liệu phi nông nghiệp từ ASEAN và EU. Điều này đặc biệt có lợi cho dệt may, da giày và điện tử, những ngành vốn phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu.

Ở chiều nhập khẩu, máy móc, hóa chất và dược phẩm từ EFTA sẽ được giảm thuế dần, giúp doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận đầu vào và công nghệ với chi phí thấp hơn. Song song, cam kết đầu tư mở cửa cả nông nghiệp, thủy sản, khai khoáng và chế tạo, tạo cơ hội liên doanh với các nhà đầu tư Thụy Sĩ, Na Uy trong dược phẩm, năng lượng tái tạo, hàng hải và nuôi trồng thủy sản.

Bên cạnh đó, có hội lớn hơn là ý nghĩa của EFTA làm sức ép nâng cao năng lực và khẳng định uy tín để thâm nhập các thị trường cao cấp. Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland thuộc nhóm thị trường có thu nhập và tiêu chuẩn cao nhất thế giới, với yêu cầu về an toàn thực phẩm, hóa chất, truy xuất nguồn gốc, lao động và môi trường tương đương hoặc cao hơn EU. Để đáp ứng những yêu cầu này, doanh nghiệp buộc phải nâng cấp quản trị chất lượng, công nghệ và quy trình sản xuất, qua đó tăng năng lực cạnh tranh thực chất chứ không chỉ dựa vào giá rẻ. Hiện diện thành công trên kệ hàng Thụy Sĩ hay Na Uy cũng là bằng chứng uy tín về chất lượng, giúp doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và thuyết phục nhà nhập khẩu tại EU, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia hay Bắc Mỹ. Với quy mô thị trường vừa phải, EFTA còn là nơi phù hợp để doanh nghiệp thử nghiệm sản phẩm cao cấp, chứng nhận và câu chuyện thương hiệu với rủi ro thấp hơn trước khi mở rộng sang các thị trường lớn.

3.2. Thách thức

Thách thức đầu tiên là các rào cản kỹ thuật và các yêu cầu xanh hầu như không giảm. Người tiêu dùng EFTA đòi hỏi truy xuất nguồn gốc, bao bì bền vững và thực hành ESG, còn chương phát triển bền vững ràng buộc các bên thực thi các công ước ILO và Thỏa thuận Paris. Tuy nhiên, đây là thách thức mang tính hai mặt: chi phí tuân thủ trước mắt là đáng kể, nhưng chính những chuẩn mực này buộc doanh nghiệp phải nâng cấp, và năng lực có được sẽ dùng được ở mọi thị trường khó tính khác.

Ngoài ra, cạnh tranh trên thị trường EFTA cũng rất gay gắt. Trung Quốc, Bangladesh và Thổ Nhĩ Kỳ là đối thủ chính trong dệt may; Trung Quốc và Indonesia trong da giày; Trung Quốc, Đài Loan và Malaysia trong điện tử. Riêng Indonesia đã có FTA với EFTA từ trước. Thêm vào đó, thị trường EFTA nhỏ và phân mảnh thành bốn quốc gia với ba đồng tiền và nhiều ngôn ngữ, xa về địa lý, trong khi nguồn cung từ EU chiếm ưu thế nhờ gần gũi và hội nhập sâu; chẳng hạn gần 60% nông sản nhập khẩu của Thụy Sĩ đến từ EU (Trường Đại học Ngoại thương, 2025). Đây là những lý do khiến thị phần của Việt Nam lâu nay chưa tương xứng với năng lực xuất khẩu.

Cuối cùng, sức ép sẽ gia tăng ngay trên thị trường nội địa, nhất là với phương tiện vận tải, máy móc, hóa chất và dịch vụ tài chính - truyền thông. Nhà thầu trong nước sẽ phải cạnh tranh hơn khi thị trường mua sắm công được mở cửa, còn doanh nghiệp nói chung phải tôn trọng chặt chẽ hơn quyền sở hữu trí tuệ và chỉ dẫn nguồn gốc.

4. Giải pháp đối với doanh nghiệp

Doanh nghiệp cần coi VEFTA không chỉ là cơ hội bán thêm hàng sang một thị trường nhỏ, mà là đòn bẩy để nâng chuẩn toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Đáp ứng tiêu chuẩn cao của EFTA là cách nhanh nhất để nâng cao năng lực, xây dựng thương hiệu và chuẩn bị cho các thị trường cao cấp, khó tính khác. Giai đoạn chờ phê chuẩn cần được dùng để chuẩn bị, vì hơn 90% lợi ích xuất khẩu rơi vào 5 năm đầu sau khi Hiệp định có hiệu lực. Các giải pháp dưới đây xoay quanh trục đó.

Trước hết, doanh nghiệp cần nắm vững cam kết và quy tắc xuất xứ ngay từ khâu ký hợp đồng. Việc tra cứu biểu thuế và quy tắc xuất xứ cụ thể cho từng mã HS, cũng như tính trước ngưỡng giá trị (phổ biến 70%), phải đi trước quyết định lựa chọn nguồn nguyên liệu. Doanh nghiệp nên tận dụng cơ chế cộng gộp với nguyên liệu từ ASEAN và EU, đồng thời chuẩn hóa hồ sơ truy xuất để xin C/O nhanh và tránh rủi ro khi bị kiểm tra sau thông quan. Nguồn thông tin hữu ích là các trang công bố dành cho SME mà các bên có nghĩa vụ duy trì theo chương SME, cùng với Bộ Công Thương, VCCI và các cơ quan thương vụ Việt Nam tại Thụy Sĩ và Na Uy.

Thứ hai, doanh nghiệp cần chủ động đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ và ESG của EFTA như một chiến lược nâng cấp năng lực, chứ không chỉ như một nghĩa vụ tuân thủ. Mỗi chứng nhận đạt được, mỗi quy trình truy xuất hay đo lường phát thải được xây dựng cho thị trường EFTA đều có thể dùng lại khi

vào EU, Anh, Nhật Bản hay Bắc Mỹ. Cách làm hiệu quả là áp dụng ngay tiêu chuẩn tương đương EU về hóa chất trong dệt may, da giày, an toàn thực phẩm và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời đầu tư vào các chứng nhận quốc tế như ASC, BAP cho thủy sản hoặc GlobalGAP và hữu cơ cho nông sản. Quy trình sản xuất cần minh bạch, có khả năng truy xuất nguồn gốc; bao bì và nhãn mác cần chuyển sang vật liệu tái chế, ít chất thải. Việc tuân thủ tiêu chuẩn lao động ILO và đo lường phát thải sẽ tạo nền tảng chung để đáp ứng đồng thời yêu cầu của EFTA, EU và cơ chế CBAM.

Thứ ba, doanh nghiệp cần lựa chọn đúng ngách thị trường và xây dựng thương hiệu. Nên ưu tiên những nhóm hàng có lợi thế và được dự báo hưởng lợi nhiều như dệt may, da giày, thủy sản (tôm, cá tra), điện tử, nông sản chế biến và đồ gỗ, đồng thời nhắm vào phân khúc cao cấp, hữu cơ, thân thiện môi trường phù hợp với sức mua và thị hiếu của người tiêu dùng EFTA. Doanh nghiệp cần xây dựng câu chuyện thương hiệu, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý tại EFTA, đồng thời có thể coi Thụy Sĩ, Na Uy là thị trường tham chiếu cao cấp trong một chiến lược châu Âu chung với EVFTA và UKVFTA. Thành công tại những thị trường khắt khe này sẽ trở thành lời giới thiệu thuyết phục về chất lượng, giúp doanh nghiệp định vị thương hiệu ở phân khúc cao hơn trên các thị trường khác, thay vì cạnh tranh chủ yếu bằng giá.

Thứ tư, cần tăng cường liên kết chuỗi và đa dạng hóa kênh phân phối. Liên kết với vùng nguyên liệu, nhà cung ứng và nhà phân phối giúp ổn định chất lượng và đáp ứng quy tắc xuất xứ. Bên cạnh việc tiếp cận nhà nhập khẩu và các chuỗi bán lẻ lớn qua hội chợ, xúc tiến thương mại, doanh nghiệp nên mở rộng kênh số và các sàn thương mại điện tử uy tín.

Thứ năm, doanh nghiệp nên tận dụng đầu vào, công nghệ và vốn từ EFTA. Kế hoạch nhập khẩu máy móc, hóa chất và nguyên liệu chất lượng cao nên được xây dựng theo lộ trình giảm thuế để hạ chi phí và nâng cấp sản xuất. Doanh nghiệp cũng cần chủ động tìm kiếm đối tác liên doanh và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực dược phẩm, chế tạo chính xác, năng lượng tái tạo, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

Thứ sáu, doanh nghiệp cần chuẩn bị cho cạnh tranh ngay trên sân nhà. Các doanh nghiệp thuộc những ngành chịu sức ép như phương tiện vận tải, phụ tùng, máy móc, hóa chất, tài chính và truyền thông cần tái cơ cấu và nâng cao năng suất, tận dụng khoảng thời gian tối đa 11 năm của lộ trình giảm thuế. Họ cũng cần nắm rõ cơ chế tự vệ song phương và phối hợp với hiệp hội ngành hàng để đề nghị áp dụng khi nhập khẩu tăng đột biến gây thiệt hại. Đối với các nhà thầu trong nước, việc nâng cao năng lực đấu thầu điện tử và minh bạch là bước chuẩn bị cần thiết cho giai đoạn đàm phán mở cửa mua sắm công■

Xem thêm Chuyên đề điện tử Ký kết Hiệp định Việt Nam - EFTA: Mở rộng không gian hợp tác thương mại, đầu tư và đổi mới sáng tạo

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tài liệu tiếng Việt

Báo Văn hóa. (2026, tháng 7). Dấu mốc trong nỗ lực mở rộng mạng lưới FTA của Việt Nam. https://baovanhoa.vn/kinh-te/dau-moc-trong-no-luc-mo-rong-mang-luoi-fta-cua-viet-nam-244480.html

Đại biểu Nhân dân. (2026, ngày 20 tháng 7). Doanh nghiệp cần chuẩn bị gì để tận dụng FTA với EFTA. https://daibieunhandan.vn/doanh-nghiep-can-chuan-bi-gi-de-tan-dung-fta-voi-efta-10424201.html

Tạp chí Công Thương. (2026, ngày 1 tháng 3). Việt Nam - Thụy Sĩ: Tháo gỡ vướng mắc, hướng tới hoàn tất đàm phán FTA Việt Nam - EFTA. https://tapchicongthuong.vn/viet-nam-thuy-si--thao-go-vuong-mac--huong-toi-hoan-tat-dam-phan-fta-viet-nam-efta-464740.htm

Trường Đại học Ngoại thương. (2025). Báo cáo đánh giá tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EFTA (VEFTA) đến Việt Nam [Báo cáo thuộc Chương trình Hỗ trợ Đổi mới và Cạnh tranh (ICG) - Dự án SwissTrade]. Hà Nội.

VietnamFinance. (2025, ngày 30 tháng 7). Việt Nam - EFTA: Ngành nào sẽ "cất cánh" tại thị trường khó tính? https://vietnamfinance.vn/viet-nam-efta-nganh-nao-se-cat-canh-tai-thi-truong-kho-tinh-d130339.html

VietnamPlus. (2026, ngày 18 tháng 10). Chính thức ký kết Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EFTA. https://www.vietnamplus.vn/chinh-thuc-ky-ket-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam-efta-post1142663.vnp

VnExpress. (2026, ngày 18 tháng 10). Việt Nam ký hiệp định thương mại tự do với các nước thuộc EFTA. https://vnexpress.net/viet-nam-ky-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-voi-cac-nuoc-thuoc-efta-5133793.html

Tài liệu tiếng Anh

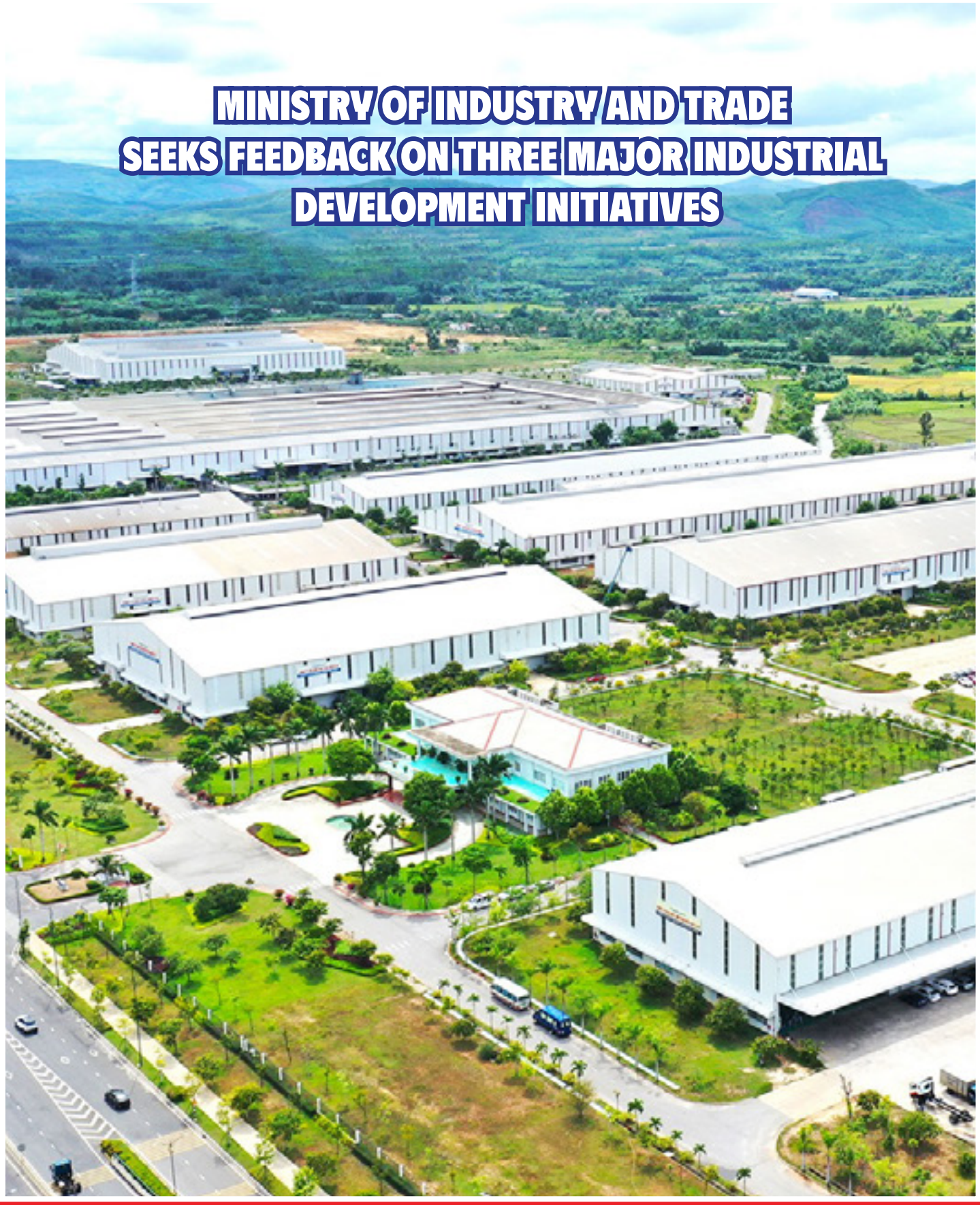
EFTA Secretariat. (2026). EFTA-Viet Nam Free Trade Agreement: Conclusion of negotiations [Note by the EFTA Secretariat]. European Free Trade Association.

European Free Trade Association. (2026, July 2). EFTA and Viet Nam conclude negotiations on a free trade agreement [Press release]. https://www.efta.int/media-resources/news/efta-and-viet-nam-conclude-negotiations-free-trade-agreement

Reuters. (2026, October 14). Switzerland, Norway and Vietnam to sign trade deal on Sunday. Sowetan. https://www.sowetan.co.za/news/world/2026-10-14-switzerland-norway-and-vietnam-to-sign-trade-deal-on-sunday/

VIETNAM
INDUSTRY&TRADE REVIEW

MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE SEEKS FEEDBACK ON THREE MAJOR INDUSTRIAL DEVELOPMENT INITIATIVES



Website: tapchicongthuong.vn



General Secretary and President Tô Lâm witnesses Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng and representatives of the member states of the European Free Trade Association (EFTA), including Switzerland, Liechtenstein, Iceland, and Norway, sign the Vietnam - EFTA Free Trade Agreement (VEFTA). Photo: Ngoc Cham

VIETNAM - EFTA FREE TRADE AGREEMENT OPENS NEW OPPORTUNITIES FOR COOPERATION IN TRADE, INVESTMENT AND SUSTAINABLE DEVELOPMENT

On the morning of October 18, 2026, in Hanoi, in the presence of General Secretary and President Tô Lâm, Vietnam's Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng and representatives of the four member states of the European Free Trade Association (EFTA) - Switzerland, Liechtenstein, Iceland and Norway, officially signed the Vietnam - EFTA Free Trade Agreement (VEFTA).

Speaking at the opening ceremony of the Switzerland - Vietnam Economic Forum later that afternoon, Minister Lê Mạnh Hùng emphasized that VEFTA opens up new avenues for cooperation between Vietnam and EFTA member states in trade in goods and services, investment, and sustainable development.

According to Minister Lê Mạnh Hùng, the signing of VEFTA, following 14 years of negotiations spanning 21 negotiating sessions, marks a significant milestone in economic and trade relations between Vietnam and EFTA countries, reflecting the strong political commitment and sustained efforts of both sides.

Through its preferential tariff commitments, the Agreement will create favorable conditions for Vietnamese products to expand their market reach and enhance their competitiveness, while enabling EFTA businesses to better tap into the potential of the Vietnamese market. Its rules of origin will also facilitate production linkages and strengthen supply chain connectivity between Europe and Southeast Asia.

Amid persistent uncertainties in the global economy, VEFTA establishes a transparent, stable and predictable framework for cooperation, strengthening business confidence in long-term investment. In particular, combining Vietnam's dynamic market, growing manufacturing capabilities and expanding network of international economic partnerships with the strengths of Switzerland and other EFTA countries in technology, innovation, finance and quality standards will create opportunities to develop more efficient and sustainable value chains.

Four priority areas for enhanced cooperation

Minister Lê Mạnh Hùng noted that Vietnam is entering a new phase of development, with a focus on achieving rapid and sustainable growth while strengthening the economy's self-reliance. Against this backdrop, he called on businesses from both sides to prioritize cooperation in four key areas.

First, developing manufacturing industries and supply chains. Vietnam seeks to attract investment in

precision engineering, automation, supporting industries and advanced manufacturing technologies, while strengthening the capabilities of domestic suppliers and enabling their deeper integration into global value chains.

Second, accelerating the energy transition and green growth. Both sides should expand cooperation in smart grids, energy efficiency, green technologies, eco-industrial parks and the circular economy.

Third, advancing innovation, the digital economy, healthcare and life sciences. Cooperation should focus on technology transfer, strengthening research and development capabilities, and promoting product development by leveraging the respective strengths of both sides.

Fourth, developing human resources. Vietnam aims to strengthen cooperation in vocational education and training, skills development and workforce quality improvement. Particular emphasis will be placed on studying and adapting Switzerland's dual vocational education and training model, which closely aligns vocational training with the practical needs of businesses.

The Ministry of Industry and Trade of Vietnam stands ready to work closely with relevant agencies, organizations and business communities from both sides to translate these priorities into concrete cooperation programs and investment projects.

Three key messages to the business community

Minister Lê Mạnh Hùng conveyed three key messages to the business communities of Vietnam and EFTA countries.

To Swiss and other EFTA businesses, Vietnam is not merely a consumer market, but also a long-term investment destination, a competitive manufacturing hub and a strategic partner in regional supply networks.

To Vietnamese businesses, the Minister encouraged them to regard the Agreement as a catalyst for technological innovation, improved corporate governance, compliance with international standards, brand development and higher product value.

On behalf of the Vietnamese Government, the Minister reaffirmed Vietnam's commitment to continuing institutional reforms, improving the investment and business environment, effectively implementing international commitments, and supporting businesses in seizing opportunities arising from the Agreement.

Minister Lê Mạnh Hùng stressed that the success of VEFTA should not be measured by the number of tariff lines reduced or eliminated, but rather by the investment projects implemented, technologies transferred, supply chains established and improvements achieved in competitiveness.

"With the Government's strong commitment and the proactive engagement of the business community, I am confident that economic and trade relations between Vietnam, Switzerland and other EFTA countries will continue to grow in a more substantive, effective and sustainable manner," Minister Lê Mạnh Hùng emphasized.

From the business community's perspective, Dr. Tô Hoài Nam, Standing Vice President and Secretary General of the Vietnam Association of Small and Medium Enterprises (VINASME), expressed his expectation that VEFTA would drive two important shifts: from expanding export volumes to increasing export value, and from merely attracting investment capital to acquiring technology, management expertise and long-term development capabilities. Access to high-purchasing-power markets with stringent standards, such as those of EFTA countries, will also encourage Vietnamese businesses to modernize their production processes and enhance product quality and reputation.

In particular, he welcomed the Agreement's dedicated provisions for small and medium-sized enterprises (SMEs), which create opportunities for these businesses, especially microenterprises, to strengthen their access to international markets, technologies and business partners, gradually translating the Agreement's commitments into tangible commercial benefits.

Assessing the significance of VEFTA, Associate Professor Dr. Ngô Trí Long, an economist, emphasized that the Agreement's greatest value lies not merely in opening markets, but more importantly in its potential to translate trade advantages into stronger competitiveness and an enhanced position for Vietnam in the global economy.

Beyond diversifying export markets and expanding trade opportunities, the Agreement also offers prospects for attracting high-quality investment, advanced technologies and modern management expertise from EFTA countries. By leveraging the complementary strengths of both sides, VEFTA is expected to promote production linkages and technology transfer, enabling Vietnamese businesses to improve productivity, product quality and value added while integrating more deeply into global value chains. The Agreement also presents an opportunity for Vietnam to transform its growth model and deepen the quality of its international economic integration.



Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng (left) and Japan's Minister of Economy, Trade and Industry Akazawa Ryosei (right). (Photo: Department of Foreign Market Development and Multilateral Trade)

VIETNAM AND JAPAN STRENGTHEN COOPERATION IN STRATEGIC MINERALS, ENERGY, INDUSTRY AND TRADE

ON NOVEMBER 10, 2026, AS PART OF THE OFFICIAL VISIT TO JAPAN BY GENERAL SECRETARY AND PRESIDENT TÔ LÂM AND HIS SPOUSE, MINISTER OF INDUSTRY AND TRADE LÊ MẠNH HÙNG HELD MEETINGS WITH SENIOR REPRESENTATIVES OF JAPANESE CORPORATIONS SOJITZ, SHIN-ETSU AND IWATANI TO EXPLORE INVESTMENT OPPORTUNITIES AND COOPERATION IN DEVELOPING VIETNAM'S MINERAL PROCESSING INDUSTRY.

Promoting Japanese investment in Vietnam's strategic minerals industry

Accompanying Minister Lê Mạnh Hùng were senior officials from relevant departments and agencies under the Ministry of Industry and Trade (MoIT), including the Department of Foreign Market Development and Multilateral Trade, the Oil, Gas and Energy Agency, the Electricity Authority, the Agency for Industry, and the Vietnam Department of Geology and Minerals.

During the meetings, Minister Lê Mạnh Hùng highlighted the strong economic, trade and investment partnership between Vietnam and Japan, emphasizing the important role of Japanese businesses in expanding manufacturing activities, facilitating technology transfer and strengthening supply chain linkages in Vietnam.

He reaffirmed Vietnam's commitment to cooperation with corporations possessing advanced technologies and strong industrial capabilities, while encouraging investments that contribute to sustainable development, enhance the competitiveness of domestic enterprises and promote high-quality workforce development.

The Minister noted that Vietnam aims to become an upper-middle-income developing country with modern industry by 2030 and a high-income developed country by 2045.

To achieve these objectives, Vietnam is prioritizing industrial restructuring to strengthen self-reliance in raw materials, technology and manufacturing, increase domestic content and develop integrated industrial value chains.

Particular attention is being given to establishing comprehensive value chains covering the extraction and advanced processing of critical minerals through to the production and commercialization of high-value-added industrial products.

These efforts are expected to enhance industrial competitiveness and strengthen the economy's self-reliance.

During the discussions, Minister Lê Mạnh Hùng provided Japanese corporate representatives with information on Vietnam's policies, development strategies and investment conditions relating to critical minerals and associated industries.

Representatives of Sojitz, Shin-Etsu and Iwatani expressed appreciation for the support provided by the Vietnamese Government and the Ministry of Industry and Trade in maintaining a stable and favorable investment environment.

They highlighted their existing activities in mineral processing, chemicals and permanent magnet manufacturing, while presenting their business operations, development strategies and plans for further expansion.

The Japanese corporations also expressed interest in exploring additional investment opportunities in Vietnam's mineral industry.

Recognizing the respective strengths of each corporation, Minister Lê Mạnh Hùng encouraged closer engagement with Vietnamese regulatory agencies, research institutions and enterprises to identify practical cooperation opportunities.

He emphasized the importance of developing stable and sustainable strategic mineral supply chains in Vietnam, in compliance with the legal frameworks of both countries.

The Minister called on the corporations to translate potential investment opportunities into concrete projects, particularly those involving technology transfer, advanced processing of critical minerals and the establishment of integrated domestic supply chains.

He reaffirmed that the Ministry of Industry and Trade stands ready to maintain dialogue, coordinate with relevant stakeholders and facilitate Japanese investors' long-term, effective and sustainable operations in Vietnam in accordance with applicable laws.

Strengthen bilateral cooperation in industry, trade and energy

Earlier, on November 9, 2026, Minister of Industry and Trade Lê Mạnh Hùng and Japan's Minister of Economy, Trade and Industry Akazawa Ryosei co-chaired the 8th Meeting of the Vietnam - Japan Joint Committee on Industrial, Trade and Energy Cooperation.

During the meeting, the two ministers acknowledged positive progress in implementing commitments outlined in the Joint Statement adopted at the committee's seventh meeting.

Bilateral trade continued to expand, reaching USD 51.5 billion in 2025 and surpassing the USD 50 billion milestone for the first time. Trade turnover in the first nine months of 2026 reached USD 44 billion, prompting both ministers to express optimism that bilateral trade could reach USD 60 billion by the end of the year.

In industrial cooperation, the two sides agreed to strengthen collaboration in priority industries, supporting industries, and processing and manufacturing. They also emphasized closer business linkages to develop stable, sustainable and resilient strategic supply chains capable of adapting to fluctuations in the global economy.

Notably, the ministers discussed cooperation needs and opportunities in the critical minerals sector, with Vietnam outlining its relevant policies and development priorities. This area subsequently became a central focus of Minister Le Manh Hung's discussions with Sojitz, Shin-Etsu and Iwatani on November 10.

The Vietnamese Minister also encouraged Japan to leverage its technological strengths to support the development of Vietnam's supporting industries and automotive sector, particularly through research and development (R&D), technology transfer and the manufacturing of high-value-added products.

He further called for stronger cooperation in workforce training in mechatronics, precision engineering, automation, semiconductors and emerging manufacturing technologies.

Greater integration among manufacturers, supporting industry enterprises, research institutions and educational establishments was also identified as a priority for developing more competitive industrial value chains.

At the conclusion of the committee meeting, both ministers agreed to maintain close coordination in translating shared priorities into practical cooperation initiatives across industry, trade and energy.

These efforts are expected to further deepen the Vietnam - Japan Comprehensive Strategic Partnership while supporting sustainable industrial development and strengthening economic ties between the two countries■

MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE SEEKS FEEDBACK ON THREE MAJOR INDUSTRIAL DEVELOPMENT INITIATIVES

ON OCTOBER 23, 2026, THE MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE (MOIT) HELD A CONSULTATION CONFERENCE IN HO CHI MINH CITY TO GATHER FEEDBACK ON THREE MAJOR INDUSTRIAL DEVELOPMENT PROPOSALS AIMED AT IMPLEMENTING THE GOVERNMENT'S RESOLUTION NO. 109/NQ-CP.

The conference was attended by Deputy Minister of Industry and Trade Phan Thị Thắng; Deputy Secretary of the Ho Chi Minh City Party Committee Nguyễn Sinh Nhật Tân; representatives of departments and agencies under the Ministry and the municipal Party Committee; and officials from provincial Departments of Industry and Trade across southern Vietnam.

Representatives of economic zone and industrial park management boards, universities, research institutes, industry associations, businesses, scientists and experts also participated.

The conference sought feedback on three proposals: developing specialized industrial clusters and large-scale industrial complexes; developing industries related to the application of atomic energy; and advancing foundational, strategic and emerging industries.

The consultations will help refine the proposals before their submission to the relevant authorities and the Prime Minister for consideration in 2026.

Three strategic initiatives to strengthen Vietnam's industrial capacity

In her opening remarks, Deputy Minister Phan Thị Thắng said the Ministry had previously sought written feedback from ministries, local authorities, research institutions, universities, industry associations, businesses and other relevant organizations on the three proposals developed under Resolution No. 109/NQ-CP.

The conference provided an opportunity to gather further input directly from stakeholders before finalizing the proposals for submission to the Prime Minister.

The first proposal focuses on developing specialized industrial clusters and large-scale industrial complexes to reorganize industrial development space, strengthen production linkages, promote industrial concentration and specialization, and improve competitiveness.

The draft proposes establishing six to eight specialized industrial clusters and four to six large-scale industrial complexes.

The second proposal concerns the development of industries supporting the application of atomic energy, with particular emphasis on preparing domestic industrial capabilities, supply chains, technical services, standards and human resources to meet future nuclear power development requirements.

This initiative follows the decision in principle to restart the Ninh Thuan Nuclear Power Project. Deputy Minister Phan Thị Thắng emphasized that the sector requires a long-term vision and careful preparation.

The third initiative outlines a development program for 15 priority industries, including mechanical engineering, metallurgy, chemicals, materials, supporting industries, electronics, electric vehicles, energy, advanced processing, semiconductors, robotics, industrial artificial intelligence, biotechnology, batteries and hydrogen.

The program aims to guide resource allocation and stimulate the development of industries that provide a foundation for the economy or offer significant growth potential.

Deputy Minister Phan Thị Thắng identified five key issues for discussion.

First, participants were encouraged to assess the criteria for selecting and prioritizing industries, products, technologies, industrial clusters and large-scale industrial complexes, including whether the proposed priorities were sufficiently focused and whether adjustments were needed.

Second, she emphasized the central role of enterprises in industrial development. While the Government is responsible for establishing an enabling regulatory framework, providing strategic direction and developing infrastructure, businesses must lead investment, innovation and competition.

She called on enterprises and industry associations to identify policies that could effectively



Deputy Minister of Industry and Trade Phan Thị Thắng and Deputy Secretary of the Ho Chi Minh City Party Committee Nguyễn Sinh Nhật Tân co-chair the conference. (Photo: Vietnam Industry and Trade Review)

address obstacles related to financing, market access, technology and industrial land.

Third, human resource development was identified as a fundamental requirement for industrial transformation. Training institutions and businesses were encouraged to provide recommendations on industry-specific workforce needs, demand-driven training, dual education models and stronger cooperation among universities, factories and research institutes.

Fourth, the Deputy Minister called for clearer identification of core technologies that Vietnam should master, technologies that could be acquired through transfer, and mechanisms to translate research outcomes into commercial production.

Finally, she emphasized the need to ensure consistency among the three proposals and assess their implementation feasibility, including the allocation of responsibilities, coordination mechanisms, financial resources and implementation schedules.

"Participants' contributions will provide an important basis for further refining the proposals, ensuring that they are coherent, practical and feasible," Deputy Minister Phan Thị Thắng stated.

She requested that the Institute for Industry and Trade Strategy and Policy Research systematically collect, categorize, review and respond to the feedback, providing a basis for completing the submissions to the Prime Minister within 2026.

Ho Chi Minh City seeks stronger regional industrial linkages

In his welcoming remarks, Deputy Secretary of the Ho Chi Minh City Party Committee Nguyễn Sinh Nhật Tân described the three proposals as strategically important to Vietnam's industrial development in the coming years.

He noted that the initiatives are closely linked to the country's ambition to achieve double-digit economic growth, strengthen industrial self-reliance, increase domestic content and improve the position of Vietnamese enterprises within global value chains.

For Ho Chi Minh City, the proposals carry particular significance.

Following the restructuring of administrative boundaries, the city has gained expanded development space, combining its strengths as a center for economic activity, finance, services, science and technology with extensive industrial parks, deep-water seaports and oil refining and petrochemical facilities.

Industrial production remains a major pillar of the city's economic growth.

During the first nine months of 2026, Ho Chi Minh City's gross regional domestic product (GRDP) expanded by 9.06%, while its Index of Industrial Production increased by 10.9%. Manufacturing and processing grew by 11.3%, continuing to lead industrial expansion.

The city is targeting double-digit economic growth in 2026 and subsequent years.

However, Nguyễn Sinh Nhật Tân acknowledged several persistent challenges, particularly the limited participation of domestic enterprises in supply chains, the growing demand for highly skilled workers and the need for shared technical infrastructure.

He outlined three key expectations for the proposed initiatives.

First, the proposals should establish clear selection criteria, well-defined priorities and performance-based support mechanisms so that local authorities and businesses can understand their roles, available incentives and implementation commitments.

Ho Chi Minh City has competitive advantages in mechanical engineering, automation, electronics, semiconductors, industrial artificial intelligence, pharmaceutical chemicals and supporting industries.

The city hopes to work closely with the Ministry to define its role within priority industrial value chains.

Second, the development of industrial clusters and large-scale complexes should be closely integrated with regional connectivity.

According to the Deputy Secretary, industrial activities across southeastern Vietnam and the Mekong Delta form an interconnected economic system encompassing mechanical engineering, textiles, footwear, agricultural and seafood processing, seaports and logistics.

He called for clearer coordination mechanisms between the Ministry and local governments, as well as among neighboring localities, to avoid fragmented or overlapping investment and maximize existing industrial infrastructure.

Third, regarding atomic energy applications, he emphasized the importance of a systematic development approach with strict safety standards.

Ho Chi Minh City possesses significant advantages in scientific and technical human resources, universities, research institutions, hospitals and technology enterprises.

The city therefore hopes to participate from an early stage in workforce training, technical services and radiation applications in industry and healthcare, in accordance with relevant regulations and development roadmaps.

"Ho Chi Minh City is committed to working closely with the Ministry of Industry and Trade and creating favorable conditions for the successful implementation of these initiatives," Nguyễn Sinh Nhật Tân affirmed.

He added that municipal departments, research institutions, universities and the business community would contribute practical and constructive recommendations. Once the proposals are approved by the competent authorities, the city stands ready to cooperate with the Ministry in implementing relevant projects and programs.

Strengthening policy feasibility and implementation coordination

At the conference, Dr. Hoàng Trường, Vice Chairman of the Institute's Scientific Council, representing the Institute for Industry and Trade Strategy and Policy Research, presented the main components of the draft proposals and highlighted issues requiring further consultation.

Participants discussed the development of specialized industrial clusters and large-scale industrial complexes, industries supporting atomic energy applications, and foundational, strategic and emerging industries.

Experts, scientists, government officials and business representatives provided additional perspectives on industrial development priorities, technological capabilities, infrastructure requirements, investment mechanisms and implementation feasibility.

The discussions also examined the role of state management in supporting specialized industrial development and creating favorable conditions for large-scale industrial investment.

Following the presentations and consultations, Nguyễn Khắcc Quyền, Deputy Director of the Institute for Industry and Trade Strategy and Policy Research, acknowledged the recommendations and confirmed that the Institute would carefully review and incorporate relevant feedback.

He said the revised proposals would be finalized and submitted to the Ministry's leadership for reporting to the Government in November 2026.

The three initiatives are expected to provide a strategic framework for strengthening Vietnam's industrial capabilities, promoting technological innovation, improving regional industrial connectivity and enhancing the competitiveness of domestic enterprises.

By prioritizing foundational industries, emerging technologies and integrated industrial development, the proposals aim to support Vietnam's long-term industrial transformation and its ambition to achieve sustained, high-quality economic growth■



Deputy Minister of Industry and Trade Lương Hoàng Thái delivers his concluding remarks at the conference. (Photo: Vietnam Industry and Trade Review)

DEPUTY MINISTER LƯƠNG HOÀNG THÁI CALLS FOR STRONGER COORDINATION TO SUSTAIN INDUSTRIAL AND TRADE GROWTH

DEPUTY MINISTER OF INDUSTRY AND TRADE LƯƠNG HOÀNG THÁI HAS CALLED FOR CLOSER COORDINATION BETWEEN THE MINISTRY AND LOCAL AUTHORITIES TO ADDRESS REGULATORY AND OPERATIONAL CHALLENGES, IMPROVE GOVERNANCE EFFICIENCY AND LAY THE GROUNDWORK FOR DOUBLE-DIGIT ECONOMIC GROWTH. HIS REMARKS CAME AS CENTRAL VIETNAM AND THE CENTRAL HIGHLANDS REPORTED STRONG INDUSTRIAL AND TRADE PERFORMANCE IN THE FIRST TEN MONTHS OF 2026, PROVIDING POSITIVE MOMENTUM FOR THE REGION'S DEVELOPMENT GOALS IN 2027 AND THE NEXT FIVE-YEAR PERIOD.

Strong industrial and trade performance provides momentum for growth

Speaking at the 12th Central Vietnam and Central Highlands Industry and Trade Conference, held by the Ministry of Industry and Trade (MoIT) in Quang Ngai Province on November 10, 2026, Deputy Minister Lương Hoàng Thái acknowledged the region's positive economic performance despite global uncertainties and rising costs of raw materials, energy and logistics.

According to the conference report, industrial production remained a key growth driver across the region. During the first ten months of 2026, nine of the 11 provinces and cities recorded double-digit growth in their Index of Industrial Production (IIP), led by Ha Tinh at 42.17%, Nghe An at 21.49%, Quang Tri at 15.49% and Quang Ngai at 13.8%.

Processing and manufacturing continued to expand, particularly in oil refining, metallurgy, mechanical engineering, electronics, textiles and agricultural processing. Major industrial projects, alongside investments in renewable energy, also contributed to strengthening regional production

capacity and industrial competitiveness.

Domestic trade and consumer demand showed equally encouraging results. Total retail sales of goods and consumer service revenue reached an estimated VND 1.551 quadrillion in the first ten months, up 17.7% year-on-year, with all 11 localities recording growth exceeding 10%.

Thanh Hoa led in retail value with VND 225.4 trillion, while Da Nang achieved growth of 22.2%. The expansion of retail trade, tourism, accommodation and food services, supported by promotional campaigns and e-commerce development, helped sustain consumer spending and strengthen the domestic market.

Foreign trade also maintained strong momentum, with export turnover estimated at USD 34.391 billion, an increase of 17.1% year-on-year.

Thanh Hoa remained the region's largest exporter, accounting for 18.9% of total exports, while Nghe An recorded the highest growth rate at 52.7%, followed by Quang Ngai at 40.2%.

Major export products included iron and steel, automobiles, textiles, footwear, mechanical products, wood products and processed agricultural goods. Meanwhile, imports rose by 19% to USD 34.086 billion, primarily driven by demand for machinery, equipment and production materials.

For the full year 2026, the region is projected to achieve export turnover of USD 41.265 billion and total retail sales and consumer service revenue of VND 1.867 quadrillion.

These results provide an important foundation for further development. However, the conference also highlighted challenges related to industrial investment, energy infrastructure, supporting industries and regional connectivity that require coordinated solutions.

Building a strong foundation for five-year development goals

Delivering his concluding remarks, Deputy Minister Lương Hoàng Thái commended participants for their open and constructive discussions on issues related to the state management responsibilities of the industry and trade sector.

He noted that the conference had addressed a range of practical challenges facing local authorities in managing and developing industrial and commercial activities. The discussions would provide valuable input for the Ministry of Industry and Trade to review existing policies and coordinate appropriate solutions.

According to the Deputy Minister, achieving double-digit economic growth while ensuring social welfare and addressing practical development challenges represents a demanding task that cannot be accomplished overnight. Nevertheless, identifying key obstacles and priorities would enable the sector to develop more effective strategies and solutions.

He particularly emphasized the importance of the remaining months of 2026, not only for fulfilling annual targets but also for preparing the next stage of economic development.

"This year serves as a springboard for implementing the five-year development goals set out by the Party Congress," he stated.

The Deputy Minister stressed that performance in 2026 should be assessed not only against immediate targets but also in terms of its contribution to laying a solid foundation for the years ahead.

He therefore called on departments and agencies under the Ministry, together with provincial Departments of Industry and Trade, to review their responsibilities, proactively implement necessary measures and make effective use of the remaining months of the year to fulfill their development plans.

Looking ahead to 2027, Central Vietnam and the Central Highlands have set ambitious targets, including industrial production growth exceeding 10%, export turnover of USD 45.405 billion, up 10%, and total retail sales of goods and consumer service revenue of VND 2.09 quadrillion, an increase of 12%.

Achieving these targets will require continued efforts to accelerate industrial investment, develop supporting industries, strengthen logistics infrastructure, expand export markets and enhance regional connectivity.

Addressing energy and electricity challenges in line with local development needs

Energy and electricity were among the key areas highlighted by Deputy Minister Lương Hoàng Thái, reflecting concerns frequently raised by local authorities during the Ministry's working visits.

He acknowledged that resolving long-standing difficulties in the electricity sector would be challenging and could not be achieved within a short period. Nevertheless, gradual regulatory adjustments and policy amendments would be essential to addressing underlying issues.

Regarding policy development, the Deputy Minister noted that the National Assembly was

considering amendments and supplements to several provisions of the Electricity Law during its current session.

The Government had also issued strong directives on electricity-related matters, while the Ministry of Industry and Trade would continue coordinating with relevant agencies and reporting outstanding issues to the Government for further consideration and resolution.

The conference also discussed the development of performance indicators for specific areas, including rooftop solar power, e-commerce development and other specialized industry and trade activities.

On this issue, Deputy Minister Lương Hoàng Thái stressed that performance indicators must be measurable and allow for the quantification of results, while also reflecting the actual conditions and comparative advantages of individual localities.

He cautioned against applying rigid, uniform assessment criteria across all provinces and cities, given differences in their economic structures and development conditions.

"Our assessments must be grounded in local realities and take a comprehensive, balanced approach that reflects actual circumstances," he emphasized.

This approach calls for a more flexible framework for setting, assigning and evaluating industry and trade performance targets, ensuring alignment with national objectives while recognizing the characteristics, potential and achievements of each locality.

It would also help avoid one-sided assessments that fail to fully capture the effectiveness of local implementation.

Ensuring market stability and strengthening central-local coordination

Regarding priorities for the remaining months of 2026, Deputy Minister Lương Hoàng Thái urged provincial industry and trade authorities to maintain key local economic balances, safeguard people's livelihoods and ensure the stability of essential goods markets.

Particular attention should be given to securing adequate supplies of essential commodities, preventing shortages and maintaining stability in the petroleum market.

The Deputy Minister reaffirmed that the Ministry of Industry and Trade would continue working closely with local authorities to implement their responsibilities and achieve established development targets.

He requested that departments and agencies under the Ministry carefully review the recommendations raised at the conference, address issues within their respective responsibilities and provide written responses to local authorities to facilitate implementation.

Another major priority was improving coordination and information exchange between central and local government agencies.

The Deputy Minister encouraged local authorities to consolidate their challenges and recommendations more systematically, focusing on broader structural and cross-sectoral issues rather than presenting isolated requests.

He noted that the restructuring of Vietnam's administrative system and the implementation of the two-tier local government model required a stronger emphasis on connectivity and coordination in economic governance.

As local authorities assume greater responsibility for managing and developing economic activities within their jurisdictions, central government agencies should increasingly focus on connecting localities and coordinating development across sectors throughout the national economy.

At the same time, greater alignment in policy approaches and administrative thinking between central and local authorities would be essential to improving governance efficiency.

Deputy Minister Lương Hoàng Thái concluded that the discussions and recommendations presented at the conference would provide an important basis for the Ministry of Industry and Trade to further review and improve its management and administrative practices.

By strengthening cooperation with local authorities, addressing persistent challenges and facilitating the effective mobilization of resources, the Ministry aims to create stronger momentum for industrial and trade development.

With industrial production, domestic consumption and exports maintaining positive growth, Central Vietnam and the Central Highlands are well positioned to pursue their 2027 targets. Continued policy improvements, stronger regional cooperation and more effective coordination between central and local authorities will be essential to translating this momentum into sustainable economic growth over the next five-year period■

VIETNAM AND FINLAND SEEK STRONGER COOPERATION IN TRADE, INVESTMENT, TECHNOLOGY AND ENERGY

ON OCTOBER 15, AT THE HEADQUARTERS OF THE MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE (MOIT), DEPUTY MINISTER NGUYỄN VIỆT SƠN HELD TALKS WITH FINLAND'S MINISTER FOR FOREIGN TRADE AND DEVELOPMENT, VILLE TAVIO, TO DISCUSS MEASURES TO STRENGTHEN BILATERAL COOPERATION IN TRADE, INVESTMENT, TECHNOLOGY, ENERGY AND THE CIRCULAR ECONOMY.

The Vietnamese delegation included representatives from the Department of Foreign Market Development and Multilateral Trade, the Electricity Authority, the Agency for Industry, the Agency of Foreign Trade, and the Agency for Innovation, Green Transition and Industry Promotion.

Speaking at the meeting, Deputy Minister Nguyễn Việt Sơn reaffirmed Vietnam's commitment to its friendship and cooperation with Finland, highlighting the Nordic country's strengths and expertise in technology, innovation, clean energy and sustainable development.

On trade, the Deputy Minister called on both sides to make more effective use of the EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA), strengthen business-to-business connections, diversify products and expand market access. He emphasized that the Ministry of Industry and Trade stands ready to coordinate with relevant agencies to address challenges in implementing the agreement and facilitate bilateral trade and investment.

In science, technology and digital transformation, Vietnam expressed its desire to expand cooperation in research, application and transfer of advanced technologies, particularly artificial intelligence, digital technologies, new materials and smart manufacturing.

The Deputy Minister proposed greater exchanges of expertise in data governance and the application of technology in management, manufacturing and supply chains, alongside efforts to strengthen cybersecurity capabilities for energy and industrial infrastructure.

Regarding energy cooperation, Vietnam welcomed Finland's willingness to share its experience and technological solutions and encourage Finnish businesses to participate in developing clean, flexible and sustainable power generation. Vietnam also expressed interest in reliable, scalable and low-emission electricity solutions for data centers and artificial intelligence facilities, in line with national development plans and practical conditions.

On the circular economy, Deputy Minister Nguyễn Việt Sơn acknowledged the support provided by the European Union and the Finnish Government, affirming that the Ministry of Industry and Trade is ready to work with relevant agencies and development partners to advance the implementation of the project "Promoting the Circular Economy in the Industrial Sector."

Vietnam's priority areas for cooperation include improving policy frameworks, enhancing business capabilities, facilitating technology transfer and scaling up resource-efficient, low-emission production models.

For his part, Finnish Minister for Foreign Trade and Development Ville Tavio emphasized Finland's strong interest in deepening trade and investment ties with Vietnam, capitalizing on opportunities



Deputy Minister Nguyen Việt Sơn called on both sides to make more effective use of the EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA), strengthen business-to-business connections, diversify products and expand market access. (Photo: Vietnam Industry and Trade Review)

offered by the EVFTA and addressing market access barriers, particularly those affecting agricultural and food products.

Discussions on technology and investment focused on opportunities for Finnish enterprises to participate in Vietnam's priority development sectors, including clean energy, flexible power generation, smart urban transport, digital transformation, and secure and resilient critical infrastructure.

The two sides also explored potential cooperation with Finnvera, Finland's official export credit agency, to identify financing mechanisms for suitable projects.

In the energy sector, Finland expressed interest in Vietnam's power development planning, its strategy for expanding clean energy sources, and stable, predictable electricity pricing mechanisms that could support investment decisions.

Growing demand for green electricity from data centers was also identified as a promising area for cooperation, combining the technological strengths of Finnish enterprises with Vietnam's expanding infrastructure needs.

Regarding the circular economy, Finland expressed its interest in strengthening coordination with Vietnam and the European Union to complete the necessary procedures for implementing the industrial cooperation project, ensuring the timely signing of financing agreements and securing the committed funding.

At the conclusion of the meeting, both sides agreed to maintain close coordination and make effective use of existing cooperation mechanisms, particularly in implementing the EVFTA and promoting trade, investment, technology transfer and sustainable development.

Both sides reaffirmed their determination to translate cooperation potential into concrete programs, projects and practical initiatives, thereby further deepening economic, trade, industrial and energy cooperation between Vietnam and Finland in a mutually beneficial and effective manner■

CÔNG TÁC NỮ CÔNG TẠI CÔNG TY THUỐC LÁ SÀI GÒN

GẮN KẾT, SẺ CHIA *và lan tỏa yêu thương*

CÔNG TÁC NỮ CÔNG TẠI CÔNG TY THUỐC LÁ SÀI GÒN KHÔNG CHỈ CHÚ TRỌNG CHĂM LO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN, TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ NỮ ĐOÀN VIÊN PHÁT HUY NĂNG LỰC MÀ CÒN HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG TẬP THỂ ĐOÀN KẾT, GẮN BÓ VÀ GIÀU TINH THẦN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG.

● THÙY TRANG

Thông qua những hoạt động thiết thực, Công đoàn Công ty Thuốc lá Sài Gòn góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn, bồi đắp văn hóa doanh nghiệp và khẳng định vai trò của tổ chức công đoàn trong đồng hành cùng người lao động.

Chăm lo thiết thực, đồng hành cùng nữ đoàn viên

Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, đồng thời tạo điều kiện để nữ cán bộ, công nhân viên phát huy năng lực là một trong những nội dung trọng tâm của công tác nữ công tại Công ty Thuốc lá Sài Gòn. Hằng năm, nhân dịp Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Ban Nữ công phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức nhiều hoạt động thiết thực như: hội thi cắm hoa, nấu ăn, họp mặt giao lưu, tham quan du lịch, tặng quà; đồng thời tổng kết, biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà".

Bên cạnh đó, các hoạt động tuyên truyền, giao lưu, chia sẻ về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, xây dựng gia đình hạnh phúc cũng góp phần nâng cao nhận thức, khẳng định vai trò của nữ đoàn viên trong công việc và cuộc sống. Việc duy trì phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" không chỉ ghi nhận những nỗ lực của chị em trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn mà còn khuyến khích mỗi người tiếp tục vun đắp gia đình hạnh phúc, phát huy phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm.

Công tác nữ công còn gắn với việc quan tâm, chăm lo con của cán bộ, công nhân viên thông qua các hoạt động tuyên dương con em đạt thành tích cao trong học tập, thăm hỏi, động viên trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo và hỗ trợ các gia đình người lao động còn khó khăn. Những việc làm này thể hiện sự quan tâm của tổ chức công đoàn không chỉ đối với nữ đoàn viên mà còn hướng tới gia đình người lao động.



Phụ nữ Vinataba Sài Gòn chia sẻ và gắn kết

Bên cạnh các hoạt động chăm lo, Công ty và tổ chức công đoàn còn chú trọng tổ chức các chương trình văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tạo sân chơi lành mạnh để chị em giao lưu, rèn luyện sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần. Đặc biệt, nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10/2026, Công ty đã tổ chức thành công cuộc thi pickleball dành cho nữ cán bộ, công nhân viên, người lao động. Với không khí thi đấu sôi nổi,



Công ty Thuốc lá Sài Gòn trao tặng 50.000.000 đồng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Phường Bảo An

hào hứng, cuộc thi khuyến khích chị em tích cực rèn luyện thể chất, phát huy tinh thần tự tin, năng động và đoàn kết. Đây cũng là dịp để các nữ vận động viên giao lưu, chia sẻ niềm vui, tăng cường sự gắn bó với đồng nghiệp.

Từ phong trào thi đua đến các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, công tác nữ công được triển khai với nhiều hình thức gần gũi, thiết thực, đáp ứng nhu cầu của người lao động. Qua đó, tổ chức công đoàn tiếp tục phát huy vai trò đồng hành, động viên chị em cân bằng giữa công việc và cuộc sống, phát huy năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn và đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

Lan tỏa tinh thần sẻ chia, phát huy trách nhiệm cộng đồng

Trong khuôn khổ các hoạt động Ban Nữ công năm 2026, Công đoàn Công ty Thuốc lá Sài Gòn tổ chức nhiều hoạt động để nữ cán bộ, công nhân viên gặp gỡ, giao lưu và tăng cường gắn kết, đồng thời lan tỏa tinh thần sẻ chia, trách nhiệm với cộng đồng. Tại Khánh Hòa, trong hai ngày 30 và 31/10, đoàn Công ty Thuốc lá Sài Gòn tham gia chương trình công tác xã hội tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa; giao lưu và hỗ trợ hội viên Hội phụ nữ khó khăn trên địa bàn Phường với tổng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Hoạt động thể hiện tinh thần tương thân tương ái, sự quan tâm của tập thể người lao động đối với cộng đồng địa phương, đồng thời góp phần đưa những giá trị nhân văn trở thành một phần trong các hoạt động của tổ chức công đoàn.

Từ những việc làm cụ thể, chương trình góp phần khơi dậy tinh thần sẻ chia, ý thức trách nhiệm xã hội và sự chủ động đóng góp của mỗi cá nhân. Đây cũng là dịp để nữ cán bộ, công nhân viên cùng nhau lan tỏa những giá trị tốt đẹp, thể hiện hình ảnh người lao động Thuốc lá Sài Gòn không chỉ trách nhiệm trong công việc mà còn giàu lòng nhân ái.

Tăng cường gắn kết, bồi đắp văn hóa doanh nghiệp

Chương trình tại Khánh Hòa, hoạt động giao lưu với chủ đề "Gắn kết & Chia sẻ" và Gala Dinner "Đêm hội tỏa sắc - Thắt chặt yêu thương" tạo điểm nhấn cho hành trình của đoàn.

Nếu hoạt động giao lưu tạo không gian để các thành viên gặp gỡ, trao đổi và tăng cường sự thấu hiểu, thì đêm Gala Dinner mang đến cơ hội để nữ cán bộ, công nhân viên tự tin thể hiện cá tính, sự duyên dáng và nét đẹp riêng. Với tinh thần cởi mở, vui tươi, các hoạt động góp phần xóa nhòa khoảng cách giữa các bộ phận, tăng cường sự kết nối và tạo nên những kỷ niệm chung đáng nhớ, khuyến khích sự tương tác và tinh thần đồng đội.

Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp, sự gắn kết giữa người lao động với nhau và với công ty không chỉ được hình thành từ quá trình phối hợp trong công việc mà còn được bồi đắp qua những hoạt động chung, những cuộc trò chuyện và sự sẻ chia ngoài công việc thường nhật. Khi mỗi người có cơ hội hiểu hơn về đồng nghiệp, sự phối hợp trong công việc cũng có thêm nền tảng để trở nên thuận lợi và hiệu quả.

Từ những việc làm thiết thực vì cộng đồng đến những khoảnh khắc gắn kết đồng nghiệp, chương trình Ban Nữ công của Công ty góp phần lan tỏa thông điệp về một tập thể Thuốc lá Sài Gòn đoàn kết, nhân ái và giàu trách nhiệm. Đó cũng là cách những người phụ nữ của Công ty cùng nhau vun đắp văn hóa doanh nghiệp, lan tỏa yêu thương và đóng góp vào hành trình phát triển bền vững của đơn vị■

EVN GIỮ DÒNG ĐIỆN ỔN ĐỊNH, TĂNG TỐC CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

DÒNG ĐIỆN AN TOÀN, LIÊN TỤC PHỤC VỤ SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG, NHỮNG CÔNG TRÌNH NGUỒN VÀ LƯỚI ĐIỆN ĐẠT THÊM DẤU MỐC MỚI, DỊCH VỤ SỐ ĐẾN GẦN HƠN VỚI NGƯỜI DÂN LÀ NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT CỦA TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM (EVN) TRONG THÁNG 10/2026.

● THÁI LINH

Giữ nhịp dòng điện, mở thêm tiện ích

Tháng 10/2026, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống đạt 31,58 tỷ kWh, tăng 14,3% so với cùng kỳ. Đằng sau mức tăng này là nhiệm vụ bảo đảm điện an toàn, liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân được EVN duy trì xuyên suốt.

Lũy kế 10 tháng, sản lượng toàn hệ thống đạt 297,4 tỷ kWh, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2025. Sản lượng điện truyền tải ước đạt 239,23 tỷ kWh, tăng 11,2%, cho thấy quy mô vận hành ngày càng lớn của hệ thống điện.

Các nguồn điện tiếp tục được huy động để đáp ứng nhu cầu phụ tải. Nhiệt điện than đóng góp 147,78 tỷ kWh, chiếm 49,7%; thủy điện đạt 73,39 tỷ kWh, chiếm 24,7%; tua bin khí đạt 23,28 tỷ kWh, chiếm 7,8%. Năng lượng tái tạo đạt 40,72 tỷ kWh, chiếm 13,7%, trong đó điện mặt trời đóng góp 24,04 tỷ kWh, điện gió 15,37 tỷ kWh. Điện nhập khẩu đạt 11,77 tỷ kWh, chiếm 4%.

Cùng với việc giữ ổn định dòng điện, EVN tiếp tục mở rộng những tiện ích phục vụ khách hàng. Sau ứng dụng EVN CSKH và tổng đài 1558, trang Chăm sóc khách hàng EVN được tích hợp trên website Tập đoàn, tại mục "EVN và Khách hàng", với các tính năng nghiệp vụ đồng nhất và đầy đủ tiện ích của ứng dụng.

Một bước tiến đáng chú ý là 12 dịch vụ công ngành điện đã được triển khai trên VNeID trong cả nước. Người dân có thể tiếp cận các dịch vụ từ cấp điện mới hạ áp, trung áp đến thay đổi chủ thể hợp đồng, mục đích, định mức, công suất sử dụng điện; gia hạn, chấm dứt hợp đồng; thay đổi vị trí thiết bị đo đếm, thông tin hợp đồng; ngừng và cấp điện trở lại theo yêu cầu. Việc đưa dịch vụ điện lên nền tảng định danh điện tử giúp hoàn thiện hệ sinh thái chăm sóc khách hàng đa kênh, tạo thêm thuận tiện trong quá trình sử dụng điện.

Những công trình nối tiếp tiến độ

Tại các dự án trọng điểm, tháng 10 ghi nhận nhiều kết quả cụ thể. 2 tổ máy Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I, tổng công suất 1.403 MW, đã cơ bản hoàn thành, phát lên lưới điện quốc gia 620 triệu kWh. Đây là bước tiến để dự án hướng tới vận hành thương mại cả 2 tổ máy trong năm 2026.

Cũng tại Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, dự án LNG Quảng Trạch II với 2 tổ máy, tổng công suất 1.612,8 MW, đã khởi công và triển khai công việc theo hợp đồng. Trong khi đó, Thủy điện tích năng Bác Ái,



quy mô 4 tổ máy, tổng công suất 1.200 MW, đã ký hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện.

Ở Thủy điện Trị An mở rộng, 2 tổ máy có tổng công suất 200 MW đang được triển khai với nhiều mũi thi công đồng bộ, tập trung vào xây dựng và lắp đặt thiết bị. Công trình cầu Hiếu Liêm phấn đấu được nghiệm thu, đưa vào sử dụng trước ngày 30/11/2026.

Song hành với các dự án nguồn điện, hệ thống truyền tải và phân phối tiếp tục được bổ sung năng lực. Trong 10 tháng, EVN và các đơn vị đã khởi công 150 công trình, đóng điện 137 công trình lưới điện từ 110 đến 500 kV, gồm 5 dự án 500 kV, 16 dự án 220 kV và 116 dự án 110 kV.

Trong số đó có máy biến áp AT1 500 kV, công suất 900 MVA thuộc dự án nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Di Linh. Tại Phú Quốc, 3 công trình phục vụ Hội nghị APEC 2027 đã được đóng điện, gồm Trạm biến áp 220 kV Phú Quốc và 2 đường dây 110 kV Phú Quốc - Nam Phú Quốc, Phú Quốc - Bắc Phú Quốc.

Chủ động cho chặng cuối năm

Theo tính toán cập nhật của NSMO, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu tháng 11/2026 ước đạt 28,9 tỷ kWh, tăng 14,4% so với cùng kỳ. EVN tiếp tục chuẩn bị nguồn lực vận hành, từ sử dụng hiệu quả nguồn nước, tích nước hồ thủy điện đến bảo đảm nhiên liệu và khả dụng của các nhà máy nhiệt điện, đường dây, thiết bị.

Các đơn vị điện lực phối hợp với khách hàng lớn xây dựng phương án điều chỉnh, dịch chuyển phụ tải; cùng địa phương thúc đẩy tiết kiệm điện và phát triển điện mặt trời mái nhà.

Trên các công trường, mục tiêu được xác định rõ: đưa cả 2 tổ máy Quảng Trạch I vào vận hành thương mại trong năm; hoàn thiện thiết kế kỹ thuật LNG Quảng Trạch II và báo cáo nghiên cứu khả thi LNG Quảng Trạch III để trình, phê duyệt trong quý IV/2026; giữ tiến độ Thủy điện Trị An mở rộng và Thủy điện tích năng Bác Ái.

Các đơn vị đồng thời tập trung đóng điện toàn tuyến đường dây 220 kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - Trạm biến áp 500 kV Long Thành. EVNNPC đẩy nhanh lắp đặt hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin, hướng tới tổng quy mô 805 MW; EVNSPC tiếp tục triển khai các dự án cấp điện phục vụ APEC 2027 tại Phú Quốc. Những công việc ấy cùng hướng đến yêu cầu xuyên suốt: bảo đảm điện cho phát triển kinh tế và đời sống nhân dân■

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN:

BẢO ĐẢM NGUỒN ĐIỆN ỔN ĐỊNH, VƯỢT CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

● HUY TƯỞNG

Bám sát định hướng phát triển của tỉnh và chỉ đạo của Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC), trong 9 tháng đầu năm 2026, Công ty Điện lực Hưng Yên nỗ lực bảo đảm cung cấp điện an toàn, liên tục, phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân, góp phần thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp.

Thời tiết diễn biến phức tạp cùng đà phát triển của các khu, cụm công nghiệp tạo áp lực lớn lên hệ thống lưới điện. Công ty chủ động triển khai các giải pháp kỹ thuật, vận hành để duy trì cung cấp điện ổn định.

Đến hết tháng 9/2026, sản lượng điện thương phẩm đạt 8,85 tỷ kWh, tăng 10,72% so với cùng kỳ năm 2025 và bằng 74,78% kế hoạch năm. Tỷ lệ tổn thất điện năng ở mức 2,56%, thấp hơn 0,74% so với kế hoạch năm 2026 (3,30%) và giảm 0,11% so với cùng kỳ năm 2025 (2,67%).

Các chỉ số độ tin cậy cung cấp điện SAIDI (thời gian mất điện trung bình) và SAIFI (số lần mất điện trung bình) đều giảm. Công nghệ sửa chữa điện nóng (Hotline) và tự động hóa lưới điện phân phối (DAS/SCADA) góp phần rút ngắn thời gian gián đoạn cấp điện.

Xác định Hưng Yên là trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực Đồng bằng sông Hồng, Công ty chú trọng đầu tư, nâng cấp lưới điện. Trong 9 tháng, Công ty đẩy nhanh các dự án đường dây, trạm biến áp 110kV; cải tạo lưới điện trung áp, hạ áp chống quá tải; tăng cường kiểm tra, diễn tập sự cố và bảo dưỡng định kỳ bằng công nghệ CBM để phát hiện sớm nguy cơ.

Đại diện lãnh đạo Công ty cho biết, Điện lực Hưng Yên cam kết đáp ứng kịp thời nhu cầu công suất điện của nhà đầu tư khi dự án đi vào hoạt động.

Chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ

Cùng với việc bảo đảm cung cấp điện an toàn, ổn định, Công ty đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và dịch vụ khách hàng, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các dịch vụ điện.

Công ty cung cấp 100% dịch vụ điện trực tuyến cấp độ 4 qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia và các ứng dụng chăm sóc khách hàng (App CSKH, Zalo). Tỷ lệ thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt đạt 100%; công tơ điện tử được lắp đặt tại hơn 98% khách hàng, tỷ lệ thu thập số liệu từ xa gần như tuyệt đối, góp phần minh bạch số liệu và hỗ trợ khách hàng theo dõi mức tiêu thụ điện.



Nhân viên Xí nghiệp Lưới điện cao thế Hưng Yên kiểm tra bằng camera ảnh nhiệt máy biến áp

Chương trình Điều chỉnh phụ tải điện (DR) phi thương mại và vận động tiết kiệm điện tiếp tục nhận được sự đồng thuận của doanh nghiệp lớn, góp phần giảm tải hệ thống điện giờ cao điểm và tối ưu chi phí sản xuất.

Trong quý IV/2026, Công ty tập trung bảo đảm cung ứng điện, chuẩn bị phương án vận hành mùa mưa bão, củng cố lưới điện; đẩy nhanh công trình điện 110kV và lưới điện hạ thế; tuyên truyền tiết kiệm điện; nâng cao sự hài lòng của khách hàng, ứng dụng AI và dữ liệu lớn trong quản lý vận hành.

Với tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, cán bộ, công nhân viên Công ty Điện lực Hưng Yên đang quyết tâm thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ được giao, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh■

Petrolimex và ENEOS tăng cường hợp tác bảo đảm nguồn cung, phát triển năng lượng mới

Ngày 9/11/2026, tại Tokyo (Nhật Bản), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) và Tập đoàn ENEOS trao Biên bản ghi nhớ hợp tác (MoU), hướng tới đa dạng hóa nguồn cung xăng dầu, phát triển sản phẩm chất lượng cao và mở rộng hợp tác trong lĩnh vực năng lượng mới.

Hoạt động diễn ra trong khuôn khổ chuyến thăm Nhật Bản của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Phu nhân, dưới sự chứng kiến của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Thủ tướng Nhật Bản Takaichi Sanae.

Tiếp nối quan hệ đối tác chiến lược từ năm 2016, thỏa thuận mới tập trung tăng cường bảo đảm nguồn cung xăng dầu, nâng cao khả năng ứng phó với biến động thị trường và chuỗi cung ứng quốc tế. Hai bên nghiên cứu phương án tìm kiếm nguồn cung thay thế, phối hợp logistics và phát triển hoạt động kinh doanh dài hạn.

ENEOS là một trong những doanh nghiệp năng lượng hàng đầu Nhật Bản, sở hữu 9 nhà máy lọc dầu với tổng công suất khoảng 1,64 triệu thùng/ngày và hơn 11.000 cửa hàng xăng dầu. Việc kết nối năng lực cung ứng, công nghệ của ENEOS với hệ thống phân phối của Petrolimex được kỳ vọng nâng cao tính chủ động trong bảo đảm nguồn nhiên liệu cho thị trường Việt Nam.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu truyền thống, Petrolimex và ENEOS mở rộng hợp tác nghiên cứu, phát triển nhiên liệu hàng không, hàng hải, nhiên liệu chuyên dụng và các sản phẩm chất lượng cao. Hai bên cũng hướng tới nhiên liệu sinh học, nhiên liệu phát thải thấp, nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) và nhiên liệu tổng hợp, phù hợp xu hướng chuyển dịch năng lượng.

Hiện ENEOS là cổ đông chiến lược của Petrolimex thông qua Công ty TNHH ENEOS Việt Nam. Hai doanh nghiệp đã triển khai hợp tác về quản trị, đào tạo nhân lực, cải tiến vận hành và giảm phát thải.

BẢO LINH

Petrolimex tăng cường hợp tác với hơn 400 thương nhân nhận quyền

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) vừa tổ chức Hội nghị Khách hàng Thương nhân nhận quyền năm 2026 với chủ đề "Hợp lực để cùng tiến xa hơn", nhằm tăng cường kết nối, củng cố quan hệ hợp tác và mở rộng cơ hội kinh doanh trong hệ thống phân phối xăng dầu. Hội nghị quy tụ hơn 400 khách hàng là các thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu gắn với thương hiệu Petrolimex trên cả nước.

Theo lãnh đạo Petrolimex, hệ thống cửa hàng của các thương nhân nhận quyền đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng mạng lưới phân phối, đưa sản phẩm, dịch vụ đến người tiêu dùng và góp phần ổn định thị trường.

Trước những khó khăn của thị trường, Petrolimex tiếp tục triển khai các giải pháp bảo đảm nguồn cung, điều chỉnh chính sách kinh doanh linh hoạt trên tinh thần chia sẻ khó khăn, hài hòa lợi ích và nâng cao hiệu quả hợp tác.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu truyền thống, Tập đoàn định hướng mở rộng hợp tác với các



thương nhân nhận quyền trong hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ Petrolimex, đặc biệt là phân phối nhiên liệu chất lượng cao, thân thiện với môi trường như xăng sinh học E10 và dầu DO-V.

Thông qua hội nghị, Petrolimex tiếp tục tăng cường kết nối với các đối tác phân phối, hướng tới nâng cao chất lượng dịch vụ, hiệu quả kinh doanh và thích ứng với xu hướng chuyển dịch năng lượng.

TUẤN HÀ

65

TKV khánh thành Khu di tích lịch sử Địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) vừa khánh thành Dự án tu bổ, tôn tạo Khu di tích lịch sử Địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam (giai đoạn 2) tại núi Yên Lãng, phường Mạo Khê, thành phố Quảng Ninh. Công trình chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày Truyền thống công nhân Vùng mỏ - Truyền thống ngành Than (12/11/1936 - 12/11/2026).

Dự án được triển khai qua hai giai đoạn, trong đó giai đoạn 1 hoàn thành năm 2016. Giai đoạn 2 khởi công ngày 12/10/2025, với tổng mức đầu tư trên 235 tỷ đồng, tập trung tu bổ, tôn tạo Đền Thượng, Đền Hạ, Tháp Thạch trụ; xây dựng cổng vào, chỉnh trang cảnh quan và các công trình hạ tầng kỹ thuật. Sau một năm thi công, dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng theo kế hoạch, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của địa điểm khai thác than đầu tiên tại Việt Nam.

Phát biểu tại lễ khánh thành, Phó Tổng giám đốc TKV Phan Xuân Thủy nhấn mạnh ý nghĩa của công trình trong việc gìn giữ truyền thống ngành Than, xây dựng địa chỉ giáo dục lịch sử cho thế hệ trẻ. Khu di tích còn được định hướng kết nối với tuyến du lịch trải nghiệm di sản công nghiệp ngành Than, quần thể di tích nhà Trần tại Đông Triều và danh thắng Yên Tử. TKV yêu cầu các đơn vị tiếp tục hoàn thiện cảnh quan, xây dựng phương án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; đồng thời hoàn thiện đề án du lịch trải nghiệm di sản công nghiệp ngành Than gắn với phát triển du lịch bền vững.



Toàn cảnh dự án

BẢO LINH

TKV đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm

Tháng 10/2026, các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ than của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) đều vượt kế hoạch. Tập đoàn đang tập trung đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu năm 2026 trước ngày 25/12.

Tại Hội nghị điều hành sản xuất, tiêu thụ than tháng 11/2026 vừa tổ chức tại Quảng Ninh, Phó Tổng giám đốc TKV Nguyễn Huy Nam ghi nhận những kết quả đạt được và yêu cầu các đơn vị tiếp tục duy trì nhịp độ sản xuất trong những tháng cuối năm.

Theo báo cáo, nhờ thời tiết thuận lợi và nhu cầu than cho sản xuất điện tăng, tháng 10, TKV sản xuất 3,116 triệu tấn than nguyên khai, đạt 106,3% kế hoạch tháng; tiêu thụ 4,513 triệu tấn, đạt 104,3% kế hoạch. Trong đó, than cấp cho sản xuất điện đạt 3,531 triệu tấn, bằng 109% kế hoạch.

Lũy kế 10 tháng, sản lượng than nguyên khai đạt 30,776 triệu tấn, bằng 83,4% kế hoạch điều hành; than tiêu thụ đạt 43,372 triệu tấn, bằng 86% kế hoạch năm. Riêng than cấp cho sản xuất điện đạt 35,159 triệu tấn, bằng 83,7% kế hoạch năm.

Trong tháng 11, TKV đặt mục tiêu sản xuất 3 triệu tấn than nguyên khai, bóc xúc 11,370 triệu m^3 đất đá, đào 21.125 m lò và tiêu thụ 4,270 triệu tấn than, trong đó có 3,454 triệu tấn cấp cho sản xuất điện.



Thợ mỏ Than Vàng Danh thi đua sản xuất, hoàn thành kế hoạch được giao

Để hoàn thành mục tiêu, lãnh đạo TKV yêu cầu các đơn vị tăng sản lượng khai thác, đẩy mạnh chế biến, pha trộn, bảo đảm chất lượng và nguồn than cung ứng cho khách hàng. Đồng thời, tăng cường kiểm soát khí mỏ, phòng ngừa tai nạn lao động.

PHƯƠNG MINH

TKV đẩy nhanh tiến độ dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II

Vừa qua, đoàn công tác của Cục Phát triển doanh nghiệp Nhà nước (Bộ Tài chính) do Phó Cục trưởng Hồ Công Trung làm trưởng đoàn đã kiểm tra tiến độ Dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II.

Theo Ban Quản lý dự án, đến nay khối lượng xây dựng đạt trên 93%, lắp đặt thiết bị đạt trên 87%; hơn 98% thiết bị chính đã tập kết tại công trường. Các hạng mục thử áp lực đường ống, đóng điện trạm biến áp tự dùng và xung điện máy biến áp chính đã hoàn thành an toàn, đạt yêu cầu kỹ thuật.

Hiện hơn 900 cán bộ, kỹ sư và công nhân đang duy trì thi công liên tục 3 ca, tập trung hoàn thành các mốc tiến độ quan trọng trong tháng 11.

Về nhiên liệu, Công ty Than Na Dương đã chuẩn bị các diện khai thác, bảo đảm nguồn than phục vụ chạy thử trong tháng 12/2026, chạy tin cậy đầu năm 2027 và cung ứng ổn định lâu dài cho 2 nhà máy.

Tại buổi làm việc, lãnh đạo TKV yêu cầu các đơn vị tập trung nguồn lực, kiểm soát chặt tiến độ từng hạng mục, hoàn tất căn chỉnh kỹ thuật trước ngày 15/12, đồng thời hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu, giấy phép môi trường và phòng cháy chữa cháy, bảo đảm điều kiện vận hành an toàn.



Đoàn công tác Cục Phát triển doanh nghiệp Nhà nước (Bộ Tài chính) kiểm tra tiến độ xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Na Dương II

Phó Cục trưởng Hồ Công Trung ghi nhận nỗ lực của TKV và các đơn vị thi công, đồng thời đề nghị tiếp tục đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa dự án vào vận hành, góp phần bảo đảm nguồn cung điện cho khu vực miền Bắc.

TUẤN HÀ

Than Thống Nhất cải thiện môi trường sống tại các khu tập thể công nhân

Thực hiện chủ trương chăm lo đời sống người lao động, Công ty Than Thống Nhất đang đẩy mạnh cải tạo cảnh quan, nâng cấp điều kiện sinh hoạt tại hai khu tập thể công nhân theo tiêu chí "Sáng - Xanh - Sạch".

Công ty thường xuyên rà soát hệ thống chiếu sáng, bổ sung cây xanh, vệ sinh hành lang, sân vườn, khơi thông hệ thống thoát nước và thu gom, phân loại rác thải. Các tuyến đường nội bộ được tưới nước, phun sương dập bụi nhằm cải thiện môi trường sống.

Cùng với chỉnh trang cảnh quan, Công ty bố trí phòng ở hợp lý, bổ sung trang thiết bị thiết yếu như điều hòa, bình nóng lạnh, giường, tủ và thiết bị vệ sinh khép kín. Các khu tập thể được bố trí nhà ăn, cung cấp nước sạch, đồng thời trang bị dụng cụ thể dục, sân cầu lông, bàn bóng bàn phục vụ nhu cầu rèn luyện sức khỏe, sinh hoạt văn hóa của công nhân.

Đáng chú ý, ngày 1/6/2026, Công ty khởi công Dự án xây dựng nhà tập thể công nhân khu Cẩm Thành, phường Cẩm Phả, thành phố Quảng Ninh. Công trình có quy mô 7 tầng, gồm 126 phòng ở khép kín cùng các hạng mục sinh hoạt chung, thể thao, phòng cháy chữa cháy và cảnh quan. Dự kiến công trình được đưa vào sử dụng tháng 9/2027.



Khu tập thể công nhân 6 tầng Cẩm Thành, Công ty Than Thống Nhất

Việc cải thiện điều kiện ăn ở, sinh hoạt không chỉ nâng cao chất lượng đời sống công nhân mà còn góp phần thu hút, giữ chân lao động, tạo điều kiện để thợ lò yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

HÀ ANH

HƯNG YÊN
TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THỊ TRƯỜNG, QUYẾT LIỆT CHỐNG BUÔN LẬU VÀ HÀNG GIẢ

NĂM 2026, CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG, ĐẤU TRANH CHỐNG BUÔN LẬU, GIAN LẬN THƯƠNG MẠI VÀ HÀNG GIẢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN TIẾP TỤC ĐƯỢC TRIỂN KHAI QUYẾT LIỆT VỚI SỰ PHỐI HỢP CỦA CÁC LỰC LƯỢNG CHỨC NĂNG. QUA ĐÓ, NHIỀU VỤ VIỆC VI PHẠM ĐƯỢC PHÁT HIỆN, XỬ LÝ KỊP THỜI, GÓP PHẦN ỔN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG, BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH LÀNH MẠNH.

● HUY TƯỞNG

Chủ động kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm

Trong tháng 9/2026, thị trường hàng hóa Hưng Yên cơ bản duy trì ổn định, nguồn cung đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Hoạt động mua sắm tập trung vào các nhóm hàng phục vụ năm học mới và Tết Trung thu như bánh kẹo, thực phẩm bao gói, đồ chơi trẻ em, quần áo, giày dép và đồ dùng học tập. Tuy nhiên, đây cũng là thời điểm tiềm ẩn nguy cơ gia tăng các hành vi kinh doanh hàng nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ, hàng giả và vi phạm quy định về an toàn thực phẩm.

Trước tình hình đó, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Hưng Yên đã phối hợp với lực lượng Công an và các đơn vị chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát địa bàn, tập trung vào những nhóm hàng có nguy cơ vi phạm cao. Công tác kiểm tra được gắn với việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả mạo nhãn hiệu và hàng hóa không bảo đảm điều kiện lưu thông.

Riêng trong tháng 9, lực lượng chức năng đã kiểm tra, xử lý 10 vụ buôn bán, vận chuyển trái phép hàng cấm, hàng nhập lậu; 10 vụ kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ và 20 vụ buôn bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu. Các mặt hàng vi phạm chủ yếu gồm pháo nổ, thuốc lá điếu, quần áo, giày dép, vải cuộn, phụ kiện xe máy và thực phẩm bao gói. Tổng số tiền phạt là 207,5 triệu đồng, khởi tố 4 đối tượng, buộc tiêu hủy hàng hóa trị giá 121,6 triệu đồng.

Bên cạnh kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, công tác quản lý giá và bảo đảm an toàn thực phẩm cũng được chú trọng. Trong dịp Tết Trung thu, các lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra bánh Trung thu, bánh kẹo, nước giải khát, đồ chơi trẻ em; giám sát việc niêm yết và bán đúng giá niêm yết, chủ động phòng ngừa tình trạng đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý.

Đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm, trong tháng 9, lực lượng chức năng đã kiểm tra, phát hiện và xử phạt 21 cơ sở vi phạm, với tổng số tiền 194,1 triệu đồng. Đồng thời, buộc tiêu hủy 66 kg lòng lợn, 57 kg bì lợn, 15 kg thực phẩm bao gói kém chất lượng và 341 gói, bịch bánh kẹo không bảo đảm điều kiện lưu thông theo quy định.

Những kết quả trên cho thấy sự chủ động của các lực lượng chức năng trong công tác nắm bắt diễn biến thị trường, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm, góp phần bảo đảm quyền lợi người tiêu dùng và giữ ổn định hoạt động thương mại trên địa bàn.

Nâng cao hiệu quả phối hợp, hướng tới thị trường minh bạch

Bên cạnh hoạt động kiểm tra, xử lý, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tiếp tục được quan tâm triển khai. Các sở, ngành, đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo 389 tỉnh và UBND các xã, phường tăng cường hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng hàng hóa, niêm yết giá và an toàn thực phẩm.

Thông qua hoạt động tuyên truyền, nhận thức của các cơ sở kinh doanh và người tiêu dùng từng bước được nâng cao. Người dân được khuyến khích lựa chọn hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng, ưu tiên sản phẩm bảo đảm chất lượng, đồng thời chủ động phản



Đội Quản lý thị trường số 3 khuyến nghị các tổ chức, cá nhân kinh doanh chủ động kiểm soát nguồn hàng, cung cấp thông tin trung thực và bảo đảm chất lượng sản phẩm

ánh, cung cấp thông tin về các hành vi vi phạm đến cơ quan chức năng.

Theo đánh giá của Ban Chỉ đạo 389 tỉnh, tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn trong tháng 9 cơ bản được kiểm soát. Kết quả đạt được có sự đóng góp từ việc tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, lực lượng chức năng và chính quyền cơ sở, gắn công tác kiểm tra với quản lý địa bàn và tuyên truyền, vận động.

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát trong những tháng cuối năm

Trong những tháng cuối năm 2026, dự báo hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh hàng giả có thể diễn biến phức tạp hơn khi nhu cầu mua sắm tăng cao. Đặc biệt, các hành vi vi phạm có xu hướng lợi dụng mạng xã hội, sàn thương mại điện tử và các hình thức kinh doanh trực tuyến để quảng cáo, giao dịch, vận chuyển hàng hóa không rõ nguồn gốc, gây khó khăn cho công tác kiểm tra và truy xuất nguồn gốc.

Trước yêu cầu đó, Ban Chỉ đạo 389 tỉnh Hưng Yên xác định tiếp tục nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng, chủ động nắm chắc tình hình, tăng cường kiểm tra tại các địa bàn, tuyến giao thông, cơ sở kinh doanh và nhóm hàng có nguy cơ cao. Trọng tâm là kiểm soát hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ và hàng hóa không bảo đảm chất lượng.

Cùng với đó, công tác kiểm tra việc chấp hành quy định về nhãn hàng hóa, chất lượng, an toàn thực phẩm và niêm yết giá sẽ tiếp tục được đẩy mạnh; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ, găm hàng và tăng giá bất hợp lý. Công tác tuyên truyền cũng được đổi mới theo hướng thiết thực, giúp doanh nghiệp, hộ kinh doanh nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và người tiêu dùng chủ động bảo vệ quyền lợi của mình.

Với phương châm chủ động phòng ngừa, kiểm tra có trọng tâm, xử lý nghiêm vi phạm và tăng cường trách nhiệm của từng lực lượng, công tác quản lý thị trường tại Hưng Yên hướng tới mục tiêu không chỉ kiểm soát tốt các hành vi vi phạm mà còn tạo dựng môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng. Đây là nền tảng quan trọng để bảo vệ hoạt động sản xuất, kinh doanh chân chính, củng cố niềm tin của người tiêu dùng và thúc đẩy thị trường phát triển ổn định, bền vững■


Thấy
BIA HÀ NỘI
Là thấy TẾT
NÂNG TẦM VỊ THẾ
BIA HÀ NỘI
HABECO
Thấy
BIA HÀ NỘI
Là thấy TẾT
BIA HÀ NỘI
Chúc mừng năm mới

LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ TỈNH HƯNG YÊN

HOẠT ĐỘNG ỔN ĐỊNH, THU NHẬP NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC CẢI THIỆN



Đại hội đại biểu Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hưng Yên

KẾT QUẢ ĐẾN THÁNG 9/2026

812 TỔ HỢP TÁC
(khoảng 23.000 thành viên)

VIỆC LÀM & THU NHẬP

20.866 LAO ĐỘNG
Được tạo việc làm thường xuyên

VIỆC LÀM & THU NHẬP

949 HỢP TÁC XÃ (HTX)
Thành lập mới 7 HTX,
sáp nhập 32 HTX

8 TRIỆU ĐỒNG/người/tháng
Thu nhập bình quân,
tăng 6,7% so với năm 2025

ĐA DẠNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Nông nghiệp
- Chế biến nông sản
- Tiêu thụ nông sản
- Vận tải
- Môi trường
- Tiểu thủ công nghiệp
- Thương mại - dịch vụ
- Quỹ tín dụng nhân dân

TRỌNG TÂM & MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Thúc đẩy chuyển đổi số

Phát triển chuỗi giá trị

Nâng cao chất lượng & thương hiệu

Phát triển bền vững, ổn định

ĐỊA CHỈ: 335 Lê Văn Lương, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên
ĐIỆN THOẠI: 02213.864.326 | **EMAIL:** hungyen@vca.org.vn
Chủ tịch: Nguyễn Cao Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG MÔI TRƯỜNG THIÊN Ý - HUY ANH

Địa chỉ: Số 15 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Điện thoại: 0818962357 | Mã số thuế: 0901176778



PHỐI CẢNH DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN RÁC PHÙ CỪ

Theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 25/12/2025, UBND tỉnh Hưng Yên đã chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án Nhà máy điện rác Phù Cừ do Công ty Cổ phần Năng lượng Môi trường Thiên Ý – Huy Anh thực hiện. Dự án có quy mô công suất thiết kế 1.600 tấn chất thải/ngày đêm, công suất phát điện 40 MW. Đặt tại xã Đoàn Đào có diện tích gần 70,000 m².

Dự án Nhà máy điện rác Phù Cừ được xây dựng theo các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt của châu Âu và Việt Nam, hướng tới vận hành an toàn, hiệu quả, giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

"Biến rác thải thành tài nguyên - Biến bãi rác thành công viên - Biến thách thức thành cơ hội - Biến khát vọng thành hiện thực"

Dự án khẳng định cam kết phát triển bền vững, hướng tới thông điệp
"Đốt rác sạch - Điện sáng xanh, vì Hưng Yên vững mạnh".

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN DỆT MAY AN THÀNH

Địa chỉ: Thôn Mãn Hoà, Xã Châu Ninh, Tỉnh Hưng Yên
Giám đốc: **LÊ THỊ LỆ GIANG** | Số điện thoại: 0948.666.804

Từ một xưởng may nhỏ với số vốn ban đầu 200 triệu đồng, chị Lê Thị Lệ Giang đã từng bước xây dựng Công ty TNHH Tập đoàn Dệt may An Thành, tạo dựng chỗ đứng trong lĩnh vực sản xuất đồng phục.

Với chị, thành công của doanh nghiệp không chỉ nằm ở quy mô sản xuất hay hiệu quả kinh doanh, mà còn ở khả năng tạo ra những giá trị bền vững cho người lao động và cộng đồng.









Bản lĩnh khởi nghiệp từ những điều nhỏ nhất

Sinh năm 1994, tại thôn Mãn Hòa, xã Châu Ninh, chị Lê Thị Lệ Giang sớm nuôi dưỡng tinh thần tự lập và khát vọng làm chủ. Khi còn là sinh viên, với số vốn hơn 1 triệu đồng, chị đã thử sức kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau. Những trải nghiệm ban đầu giúp chị tích lũy kinh nghiệm, rèn luyện khả năng nắm bắt thị trường và nuôi dưỡng niềm đam mê kinh doanh.

Năm 2019, chị quyết định đầu tư 200 triệu đồng mở xưởng may rộng hơn 100 m², với 7 công nhân, chuyên sản xuất áo phông và các sản phẩm đồng phục học sinh, sinh viên và các đồng phục đồng hành cùng Đại hội. Khởi đầu trong điều kiện còn nhiều hạn chế về vốn, kinh nghiệm quản trị và thị trường, chị lựa chọn cách đi từng bước chắc chắn, lấy chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng làm nền tảng phát triển. Từ xưởng may ban đầu, chị thành lập Công ty TNHH Tập đoàn Dệt may An Thành. Đến nay, doanh nghiệp có nhà xưởng gần 1.000 m², được trang bị 50 máy may, công suất khoảng 120.000 sản phẩm mỗi tháng. Trong chặng đường phía trước, chị tiếp tục hướng đến ba giá trị cốt lõi: tạo ra những sản phẩm đồng phục mang sức mạnh gắn kết, lấy công nghệ làm động lực nâng cao năng lực cạnh tranh và lấy trách nhiệm xã hội làm nền tảng cho sự phát triển lâu dài.

Bởi sau cùng, giá trị của một doanh nghiệp không chỉ được đo bằng những gì tạo ra trên thị trường, mà còn bằng những điều tốt đẹp doanh nghiệp để lại cho con người và xã hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

THUAN DUC JOINT STOCK COMPANY

2007 - 2027

20

BAO BÌ LÀ PHẢI ĐẸP

BUỒM CĂNG GIÓ - VƯỢT TRÙNG KHƠI











Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên

1800 9466

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI
ĐIỆN MẶT TRỜI ĐỨC ANH

Tư vấn, khảo sát, thi công đồng bộ - giải pháp phù hợp với từng công trình

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần ngoài quốc doanh (100% vốn tư nhân)
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, thương mại và dịch vụ điện mặt trời.



GIẢI PHÁP TỐI ƯU

- Khảo sát, đánh giá kỹ lưỡng diện tích lắp đặt, điều kiện bức xạ, nhu cầu tiêu thụ và khả năng đầu tư.
- Lựa chọn thiết bị chất lượng cao, có độ tương thích tốt và chế độ bảo hành rõ ràng.
- Đồng hành hỗ trợ khách hàng từ khâu lựa chọn sản phẩm đến quá trình đưa hệ thống vào sử dụng thực tế.



Khu phố Hoà Bình , Xã Hoàng Hoa Thám, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

0938.393.555 Giám đốc: PHẠM VĂN THẮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

VÌ MÔI TRƯỜNG XANH - SẠCH - ĐẸP



Trụ sở chính: Số 12, Đường Tây Thành, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0221 3 867 199
Email: congtymoitruonghungyen@gmail.com

TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG THÔNG BÁO

THỂ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI CÔNG BỐ CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG, CHỈ SỐ ISSN 0866 - 7756, ĐƯỢC XUẤT BẢN BẰNG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH.
TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC CÔNG NHẬN TÍNH ĐIỂM CHO CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC THUỘC CÁC LIÊN NGÀNH: KINH TẾ 0 - 0,5 ĐIỂM; LUẬT HỌC 0 - 0,5 ĐIỂM VÀ HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM 0 - 0,5 ĐIỂM.

Hàng tháng, Tạp chí Công Thương sẽ dành 3 số công bố Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, thuộc các ngành: Kinh tế ; Luật học; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Cơ khí - Động lực; Cơ học; Luyện kim; Công nghệ thông tin; Điện - Điện tử - Tin học; Sinh học; Xây dựng - Kiến trúc.

Tạp chí Công Thương trân trọng thông báo và hoan nghênh các cộng tác viên có nhu cầu công bố các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ gửi bài đến Tòa soạn. Tạp chí Công Thương sẽ biên tập, thẩm định để đăng vào số thích hợp nhất và Tạp chí Công Thương điện tử.

Thể lệ viết và gửi bài báo khoa học trên Tạp chí Công Thương như sau:

1. YÊU CẦU CHUNG

- Bài gửi Tạp chí Công Thương phải là những bài báo khoa học chưa từng được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.
- Bài viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.
- Dung lượng bài báo khoảng 4.000 từ. Các danh từ tiếng Việt nếu dịch từ tiếng nước ngoài phải viết kèm theo tiếng nước ngoài. Chữ viết tắt phải có chú thích từ gốc.
- Bài báo gửi về Tòa soạn thông qua hộp thư điện tử được viết dưới dạng file Word; Font chữ Times New Roman.
- Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có cơ quan quản lý, cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).

2. YÊU CẦU VỀ TRÌNH TỰ NỘI DUNG

- **Tên bài báo (Title):** phản ánh được nội dung chính của bài báo, cần phải rõ ràng, không dài quá 20 từ (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh), chữ thường, đậm.
- **Tên tác giả (Author's name):** bao gồm cả họ và tên, viết hoa chữ cái đầu, chữ thường, đậm.
- **Tóm tắt (Abstract):** phản ánh khái quát những nội dung chính trong bài báo và thể hiện rõ những kết quả, đóng góp, điểm mới của bài báo, dài khoảng 100 từ (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh), chữ thường.
- **Từ khóa (Keywords):** thể hiện chủ đề của bài viết, chọn khoảng 3 - 5 từ (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh), chữ thường.
- **Đặt vấn đề (Introduction):** cần trình bày rõ lý do thực hiện nghiên cứu và tầm quan trọng của chủ đề nghiên cứu (có ý nghĩa như thế nào về mặt lý luận và thực tiễn); xác định rõ vấn đề nghiên cứu; nội dung chính mà bài báo sẽ tập trung giải quyết, chữ thường.
- **Tổng quan nghiên cứu và/hoặc Cơ sở lý thuyết (Literature review and/or Theoretical framework):** trình bày khái quát và tổng hợp các công trình nghiên cứu có liên quan, qua đó chỉ ra khoảng trống nghiên cứu (research gap); cơ sở lý thuyết liên quan; khung lý thuyết hoặc khung phân tích sử dụng trong bài.
- **Phương pháp nghiên cứu (Methodology):** có thể là phương pháp nghiên cứu định tính hoặc định lượng, hoặc cả hai tùy theo cách tiếp cận của tác giả, trong đó cần thể hiện mô hình và các giả thuyết nghiên cứu (nghiên cứu định lượng) và/hoặc thiết kế nghiên cứu định tính; đồng thời cần chỉ ra cách thức thu thập dữ liệu.
- **Kết quả và thảo luận (Results and discussion):** trình bày, phân tích các kết quả phát hiện, thu được trong nghiên cứu; đồng thời thảo luận rút ra mối quan hệ chung, mối liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với những phát hiện khác trong các nghiên cứu trước đó; chữ thường. Lưu ý: Chú thích bảng/hình được đánh số thứ tự tăng dần, không đánh theo thứ tự các tiểu mục. Mỗi bảng/hình cần phải có tên tương ứng mô tả chính xác nội dung của bảng/hình. Số thứ tự và tên bảng/hình được đặt ở vị trí phía trên cùng của bảng/hình đó theo phương chiều ngang, chữ in đậm. Các bảng/hình phải được dẫn nguồn. Nguồn được đặt dưới cùng của bảng/hình, chữ trình bày in nghiêng, không in đậm.
- **Kết luận hoặc/và giải pháp/khuyến nghị/hàm ý (Conclusions or/and solutions/suggestions/implications):** xuất phát từ kết quả nghiên cứu và tùy theo mục tiêu nghiên cứu, cần có kết luận và đưa ra giải pháp hay khuyến nghị cho các nhà quản lý doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách,... có thể thêm quan điểm của nghiên cứu, chữ thường.
- **Lời cảm ơn (Acknowledgements):** không bắt buộc, dành để cảm ơn các cơ quan, tổ chức tài trợ, các cá nhân có đóng góp, giúp đỡ cho việc viết và hoàn thiện bài báo, chữ thường, đậm, nghiêng.
- **Danh mục tài liệu tham khảo (References):** bao gồm các tài liệu đã trích dẫn/tham khảo trong bài báo theo chuẩn APA, được trình bày theo thứ tự: Tên tác giả/tên cơ quan chủ quản, (năm xuất bản), tên bài viết/tên tài liệu, tên đơn vị xuất bản/tên địa phương, tập/số, trang, mã DOI nếu có. Các tài liệu tham khảo được sắp xếp theo vần ABC chữ cái đầu tiên, tài liệu tiếng Việt trước, tiếng Anh sau, chữ thường.

  Với các tài liệu trích dẫn trong bài báo, cần đánh dấu 1, 2, 3,... chữ nhỏ ở ngay phía trên đoạn nội dung đã trích dẫn; đồng thời tổng hợp đầy đủ TÀI LIỆU TRÍCH DẪN ở cuối bài báo. Với các tài liệu tham khảo, cần cho vào ( ) ở ngay cuối phần nội dung phân tích; đồng thời tổng hợp đầy đủ TÀI LIỆU THAM KHẢO ở cuối bài báo.
- **Thông tin tác giả (Author's biology):** ghi rõ học hàm, học vị, chức danh, đơn vị công tác, số điện thoại, email, địa chỉ nhận thư.

THÔNG TIN CHI TIẾT, LIÊN HỆ:
Tòa soạn: TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG
Địa chỉ: Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243.2088856 - 0936.131861 *Website: http://www.tapchicongthuong.vn

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP



TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

TRỤ SỞ CHÍNH: Địa chỉ: Lô D, Khu D1, khu đất đấu giá 18,6 ha, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

CN THANH HÓA: Tổ dân phố 14 - Phường Quang Trung - Tỉnh Thanh Hóa - Việt Nam